



SỐ 05
Tạp Chí
PHẬT GIÁO
Nguyễn Thuyết
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THERAVÁDA

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYỄN THUYẾT

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh
Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân
ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh
ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,
Q.Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

Trong số này

* Thư chúc tết của Đức Pháp chủ	03
* Lá thư chúc tết của Tổng Biên tập	04
* Nghị quyết Hội nghị kỳ 4 khóa 6	05
* Chương trình hoạt động Phật sự năm 2011	06

1. KINH TẠNG

- Kinh Pháp Môn căn bản - HT Thích Minh Châu	10
- Dự ngôn về hồ nước - Tuệ Siêu	11
- Hành thiền qua Trung Bộ kinh - TK. Siêu Minh	12
- Phật dạy về hạnh tinh tấn - Upasika	14

2. LUẬT TẠNG

- Tìm hiểu luật tạng Pāli - TK. Giác Nguyên	16
---	----

3. THIỀN HỌC

- Thiền học vấn đáp - Viên Minh	19
---------------------------------	----

4. LUẬN TẠNG

- Pháp Hỷ trong đời sống - Đại đức Thiện Minh	22
---	----

5. SUY NGẪM

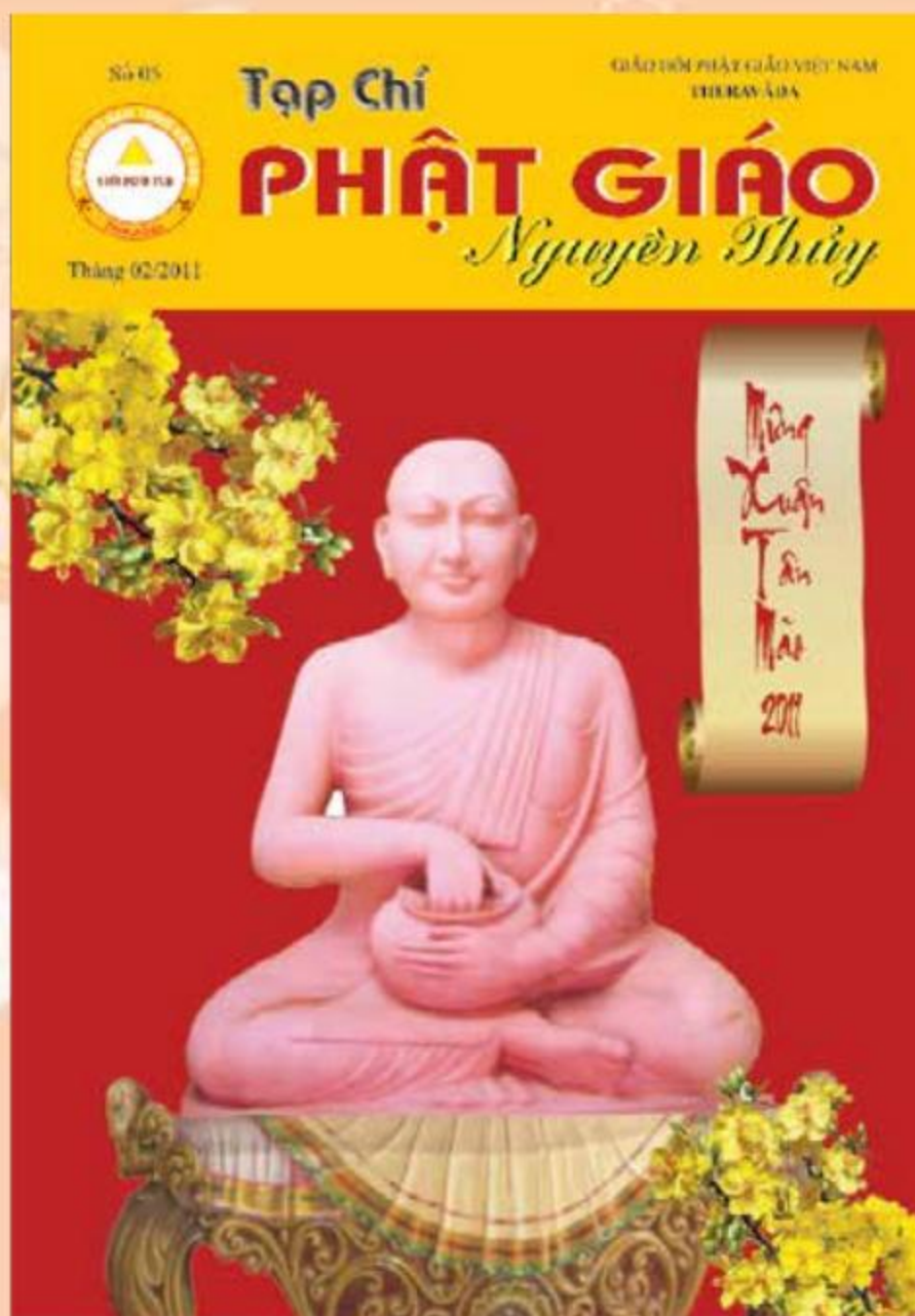
- Nghệ thuật sống năm 2011 - Trinh sư tầm	24
---	----

6. ĐỐI THOẠI

- Phỏng vấn HTTS Kim Triệu - Quốc An	25
--------------------------------------	----

7. VĂN THƠ

- Xuân trong lòng người tu sĩ - ĐĐ Phước Định	28
- Đức Phật một mùa xuân - Minh Trí	29
- Mừng xuân Tân Mão - TK Nguyên Ngọc	30
- Ngẫu hứng - Hiền Khánh	32
- Tứ động tâm - Như Quang	32
- Xuân tại tâm - Minh Trí	33
- Về thăm Bửu Quang - Nguyễn Thanh Điềm	33
- Tập buông - Tâm Uyên	33
- Phẩm trí giả - HT Thích Giác Toàn	34



8. VĂN HÓA

- Giáo dục - HT. Thiện Tâm	35
- Giao lưu với Th. sĩ Ngọc Bửu - PV	37
- Ánh sáng và bụi bặm - Nguyên Cẩn	38
- PGNT có tôn thờ thần linh - TS Thái Văn Chải	40

9. VĂN HỌC PĀLI

- Đại hội kết tập kinh điển lần thứ 4 - TK. Suvijjo	42
---	----

10. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- 30 cách ngăn ngừa ung thư - Lang sư tầm	44
---	----

11. PHÁP LUẬT

- Lĩnh vực thừa kế - LS Lâm Thị Mai	47
-------------------------------------	----

12. THEO DÒNG

- Những tâm tình độc giả - Hoàng Anh	48
- Thầy tôi - Bích Vân	51
- Hòa thượng thiền sư Pháp Minh - TT Tăng Định	52
- Tin vắn	53
- Lễ hỷ nhật ni trưởng Diệu Đáng - PV TCPGNT	56

KÍNH CHÚC TẾT

CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

GIẢI CHƯ TĂNG NI PHẬT TỬ VIỆT NAM Ở TRONG NƯỚC VÀ Ở NƯỚC NGOÀI

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhân dịp đón xuân mới Tân Mão, dương lịch 2011, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi có lời thăm hỏi và chúc mừng năm mới vạn sự cát tường an lạc đến chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Năm 2010 là năm đất nước diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, đặc biệt là Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội. Hoà chung với sự kiện đó, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã long trọng tổ chức thành tựu viên mãn Đại lễ Phật giáo kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, được cộng đồng xã hội trong nước và quốc tế đánh giá cao, qua đó đã nói lên tinh thần phụng sự dân tộc và đạo pháp của Phật giáo Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử 2000 năm Phật giáo Việt Nam đồng hành với dân tộc.

Bên cạnh đó nhiều hoạt động từ thiện xã hội giúp đỡ đồng bào khó khăn trên mọi miền của Tổ quốc cũng được triển khai có hiệu quả thiết thực; công tác hoằng dương Phật pháp, hướng dẫn Phật tử, nghiên cứu khoa học và xuất bản văn hoá phẩm Phật giáo được chú trọng một cách căn bản, đã tạo nên nền tảng và có ý nghĩa hỗ trợ cho việc triển khai thành tựu các chương trình hoạt động Phật sự khác. Sự phát triển chuyên sâu có hệ thống của công tác giáo dục đào tạo Tăng ni được quan tâm đặc biệt, đáp ứng ngày một tốt hơn cho công tác Phật sự của các cấp Giáo hội. Công tác đối ngoại của Giáo hội tiếp tục được duy trì và phát triển đến nhiều quốc gia, nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh tín ngưỡng và tu tập của kiều bào Việt Nam hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài cũng như củng cố các mối quan hệ truyền thống giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Phật giáo các nước trên thế giới.

Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, tôi có lời tán thán công đức đến các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Tăng ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài về những thành tựu Phật sự đã đạt được trong năm qua.

Năm 2011, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục triển khai các chương trình hoạt động Phật sự ích đạo lợi đời, trong đó tập trung chuẩn bị tổng kết công tác Phật sự theo nhiệm kỳ, tổ chức Đại hội Phật giáo ở cơ sở và tiến tới Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII vào năm 2012.

Đây là những Phật sự quan trọng, vì vậy các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải không ngừng phát huy kết quả thành tựu Phật sự đã đạt được, tập trung trí tuệ để hoàn thành tốt mọi chương trình và nghị quyết của cả nhiệm kỳ đã đề ra.

Nhân dịp đón Xuân mới – Tân Mão, thay mặt các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Tăng ni, cư sĩ Phật tử, Tôi bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc trước sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm mới kính chúc cát tường, hạnh phúc đến Quý cơ quan và cá nhân gia đình quý vị Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nam mô Hoan hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

TM. BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PHÁP CHỦ

(đã ấn ký)

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ

Lá thư Chúc tết

*Kính gửi: Chư Tôn đức Giáo phẩm, Tăng Ni, Phật tử,
Quý vị Lãnh đạo Chính quyền, Ban ngành đoàn thể,
Quý vị thiện tri thức, cộng tác viên, ân nhân và độc giả*

Năm Canh Dần là một năm có nhiều sự kiện quan trọng đối với Đất nước và Giáo hội, làm nức lòng hoan hỉ của Nhân dân và Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước.

Nhờ nỗ lực thực hành lời Phật dạy qua khẩu hiệu: “Đoàn kết - Hòa hợp – Trưởng dưỡng đạo tâm và Trang nghiêm Giáo hội”, toàn thể Tăng ni Phật tử cả nước thực hiện thành tựu nhiều công đức góp phần cùng toàn dân, đoàn kết ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới, định hướng phát triển của Đất nước và Phật giáo Việt Nam trong xu thế hội nhập, hòa bình, hợp tác của khu vực và thế giới.

Trước thềm năm mới, Đại hội Đảng lần thứ XI vừa kết thúc thành công tốt đẹp, mở ra thời kỳ phát triển mới của đất nước, đưa nhân dân Việt Nam sớm vượt qua mọi khó khăn thách thức, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng và văn minh.

Hòa cùng với niềm vui chung của nhân dân cả nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã ra nghị quyết: Năm Tân Mão – 2011, là năm tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày thành lập GHPGVN, đánh dấu một chặng đường phát triển mới của Phật giáo, tích cực hoạt động nhằm thực hiện hữu hiệu phương châm: “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội” của Giáo hội đã đề ra.

Đây là năm hứa hẹn nhiều thành tựu công đức hơn nữa của tăng ni Phật tử trong và ngoài nước, trong đó có nỗ lực của tăng ni Phật tử hệ phái Nam tông.

Là một Tạp chí của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nguyệt san Phật giáo Nguyên thủy mới ra đời, phát hành được 5 số, luôn trung thành với tôn chỉ mục đích của Tạp chí; tuy còn nhiều khó khăn và những khuyết điểm về hình thức, nội dung, nhưng đã được khá nhiều Tăng ni Phật tử gần xa hoan hỉ góp ý xây dựng.

Ban biên tập xin chân thành tri ân sự quan tâm và ủng hộ của chư tôn đức và quý liệt vị.

Nhân dịp tết cổ truyền dân tộc Tân Mão - 2011, Ban biên tập chúng tôi xin chân thành kính gửi đến chư Tôn đức giáo phẩm lãnh đạo các cấp Giáo hội, Lãnh đạo Chính quyền, Mặt trận, Ban ngành đoàn thể, chư tôn đức Tăng Ni, chư vị thiện hữu tri thức, quý thiện nam tín nữ Phật tử và độc giả gần xa lời kính chúc năm mới “An khang - Thịnh vượng, Vô lượng cát tường - Vạn sự như ý”.

Tổng Biên Tập

Hòa Thượng Thích Thiện Tâm



Nghị Quyết Hội Nghị Kỳ 4 Khóa VI Trung Ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam

Hội nghị kỳ 4 Khóa VI Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam được tổ chức tại Văn Phòng 2 Trung ương Giáo hội - Thiền Viện Quảng Đức, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07, 08 tháng 01 năm 2011 để Tổng kết công tác Phật sự năm 2010, thảo luận và thông qua chương trình hoạt động Phật sự năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hội nghị diễn ra dưới sự chứng minh tối cao của HT. Thích Phổ Tuệ - Pháp chủ GHPGVN; dưới sự chủ trì của Hòa thượng Thích Trí Tịnh - Đệ nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám luật, Chủ tịch Hội đồng Trị sự; quý Hòa thượng Phó Chủ tịch Thường trực; các Phó Chủ tịch Chủ tọa đoàn.

Hội nghị vinh dự được đón tiếp đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ - Ông Bùi Hữu Dược - Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ đến tham dự và phát biểu ý kiến.

Qua 02 ngày làm việc trong tinh thần hòa hợp, trí tuệ và dân chủ, sau khi nghe báo cáo Tổng kết công tác Phật sự năm 2010 và chương trình hoạt động Phật sự năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Thư ký trình bày, những ý kiến phát biểu bổ sung của chư Tôn giáo phẩm, Cư sĩ trong Hội đồng Trị sự, đại diện các Ban, Viện Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo và Ban Đại diện Phật giáo cấp tỉnh, Hội nghị đã nhất trí Quyết nghị:

1. Thông qua báo cáo Tổng kết công tác Phật sự năm 2010 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (đính kèm văn bản).
2. Thông qua chương trình hoạt động Phật sự năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (đính kèm văn bản).
3. Thông qua danh sách tấn phong giáo phẩm do Ban Tăng sự Trung ương đệ trình gồm: 65 Hòa thượng, 57 Thượng tọa, 28 Ni trưởng, 51 Ni sư.
4. Thông qua kế hoạch tổ chức Lễ kỷ niệm, Hội thảo 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 - 2011).
5. Giáo hội có Thông bạch, Thông tư hướng dẫn cụ thể Ban Trị sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo về công tác tổ chức Lễ kỷ niệm, hội thảo 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 - 2011); Lễ kỷ niệm 1000 năm ngày Niết bàn của Quốc sư Khuông Việt (15/02/âm lịch) và một số công tác có liên quan.
6. Giao Ban Thư ký, Văn phòng Trung ương Giáo hội giúp đỡ hoàn tất các thủ tục tiến hành Đại hội thành lập Ban Trị sự Tỉnh hội (Ban Đại diện) Phật giáo tỉnh Nghệ An và các tỉnh khác như Lào Cai, Hà Giang, Sơn La.
7. Giao Ban Thư ký, Văn phòng Trung ương Giáo hội phối hợp và hỗ trợ Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer triển khai các công tác Phật sự theo Bản đúc kết Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ IV tại Kiên Giang.
8. Tiếp tục có văn bản xin phép Chính phủ mở lớp Cao học Phật học cho Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thủ đô Hà Nội, Tp. Huế và Tp. Hồ Chí Minh.
9. Tiếp tục có văn bản đề nghị Quý Cơ quan chức năng Trung ương và các Tỉnh, Thành giúp đỡ cho các Ban Trị sự được khắc dấu tròn cho Ban Đại diện Phật giáo quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các Tự, Viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường hợp pháp.
10. Giao Ban Thư ký, Văn phòng Trung ương Giáo hội lập kế hoạch xin phép các cơ quan Chính phủ thành lập trường Cao đẳng Phật học, trường Trung cấp Phật học Nam tông Khmer tại Trà Vinh.
11. Ghi nhận tất cả ý kiến phát biểu của Phật giáo Nam tông và Quý Đại biểu liên quan đến Ban Tăng sự, Giáo dục Tăng Ni, Hoằng pháp, Hướng dẫn Phật tử, Nghi lễ, Văn hóa, Kinh tế Tài chánh, Từ thiện Xã hội, và một số điểm khả thi của Phân ban Đặc trách Ni giới thuộc Ban Tăng sự Trung ương, giao Ban Thư ký và Văn phòng Trung ương Giáo hội nghiên cứu, bổ sung vào chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội.
12. Thông qua báo cáo về Tài chính thu chi do Ban Kinh tế Tài chánh trình bày.
13. Giao Ban Trung tu khởi công xây dựng dãy nhà Tây lang - Khối Văn phòng làm việc của Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội, khi có giấy phép xây dựng.
14. Ghi nhận và nghiên cứu những ý kiến phát biểu của Ủy viên Kiểm soát.
15. Giao Ban Thư ký và Văn phòng Trung ương Giáo hội hoàn chỉnh các văn bản liên quan đến Hội nghị để phổ biến và thi hành; chuẩn bị các nội dung liên hệ cho Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hội nghị đã nhất trí thông qua Nghị quyết này vào lúc 10 giờ 00 ngày 08 tháng 01 năm 2011 trong tinh thần đoàn kết và hoan hỷ.

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH



CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ NĂM 2011 CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Trong xu hướng hội nhập và phát triển bền vững trên các phương diện, chương trình hoạt động Phật sự năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết Hội nghị kỳ 3 khóa VI Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN); phát huy những thành quả mà Giáo hội đạt được, khắc phục một số mặt chưa đạt được trong năm 2010 và chương trình hoạt động Phật sự của Ban, Viện Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự tỉnh, Thành hội Phật giáo.

I. VỀ MẶT TỔ CHỨC VÀ HÀNH CHÍNH

1. Phổ biến, triển khai nghị quyết Hội nghị kỳ 4 khóa VI, chương trình hoạt động năm 2011 và các văn kiện có liên quan của Trung ương Giáo hội.
2. Giao cho Văn phòng 1 Trung ương Giáo hội (TWGH) tiếp tục hiệp thương tiến tới thành lập Ban Trị sự Tỉnh hội (Ban Đại diện) Phật giáo tỉnh Nghệ An, Sơn La, Lào Cai, Hà Giang.
3. Tổ chức Hội thảo và lễ Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập GHPGVN.
4. Ban hành Thông tư hướng dẫn, chỉ đạo Ban Trị sự các tỉnh, Thành hội Phật giáo chuẩn bị tổ chức Đại hội, Hội nghị Phật giáo Quận, Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc tỉnh tiến tới Đại hội Phật giáo các Tỉnh, Thành hội Phật giáo nhiệm kỳ 2012 - 2017.
5. Giao cho Văn phòng 2 TWGH, Ban Trùng tu tiếp tục khởi công xây dựng hạng mục dãy Tây Lang cơ sở Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội – Thiền viện Quảng Đức sau khi có giấy phép.
6. Lập kế hoạch cụ thể cho việc tổ chức mít tinh trọng thể lễ kỷ niệm, Hội thảo 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Văn phòng Trung ương Giáo hội và Ban Trị sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo.
7. Chuẩn bị kế hoạch, nội dung cho công tác tổ chức Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2011, Hội nghị tổng kết công tác Phật sự năm 2011 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

II. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN, VIỆN TRUNG ƯƠNG

1. Ban Tăng sự

1. Tiếp tục phổ biến nội quy Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN nhiệm kỳ VI (2007 – 2012) đã được tu chỉnh.
2. Hỗ trợ và hướng dẫn các đơn vị Tỉnh, Thành hội Phật giáo tiến hành tổ chức Đại giới đàn như đã dự kiến.
3. Tiếp tục duyệt cấp giấy chứng nhận Tăng Ni, chứng nhận Tu sĩ chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer và Chứng điệp thọ giới cho Tăng Ni.
4. Xin ý kiến Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, phối hợp với Văn phòng Trung ương Giáo hội nỗ lực giải quyết ổn định một số vấn đề liên quan đến Tăng Ni, Tự viện tại các đơn vị Tỉnh, Thành hội Phật giáo có yêu cầu.
5. Quan tâm hỗ trợ Phật giáo Nam tông Khmer trong việc thực hiện các chương trình hoạt động Phật sự.
6. Hỗ trợ Phân ban đặc trách Ni giới thuộc Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN trong các hoạt động Phật sự.

2. Ban Giáo dục Tăng Ni

1. Tiếp tục lấy ý kiến về chương trình học, giáo trình, giáo án đối với hệ thống Giáo dục Tăng Ni các cấp.
2. Tiếp tục có văn thư đề nghị các Cơ quan chức năng cho phép Giáo hội thành lập trường Cao đẳng Phật học.
3. Quan tâm, tạo mối quan hệ gắn bó giúp đỡ cho các cơ sở Sơ, Trung cấp Phật học, Học viện Phật



giáo Nam tông Khmer được phát triển đồng bộ.

4. Thăm viếng và làm việc với các cơ sở Giáo dục, đào tạo Tăng Ni tại địa phương để có hướng hỗ trợ.

5. Tiến hành việc phân cấp đào tạo Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng Phật học trên cơ sở liên kết giữa các Tỉnh, Thành hội theo từng khu vực.

6. Tổ chức Hội nghị liên tịch Hội đồng Điều hành các Học viện Phật giáo Việt Nam để tiến tới thống nhất kế hoạch tuyển sinh và chương trình đào tạo sau Cử nhân (Cao học Phật học).

7. Lập kế hoạch tổ chức Hội thảo Giáo dục Tăng Ni tại tỉnh Quảng Ninh.

8. Chuẩn bị dự án thành lập trường Sư phạm Phật giáo tại Hà Nội.

3. Ban Hoằng pháp

1. Duy trì và mở rộng, phát triển những buổi thuyết giảng tại các Giảng đường lớn, Đạo tràng Tu Bát quan trai, khóa tu Phật thất, một ngày an lạc, các lớp Giáo lý tại các Tự, Viện trong cả nước.

2. Tiếp tục chương trình đào tạo Cao - Trung cấp Giảng sư Hoằng pháp khóa V (2009 - 2012).

3. Triển khai chương trình học tiếng dân tộc trong chương trình đào tạo Giảng sư Cao - Trung cấp để giúp các Giảng sư thông thạo tiếng dân tộc để Hoằng pháp vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

4. Hỗ trợ các hoạt động Phật sự của Tiểu ban Hoằng pháp vùng sâu vùng xa.

5. Tổ chức Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc năm 2011 tại tỉnh Bình Dương.

6. Phối hợp với Ban Tăng sự tổ chức các khóa Bồi dưỡng "Trụ trì và Hoằng pháp" tại các Tỉnh, Thành.

7. Tổ chức thi giáo lý cho Phật tử cả nước.

8. Kết hợp với Ban Từ Thiện Xã hội và Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương trong việc truyền bá chánh pháp và từ thiện.

9. Phát triển chương trình Hoằng pháp ở nước ngoài.

4. Ban hướng dẫn Phật tử

1. Tiếp tục thực hiện Bản đúc kết Hội thảo Hướng dẫn Phật tử các Tỉnh, Thành Tây Nguyên và miền Trung, miền Đông và miền Tây Nam bộ và tại Hội thảo hướng dẫn Phật tử phía Bắc.

2. Ban hành thống nhất mẫu: Giấy chứng nhận Quy y Tam bảo, chứng nhận Quy y thọ giới, Giấy chứng nhận và Sổ tín đồ Phật hóa gia đình; cấp Giấy chứng nhận Phật tử (thẻ tín đồ) tại các Tỉnh, Thành hội Phật giáo.

3. Triển khai thực hiện đồng bộ chương trình giảng dạy giáo lý 5 năm đến các đạo tràng.

4. Tiếp tục vận động các Tự, Viện bổ sung khóa lễ tụng niệm vào mỗi chủ nhật hàng tuần dành cho thanh thiếu nhi Phật tử chưa tham gia sinh hoạt GDPT.

5. Hướng dẫn và khuyến khích các Phật tử tích cực hưởng ứng việc tổ chức Lễ Hằng thuận (lễ cưới) tại các Tự, Viện.

6. Kết hợp với Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức Hội thi giáo lý theo từng vùng, từng miền cho Cư sĩ Phật tử.

7. Xét xếp cấp cho các Huynh trưởng, khai giảng Lớp học Huynh trưởng bậc Lục, hội trại, họp bạn v.v...

8. Tổ chức kỷ niệm 60 năm thành lập Gia đình Phật tử Việt Nam (1951-2011); Hội thảo Gia đình Phật tử; Hội thảo Ban Hướng dẫn Phật tử toàn quốc.

9. Tổ chức Hội nghị Huynh trưởng.

10. Hỗ trợ và cho phép Ban Hướng dẫn Phật tử tỉnh Bình Phước tổ chức Lễ Quy y cho đồng bào dân tộc.

5. Ban Nghi lễ

1. Triển khai thực hiện theo bản đúc kết Hội thảo Nghi lễ Phật giáo toàn quốc lần thứ 2.

2. Có kế hoạch tham gia công tác tổ chức Lễ Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Có thông tư hướng dẫn Ban Nghi lễ các Tỉnh, Thành hội Phật giáo tổ chức các ngày lễ lớn của Giáo hội trong năm.

4. Tham gia công tác giảng dạy về nghi lễ tại các Trường Phật học, Trường hạ.

5. Tiếp tục đề nghị Trung ương Giáo hội thẩm duyệt Bộ Kinh Nhật tụng bằng Việt ngữ, tựa đề: "Kinh Nhật tụng Giáo hội Phật giáo Việt Nam".

6. Ban Biên soạn Giáo trình, Giáo án Nghi lễ có phương hướng mời chư Tôn đức và các vị thiện hữu tri thức tham gia vào Tiểu ban Biên soạn.





6. Ban Văn hóa

1. Tiếp tục tổ chức các cuộc thăm viếng và làm việc các Ban Văn hóa Phật giáo các tỉnh thành địa phương còn lại để có kế hoạch hỗ trợ, đồng thời có kế hoạch phối hợp Ban Trị sự và Ban Văn hóa Tỉnh, Thành hội Phật giáo tổ chức hội thảo chuyên đề Văn hóa Phật giáo.

2. Đôn đốc và hỗ trợ các tỉnh Thành hội Phật giáo trong cả nước hoàn tất việc biên soạn Lịch sử Phật giáo và hành trạng chư tôn Thiền đức, Cư sĩ hữu công đối với Phật giáo tại địa phương.

3. Tiếp tục in các tập sách Phật giáo thế giới: Phật giáo Thái Lan, Phật giáo Mông Cổ, Phật giáo Tây Tạng... của Giáo sư Trần Quang Thuận; Chư tôn Thiền đức và Cư sĩ hữu công của HT.Trung Hậu và HT. Hải Ấn; xin phép in dần ý kinh Trung Bộ của HT. Thích Minh Châu.

4. Thống kê các ngôi chùa cổ Phật giáo Nam tông Khmer để có hướng bảo tồn, phát triển và đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ một số chùa đủ điều kiện để công nhận là di tích Văn hóa, Lịch sử cấp Quốc gia, hoặc cấp Tỉnh, Thành.

5. Thống kê và phát triển hệ thống thư viện Phật giáo tại Trung ương và các Tỉnh, Thành hội Phật giáo.

6. Đề nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự nghiên cứu và đề xuất với Nhà nước để công nhận Tự, Viện (đủ điều kiện) là Di tích Lịch sử Văn hóa Phật giáo cấp Quốc gia, hoặc cấp Tỉnh, Thành.

7. In ấn và xuất bản Tuyển tập các bài viết liên quan đến Phật giáo và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Người và 30 năm ngày thành lập GHPGVN.

8. Xin phép các cơ quan chức năng Nhà nước cho phép thành lập Nhà Xuất bản Phật giáo.

9. Thực hiện chuyến đi khảo sát phòng trưng bày Văn hóa Phật giáo tại Bảo tàng Phật giáo Quốc tế theo yêu cầu của Phật giáo Srilanka; tham gia triển lãm Văn hóa Phật giáo Việt Nam tại Nhật Bản.

7. Ban Kinh tế Tài chính

1. Thường trực Ban KTTC thăm và làm việc với Ban Kinh tế Tài chính Tỉnh - Thành hội Phật giáo, để phối hợp trong việc hợp tác tìm nguồn nhân lực, phân phối sách, lịch và văn hóa phẩm Phật giáo.

2. Phát triển Công ty Cổ phần Thiện Tài, tăng cường thêm dịch vụ và sản phẩm tạo thêm giá trị gia tăng và lợi nhuận cho hoạt động của Công ty.

3. Triển khai các hoạt động của Công ty Cổ phần Hệ thống Lộc Tài, Công ty Bách Lộc Thọ, Công ty Du lịch Hoa Thiền.

4. Kết hợp với Báo Giác ngộ tổ chức tọa đàm về Du lịch Tâm linh và ủng hộ Quỹ học bổng cho Tăng Ni sinh hiếu học.

5. Kết hợp với Trung tâm phim ảnh – tư liệu Phật giáo Sen Việt, xuất bản bộ sách ảnh 1.000 tượng Phật được dịch sang các thứ tiếng Anh, Hoa.

6. Hình thành hệ thống phát hành Kinh sách Phật giáo trên toàn quốc theo mạng lưới phát triển của Ban Kinh tế Tài chính các Tỉnh, Thành hội Phật giáo.

7. Bộ phận Ban Kinh tế Tài chính phía Bắc kết hợp với Ban TTXH hình thành quỹ Từ thiện Xã hội; đồng thời có kế hoạch Thành lập cơ sở sản xuất kinh doanh tạo nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của Ban và Giáo hội.

8. Vận động Tăng Ni, Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường tích cực đóng góp công đức phí cho hoạt động Phật sự của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

9. Tổ chức Hội thảo chuyên đề "Doanh nhân, Doanh nghiệp Phật tử trước thời đại".

10. Triển khai công tác xuất bản và phát hành bộ lịch bloc Phật giáo năm 2012.

8. Ban Từ thiện Xã hội

1. Phát triển thêm Tuệ Tĩnh Đường, phòng phát thuốc Đông, Tây y tại các Tỉnh Thành, Quận, Huyện trong cả nước, nhằm giúp đỡ cho các bệnh nhân nghèo, nhất là những vùng nông thôn, vùng kinh tế mới, vùng dân tộc ít người...

2. Lập dự án khả thi để xin phép Chính phủ thành lập Bệnh viện Tư nhân thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Vận động Tăng Ni, Phật Tử trong cũng như ngoài nước xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho những đối tượng chính sách; ủng hộ chương trình ngày vì người nghèo và chương trình đem lại ánh sáng cho người nghèo, các công tác từ thiện xã hội khác.

4. Vận động các Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo hỗ trợ cho Tăng Ni, Phật tử thành lập trường dân lập; mở lớp học tình thương; trung tâm dạy nghề, trường nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật; nhà nuôi người già neo đơn và người tàn tật (nếu có yêu cầu), phát triển bếp ăn từ thiện.

5. Phối hợp với Cơ quan liên hệ, Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, về việc nghiên cứu và phát triển thêm Trung tâm tư vấn và chương trình phòng chống nhiễm HIV/AIDS.



6. Tổ chức Hội thảo chuyên đề nuôi dạy trẻ mồ côi.

9. Ban Phật giáo Quốc tế

1. Tiếp tục liên kết chặt chẽ hơn nữa với Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự và Ban Phật giáo Quốc tế tại các Tỉnh, Thành hội trong các mặt công tác quan hệ Quốc tế.

2. Tiếp tục thực hiện việc biên soạn và ấn hành quyển sách: "Lịch sử Phật giáo Việt Nam" bằng tiếng Anh-Việt trong thời gian đầu, và sau đó tiếp tục dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau như: Việt - Trung, Việt - Nhật, Việt - Pháp, Việt - Hàn v.v. nhằm giới thiệu cho các nước và tổ chức Phật giáo trên thế giới hiểu thêm về Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Hỗ trợ cho đoàn Đại diện GHPGVN khảo sát phòng trưng bày triển lãm Văn hóa Phật giáo Việt Nam tại Bảo tàng Phật giáo Quốc tế - Srilanka.

4. Hỗ trợ cho Phân ban đặc trách Ni giới thuộc Ban Tăng sự Trung ương tham dự Hội nghị Sakyadhita lần thứ 12 tại Thái Lan.

10. Viện – Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

1. Tiếp tục công tác biên dịch, in ấn và phát hành kinh sách của Viện.

2. Xin phép Bộ Thông tin - Truyền thông xuất bản Tạp chí Nghiên cứu Phật học Việt Nam cho Phân viện Nghiên cứu Phật học tại Hà Nội mỗi tháng 01 số.

3. Sưu tầm, giới thiệu tiểu sử và hành trạng của chư vị Tôn túc Trưởng lão tiền bối của Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam.

4. Tổ chức tọa đàm quốc tế về "Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Campuchia"; tọa đàm về chùa Cây Mai; Hội thảo về Thiền sư Lê Khánh Hòa; hội thảo về Chúa – Bồ tát Nguyễn Phúc Chu v.v...

5. Tham dự Hội nghị, Hội thảo Quốc tế và trong nước.

11. Công tác ích nước lợi dân

Tiếp tục vận động Tăng Ni, Phật tử phát huy tinh thần phụng đạo yêu nước, tích cực tham gia các phong trào ích nước lợi dân, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng đời sống văn hóa mới trên địa bàn khu dân cư, ủng hộ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu, góp phần xây dựng, phát triển xã hội Việt Nam theo mục tiêu "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

III. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

- Tăng cường hiệu năng làm việc và liên hệ chặt chẽ giữa Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, Ban, Viện Trung ương Giáo hội và Ban Trị sự, Ban Đại diện các Tỉnh, Thành hội Phật giáo trong cả nước.

- Theo dõi tình hình, đôn đốc, kiểm tra hoạt động Phật sự ở các cấp Giáo hội, các Ban, Viện Trung ương Giáo hội, đối chiếu kế hoạch 5 năm của nhiệm kỳ VI (2007 - 2012) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam để đảm bảo và từng bước hoàn thành công tác Phật sự nhiệm kỳ VI đã đề ra.

- Hỗ trợ, góp ý các Ban, Viện Trung ương Giáo hội triển khai, thực hiện các công tác Phật sự có liên quan phù hợp với Hiến chương Giáo hội, Nội quy các Ban, Viện Trung ương và Pháp luật Nhà nước.

- Phối hợp công tác chặt chẽ giữa Ban Thường trực, các Ban chuyên môn và 2 Văn phòng Trung ương Giáo hội để nhanh chóng thực hiện các thông tin liên lạc giữa Trung ương Giáo hội và địa phương; kịp thời báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đối với tình hình hoạt động của các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự, Ban Đại diện Phật giáo Tỉnh, Thành hội trong cả nước; đề xuất phương thức giải quyết trong trường hợp cần thiết, chú trọng đến các khó khăn, vướng mắc mới nảy sinh có thể làm ảnh hưởng đến kỷ cương, ổn định, phát triển bền vững của GHPGVN.

- Có Thông tư hướng dẫn Ban Trị sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (07/11/1981 – 07/11/2011).

- Liên hệ chặt chẽ với các ngành chức năng trong việc thực hiện các đề án và chương trình hoạt động.

**BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



Đại cương KINH PHÁP MÔN CĂN BẢN

HT. Thích Minh Châu

Đức Phật nói đến thái độ của bốn hạng người đối với các pháp:

1. Hạng phàm phu: Không yết kiến các bậc chân nhân và các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc chân nhân, các bậc Thánh, không tu hành pháp các bậc chân nhân, các bậc Thánh.

2. Hạng tỳ khưu Hữu học: Tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

3. Vị tỳ khưu là bậc A-la-hán: Các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát.

4. Như Lai là bậc A-la-hán: Bậc Chánh đẳng giác.

Các pháp được đề cập ở đây là hai mươi bốn pháp: đất, nước, lửa, gió, sanh vật, chư Thiên, sanh chủ (pajāpati), Phạm thiên, Quang âm thiên, Biến tịnh thiên, Quảng quả thiên, Thắng giả (abhibhū), Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, sở kiến, sở văn, sở tư niệm, sở tri, đồng nhất, sai biệt, tất cả, Niết-bàn.

1. Kẻ phàm phu: Tưởng tri địa đại là địa đại (kể luôn cả 24 pháp), do tưởng tri địa đại là địa đại, nghĩ đến địa đại, nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, nghĩ đến tự ngã như là địa đại, nó nghĩ địa đại là của ta, hoan hỷ địa đại. Vì sao vậy? Đức Phật nói rằng: Vì nó không liễu tri địa đại (aparinnātam).

2. Vị tỳ khưu Hữu học: Tưởng tri địa đại là địa đại, do tưởng tri địa đại là địa đại, không nghĩ

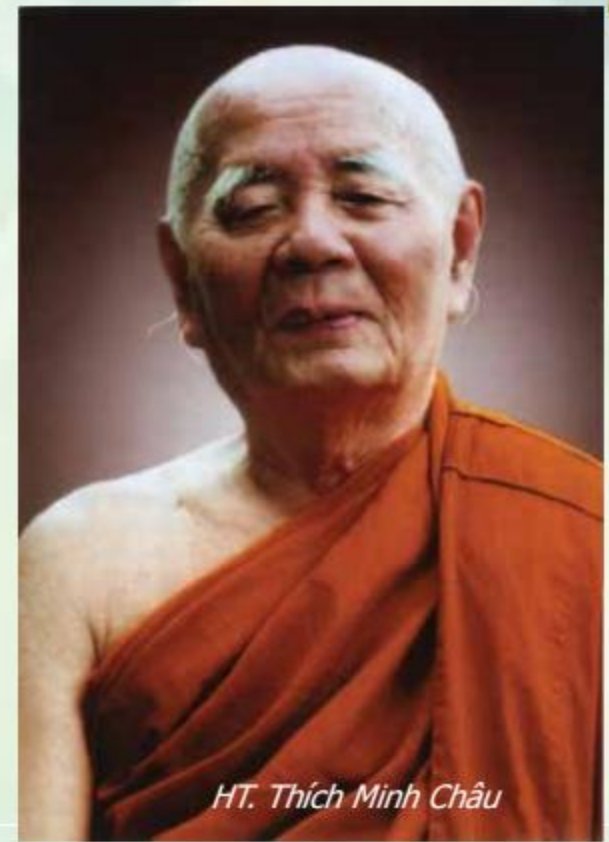
đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ tự ngã như là địa đại, không nghĩ: "Địa đại là của tôi", không hoan hỷ địa đại, vì có sao? Đức Phật nói rằng vì vị ấy có thể liễu tri địa đại. Cũng vậy, đối với hai mươi ba pháp khác.

3. Vị tỳ khưu là bậc A-la-hán:

Vị này thẳng tri địa đại là địa đại, do thẳng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ "Địa đại là của ta", không hoan hỷ địa đại. Vì có sao? Đức Phật nói rằng vì vị ấy đã liễu tri địa đại. Cũng vậy, đối với hai mươi ba pháp khác. Vị tỳ khưu là bậc A-la-hán, có thái độ tương tự, vì đã đoạn diệt tham, sân, si, đã đoạn trừ tham, sân, si.

4. Bậc Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác: Thẳng tri địa đại là địa đại, do thẳng tri địa đại là địa đại, vị ấy không nghĩ đến địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với địa đại, không nghĩ đến (tự ngã) như là địa đại, không nghĩ "Địa đại là của ta", không có hoan hỷ địa đại. Vì có sao? Thế Tôn tuyên bố: vì địa đại đã được Như Lai liễu tri. Vì có sao? Sau khi biết được hỷ là nguồn gốc của khổ, do hữu nên có sanh và già chết đến với loài hữu tình. Do vậy, đức Phật tuyên bố rằng Như Lai, do diệt trừ, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ, xả ly, khát ái một cách hoàn toàn, đã chứng được vô thượng Chánh đẳng giác.

(Theo tập số, kinh này không được 500 vị tỳ khưu hoan hỷ vì họ ngu si không hiểu, họ tự cho đã hiểu biết như đức Phật. Sau đức Phật giảng kinh Mūlapariyāyātaka cho họ, và lòng kiêu mạn của họ được nhiếp phục. Cuối cùng đức Phật giảng kinh Gotamakakasutta (A.i, 276) và họ chứng được quả A-la-hán). ■



HT. Thích Minh Châu



ĐỤ NGÔN VỀ HỒ NƯỚC

Tuệ Siêu

“Ví như, này các tỳ kheo, một hồ nước uế nhiễm, bị khuấy động, đục bùn. Tại đấy một người có mắt đứng trên bờ không thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá bơi qua lại hay đứng yên. Vì có sao? Vì nước bị khuấy đục. Cũng vậy, này các tỳ kheo, vị tỳ kheo với tâm bị bắn đục không thể có sự kiện này là vị ấy biết được lợi ích của mình, hay biết được lợi ích của người khác, hay biết được lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng tương xứng bậc thánh. Vì có sao? Này các tỳ kheo, vì rằng tâm bị bắn đục.

Ví như, này các tỳ kheo, một hồ nước trong suốt, sạch trong, không bị khuấy đục. Tại đấy một người có mắt đứng trên bờ có thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá bơi qua lại hay đứng yên. Vì có sao? Này các tỳ kheo, vì rằng nước không bị khuấy đục. Cũng vậy, này các tỳ kheo, vị tỳ kheo với tâm không bị bắn đục, có sự kiện này là vị ấy biết được lợi ích của mình, hay biết được lợi ích của người khác, hay biết được lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng tương xứng bậc thánh. Vì có sao? Này các tỳ kheo, vì rằng tâm không bị bắn đục”. (Tăng Chi bộ kinh, quyển 1, phẩm Đặt Hướng và Trong Sáng).

Đoạn kinh này Đức Phật đã dùng hình ảnh

cái hồ nước để thí dụ cho tâm.

Tâm bị bắn đục được ví như một hồ nước bị khuấy đục do bùn. Tâm bị bắn đục ở đây tức là tâm bị ô nhiễm bởi mười thứ phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, hôn trầm, vô tà, vô quý và phóng dật.

Tâm không bị bắn đục được ví như một hồ nước trong trẻo. Tâm không bị bắn đục tức là tâm không bị ô nhiễm bởi mười thứ phiền não trên.

Điều nói là sự lợi ích cho mình và cho người khác tức là những thiện hạnh đưa đến quả dị thực an lạc hạnh phúc hiện tại và tương lai cho bản thân và giáo hoá cho người khác thực hành theo; Điều nói là pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng tương xứng bậc thánh, tức là chỉ cho những trạng thái thiền định và đạo quả níp bàn.

Khả năng chứng đạt pháp thượng nhân hay khả năng thông suốt pháp lợi ích phải là do tâm trong sáng trí tuệ, tâm ấy ví như hồ nước sạch trong.

Do đó, một người tu tập cần phải thanh lọc tâm khỏi phiền não để phát triển trí tuệ minh sát; Lại nữa cần phải thanh lọc tâm khỏi phiền não để thành tựu được những thiện pháp đem lại lợi ích an lạc. ■



HÀNH THIỀN

Qua Trung Bộ Kinh



Những phương pháp hành thiền trong Kinh Pāli do Đức Phật giảng dạy, có hai hệ thống lớn như sau: một là tu luyện thiền chỉ (samatha) nhằm tới nhập thiền định; và phương pháp khác đó là hành thiền quán (vipassana), nhằm đạt đến hiểu biết thẳng trí hay tuệ giác (pañña). Trong hệ thống tu luyện thiền định (Samatha) chỉ kém tuệ giác mà thôi, vì tuệ giác là dụng cụ căn bản cần thiết để diệt trừ vô minh, chấm dứt sanh tử vòng luân hồi. Việc chứng đắc hành thiền định được biết đến như là lối nhập thiền lâu đời nhất bên Ấn Độ trước khi đức Phật xuất hiện. Chính đức Phật cũng đã chứng ngộ được hai giai đoạn tối thượng mà những vị thầy của Ngài truyền dạy lúc đó Ngài đang tìm đạo giác ngộ. Nhưng Ngài thấy ngay nội tại phương pháp đó chỉ dẫn đến những cảnh tái sanh cao hơn, chứ không dẫn đến giác ngộ thuần túy (MN 26,15-16). Tuy nhiên, vì việc kết hợp với tâm do cách thực hiện nhập thiền định đem lại hiểu biết rõ ràng, đức Phật đã hoà nhập các kỹ xảo của định cho việc hành thiền và kết quả do những mức độ an chỉ định đem lại vào chính hệ thống của Ngài, coi chúng như là một nguồn mạch và là sự sửa soạn để nhập thiền quán như là một "nơi trú xứ thoải mái ở đây và vào lúc này."

Những thành tích đạt đến do tập luyện hành thiền định như đã nói đến ở phần trên chính là tám an chỉ định – bốn tầng thiền, và bốn thuộc những hiện trạng vô sắc giới - mỗi thứ được dùng làm căn bản cho bước kế tiếp. Thật lạ lùng, kinh không bắt phải có những chủ đề thiền đặc biệt như là những phương tiện để đạt đến nhập tầng thiền. Nhưng theo văn chương chú giải Thanh Tịnh đạo khiến chúng ta thực hiện những mối liên hệ này. Trong số những

Tỳ khưu Siêu Minh (dịch)*

chủ đề thiền được liệt kê trong các kinh điển, tám trong số mười đề mục kasina (MN 77.24) được công nhận là thích hợp để chứng toàn bộ bốn tầng thiền. Hai thứ cuối cùng theo thứ tự hỗ trợ cho hai chứng đắc vô sắc. Tám căn để được siêu thế hình như lại là cách xử lý khác biệt về nhập thiền theo đề mục màu sắc (kasina). Giống như ba cách trong số tám giải thoát (MN 77.22-23) thiền niệm hơi thở, mà đức Phật đã dành trọn một bài kinh (MN 118) nói về chủ đề thiền cận định và cũng được dùng để tu tập thiền quán. Một phương pháp khác nữa để chứng nhập tầng thiền đã nói ở trên đó là tứ vô lượng tâm (brahmavihara) – tức là lòng nhân ái vô lượng. Lòng đại bi vô lượng và hoan hỷ khi người khác đạt thành tích tốt và niệm hành xả. (MN 7, MN 40 v.v...) Truyền thống cho rằng ba đặc tính đầu tiên có thể dẫn đến ba tầng thiền thấp, đặc tính cuối cùng có thể dẫn đến đệ tứ thiền. Những chứng đắc vô sắc phải được đạt đến bằng cách gắn tâm vào đối tượng đặc biệt của mỗi chứng đắc – khoảng không vô tận và tâm thức vô tận, hư không và hiện trạng chỉ có thể được mô tả là phi tướng phi phi tướng.

Ngược lại trong nhập thiền định, người hành thiền cố gắng tập trung vào một đối tượng duy nhất, đồng nhất được trừu tượng hoá từ kinh nghiệm thực tiễn, trong thiền quán hành thiền được thực hiện để quan sát, từ một vị trí tách khỏi đối tượng. Đó là dòng thay đổi liên tục của chính kinh nghiệm trong tâm để có thể thâm nhập thông qua bản chất căn bản của hiện tượng thể chất và tâm linh. Đức Phật dạy rằng tham dục và chấp thủ kìm hãm chúng ta nơi gông cùm được khổng chế bằng một mạng



lưới “tưởng tượng” (maḍḍita) - những tà kiến, tự phụ, ngạo mạn và những giả định mà tâm tác tạo ra bằng một qui trình nội tại do nhà chú giải kinh điển giải thích bằng danh từ “sự sinh sôi nảy nở” (papadca) và rồi chiếu rọi ra trên trần gian coi chúng như là chứng hiệu lực khách quan, nhiệm vụ của thiền quán chính là tách ra sự chấp thủ của chúng ta bằng cách cho phép chúng ta có thể thấu triệt thông qua mạng lưới những sự phóng ra khái niệm để có thể thấy rõ sự vật như thật vậy.

Để thấy vạn vật y như thật, có nghĩa là nhìn chúng dưới ba đặc tính - đó là vô thường, là đau khổ và vô ngã. Vì ba đặc tính này liên kết gần gũi với nhau, bất kỳ đặc tính nào trong số ba đặc tính đó cũng có thể trở thành cánh cổng chính để ta thâm nhập được vào lãnh vực thiền quán. Nhưng cách tiếp cận hành thiền thông thường của đức Phật cho thấy cả ba cùng một lúc - vô thường ám chỉ đau khổ và hai liên kết có nghĩa là thiếu vắng bản ngã. Khi người đồ đệ thánh nhìn ra toàn bộ yếu tố hiện hữu như thể in đậm ba tướng này, vị đó không còn đồng nhất với chúng nữa. Không bao giờ chiếm đoạt chúng làm của riêng bằng cách coi chúng là của ta, ta hay là bản ngã. Nhìn như vậy, vị đó trở nên tỉnh ngộ, tham dục và chấp thủ của vị đó tan biến đi và tâm vị đó được giải thoát hoàn toàn khỏi mọi vết nhơ bẩn.

Những lời dạy về tu luyện thiền quán trong Trung Bộ kinh, cho dù có chính xác, lại rất nhiều và đa dạng. Chỉ có một bài học duy nhất rất quan trọng về tu tập dẫn đến thiền quán chính là Kinh Satipaṭṭhana, là bài kinh về Tứ niệm Xứ (MN 10; cũng được tìm thấy trong Trường Bộ kinh với một đoạn nhấn mạnh đến Tứ diệu đế). Kinh đó nêu ra một hệ thống bao hàm toàn diện được gọi là Niệm Xứ kinh (Satipaṭṭhana) được phác họa để huấn luyện tâm nhận ra với sự chính xác cực nhỏ bản chất của thân, cảm thọ, tâm và pháp. Hệ thống đôi khi cũng được coi như là một mô hình để tu luyện “thiền quán tối thiểu” - đó là việc chiêm nghiệm trực tiếp những hiện tượng tâm linh và thể chất không có bất kỳ nền tảng tầng thiền trước đó và trong lúc có nhiều bài tập được mô tả trong kinh cũng có thể dẫn đến nhập tầng thiền (Jhanas) việc nổi lên thiền quán rõ ràng là mục tiêu của phương pháp này.

Các kinh khác trong Trung Bộ kinh cũng mô tả cách tiếp cận việc tu tập thiền quán hoặc là thêm chi tiết về thiền niệm xứ, hoặc là đạt đến thiền do từ một khởi điểm khác nhau. Như vậy MN 118 cho thấy làm cách nào tu luyện thiền niệm hơi thở để chu tất được toàn bộ Tứ niệm xứ, không chỉ có niệm xứ đầu tiên mà thôi như đã chỉ cho thấy trong Trung Bộ (MN 10) một số Kinh trung bộ - MN 28, MN 62, MN 140- lại trình bày nhiều lời dạy chi tiết hơn về những yếu tố nhập thiền chánh niệm MN 37, MN 74, MN 140 gồm những đoạn khai sáng thêm và thiền niệm cảm thọ. Trong một số kinh, đức Phật dùng ngũ uẩn làm nền cho thiền quán (Td MN 22. MN 109) nơi một số kinh khác, Ngài sử dụng sáu giác quan (td. MN 137, MN 148, MN 149); nơi một số kinh khác, Ngài dùng hai thứ liên kết lại với nhau (MN 147), MN 112 có các đoạn xử lý thiền quán dựa trên ngũ uẩn, lục căn, và lục trần và kết quả xuất phát từ việc tu luyện dần dần. MN 52 và MN 64 cho thấy thiền quán có thể được khởi sanh cùng với nhập tầng thiền, với chứng đắc vô sắc, và với sở ý thiên giới làm đối tượng. Người đồ đệ nhập thiền với bất kỳ hiện trạng và thường niệm những yếu tố cấu thành làm chủ đề cho ba đặc tính đó hiển lộ.

Có nhiều sự kiện các hiện trạng nhập thiền đã được trình bày trong Trung Bộ kinh, đỉnh cao nơi chứng đắc ta gọi là diệt thức và diệt cảm thọ (saḍḍavedayatanirodha). Tuy nhiên hiện trạng này luôn theo sau với chứng đắc vô sắc cuối cùng. Nó không như thể ta giả định chỉ là một bước cao hơn trong cán cân thiền định. Chính xác mà nói, chứng đắc diệt không liên quan gì đến thanh thân cũng như thiền quán cả. Đây chính là một hiện trạng đạt đến do liên kết các lực thanh thân và thiền quán trong các qui trình tâm linh tạm thời bị gián đoạn. Chứng đắc được cho là chỉ có thể sử dụng được đối với những vị bất lai và chư vị A-la-hán là những người cũng đã chế ngự được thiền quán nhập tầng thiền và các trạng thái vô sắc. Những cuộc bàn luận kinh Phật chi tiết về vấn đề này được tìm thấy trong MN 43 và MN 44. ■

** Theo bản của Ngài Bodhi*



Phật dạy về hạnh Tinh Tấn

Upasikà Như Trí (dịch)*

"Này các tỳ kheo, hôn trầm, đã dười, lười biếng thường gây nên bởi những hành vi hủy hoại bản thân như nghiện rượu, hút chích xì ke, ma túy, uể oải biếng nhác, ham ăn, mê ngủ, thức khuya dậy trễ...; trong đời lắm người làm nô lệ cho những thú vui tác hại bản thân như thế. Này các tỳ kheo, các người hãy mạnh dạn nhanh chóng loại bỏ tính bê tha, dễ dãi, phóng túng, tác nhân của hôn trầm biếng nhác đánh mất đức tính siêng năng tinh tấn trong tu tập, cuộc đời trở nên vô dụng, chẳng khác nào tử thi bị quăng bỏ bên đường, sống chẳng có lợi ích gì".

"Này các tỳ kheo, các người hãy chú ý đến hiểm nguy của sự buông lung, phóng túng như thế, vì khi nó còn ngự trị trong tâm thì mục tiêu của đời sống phạm hạnh còn quá xa vời; vì thế, khi tâm giải đãi phát sanh thì phải biết ngay rằng: đã dười, buồn ngủ...đang hiện hữu trong tôi và khi tâm không có chúng cũng phải biết là không có trong khi ấy".

MN 10

"Này các tỳ kheo", do nhân gì khiến sự phóng dật lười biếng phát sinh trong tâm?

Này các tỳ kheo, chính do tâm khao khát, thường hay chán nản, bức mình, khó chịu, hay buồn phiền; uống ăn không độ lượng, thức ăn không phù hợp, ăn quá no; thất vọng, nản lòng... là nhân phát sanh đã dười, lười biếng, phóng túng, bê tha và nếu không biết cách ngăn chặn và diệt trừ thì chúng sẽ gia tăng như ngựa quen đường cũ".

SN 46:51

"Này các Tỳ kheo, vậy làm thế nào để đoạn tận chúng? Này các tỳ kheo, muốn diệt trừ chúng thì phải: thường xuyên quan sát tâm mình, khi dục ái phát sinh thì phải điểm mặt chúng; khi sự thèm khát phát sanh thì biết kham nhẫn để vượt qua; tập sống thanh bần đạm bạc; khi gặp thử thách cám dỗ phải thấy sự hiểm nguy đang đe dọa mình và biết đưa tâm về hướng khác; được như thế thì sẽ sớm thoát khỏi đã dười phóng túng, buông lung".

SN 46:51

"Này các tỳ kheo, trước khi chứng quả Vô thượng Bồ đề, lúc bắt đầu thiền tọa ta phát lời thệ nguyện rằng: "dù cho thịt nát, máu khô cạn, thân còn da bọc xương nếu chưa thành Chánh Giác, ta thề quyết không từ bỏ tinh tấn và không rời khỏi chỗ ngồi này".

MN 70

"Này các tỳ kheo, làm thế nào có sự phấn chấn để kiên trì tinh tấn trong tu tập? Và lúc nào là thích hợp nhất để tạo sự phấn chấn ấy? Này các tỳ kheo, nếu kẻ nào độn căn, kém trí, chưa đạt sự tịnh lạc thân tâm thì người ấy cần phải suy xét cận kề đến tám đề tài sau đây, vì chúng sẽ giúp cho hành giả tăng thêm sự tinh tấn. Đó là, phải quán về sự sinh, sự già, sự bệnh, sự chết và suy xét về sự tái sinh trong 4 ác đạo: địa ngục, a tu la, ngạ quỷ, súc sanh! Tóm lại, quán sự khổ trong quá khứ và tương lai do vòng luân hồi và quán sự khổ do sự tìm kiếm thức ăn để nuôi mạng sống trong hiện tại."



Vism. IV, 63

“Này các tỳ kheo, cần phải quán sự khổ do vô thường: Tỳ kheo muốn thấy rõ khổ do vô thường thì phải quán: sự hiểm nguy sẽ chờ đợi ta vì lúc nào thân tâm còn lười biếng, thụ động, sống buông lung phóng túng; càng ham ăn mê ngủ, lười nhấc, thụ động, không khác nào lưỡi gươm bén nhọn đang chờ đợi tên đao phủ rút gươm ra trong phút giây hành quyết tội nhân!”

AN 07:46

“Này các tỳ kheo, sự buông lung, giải đãi không khác nào nhà tù đang giam hãm ta và ai thoát khỏi dã dượi, buông lung phóng túng cũng như người được miễn hạn tù và được trở về đoàn tụ với gia đình an toàn, được gặp lại người thân, quyến thuộc, tài sản vẫn còn nguyên không bị mất mát, người ấy sẽ hân hoan vui mừng vô hạn vì được ra khỏi nhà tù và giờ đây đang được tham dự bữa tiệc đón mừng của người thân họ hàng, chắc chắn người ấy sẽ cảm thấy hạnh phúc vô biên và reo lên: Ôi, hân hoan thay được ra khỏi tù và đang được ăn tiệc mừng vui!; Cùng thế ấy, người nào thoát khỏi sự giải đãi lười biếng, người ấy cũng có cảm giác mừng vui như vậy; có thể còn hơi ngỡ ngàng đôi chút, nhưng vẫn thấy vui mừng khôn xiết...vì hồi tưởng rằng, trước kia ta dễ dãi, buông lung, lười biếng không khác gì như ta bị cầm tù, nay ta thoát khỏi tù và đang hưởng niềm vui như lễ hội; từ đây ta hứa với lòng, ta sẽ cảnh giác, chính niệm tỉnh giác luôn khi, kiên trì tinh tấn để tránh hiểm họa đến với ta do buông lung giải đãi. Người ấy có thể thốt lên rằng “Hân hoan thay! Một niềm vui như ngày trăng hội; vui mừng thay! kể từ đây ta sẽ không còn dễ dãi, buông lung phóng túng nữa!”

“Này các tỳ kheo, bất cứ ai sống chỉ vì mục đích hóa mãn sự tìm cầu khoái lạc ngũ trần đầy quyến rũ, không biết phòng hộ các căn, không tiết độ ăn uống, hôn trầm dã dượi, lười biếng, thụ động, thiếu kiên trì tinh cần; người ấy chắc chắn sẽ bị Ma vương lôi đi như cành cây yếu mềm trước ngọn gió cuồng phong.”

Dhammapada 7

“Này các tỳ kheo, ai dù sống trăm năm, nhưng lười biếng và phóng dật thì chẳng sánh bằng người chỉ sống một ngày mà kiên trì tinh tấn”.

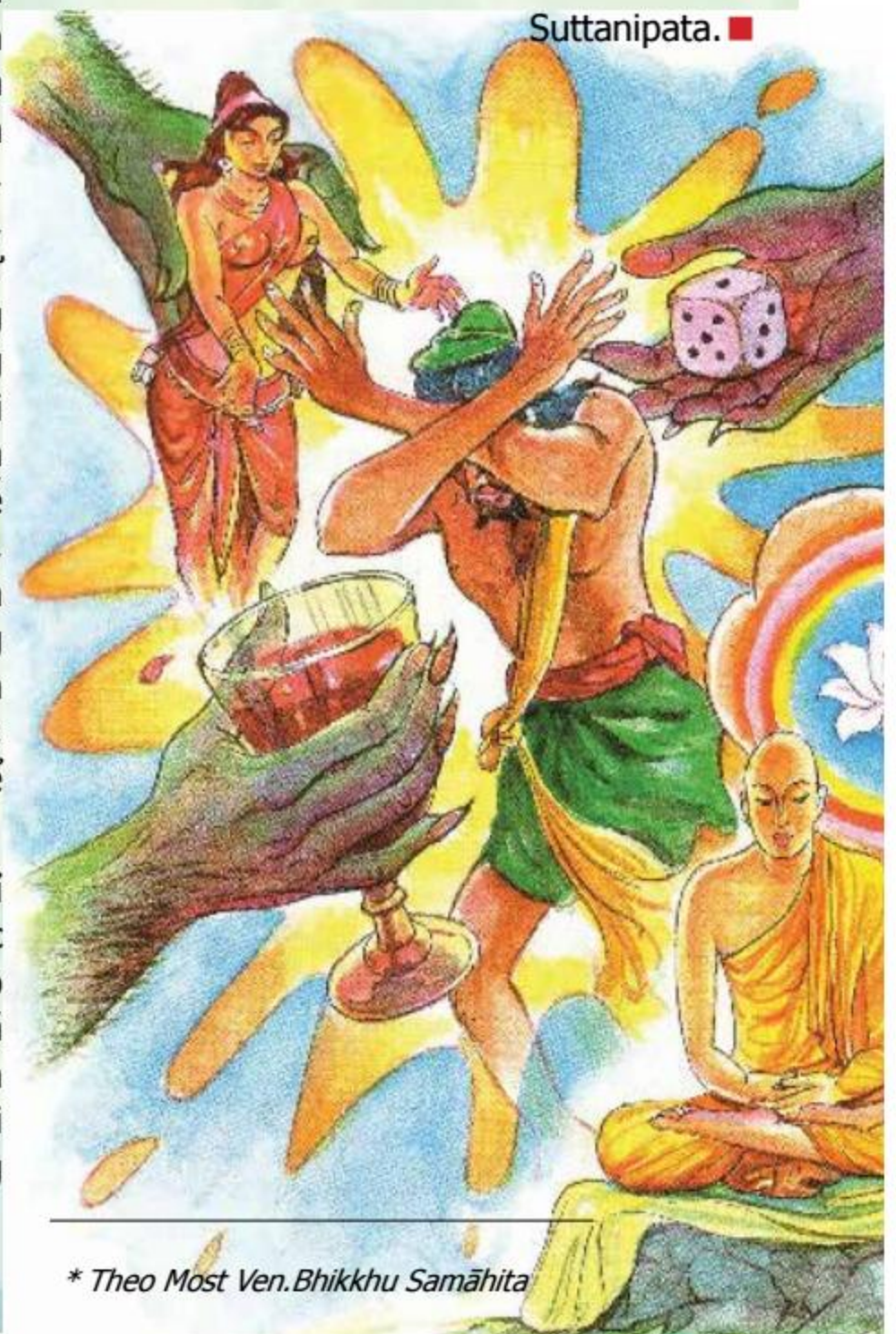
Dhammapada 112

“Này các tỳ kheo, dễ thay sống một cuộc đời mà không biết hổ thẹn; sống bị ràng buộc bởi cố chấp ganh ghét, gây thù chuốc oán; sống buông lung, si mê và tà kiến”.

Dhammapada 244

“Này các tỳ kheo, hãy cương quyết đứng lên! Hãy tinh tấn tự tạo cho mình một thành trì kiên cố để bảo vệ an toàn vương quốc của chính ta (tâm); chớ để tử thần rình rập theo dõi tìm thấy khuyết điểm trong từng sát na bằng lối sống buông lung phóng túng thì chắc chắn nó sẵn sàng ra tay lôi ta vào cõi chết, làm cho ta không biết đâu là đường chánh nẻo tà và mãi không chế lấy đời ta”.

Suttanipata. ■



* Theo Most Ven. Bhikkhu Samāhita



TÌM HIỂU LUẬT TẠNG PĀLI

Dịch Việt: Tỳ khưu Giác Nguyên
(tiếp theo & hết)

1.3- KHANDHAKA:

Gồm hai phần lớn Mahāvagga và Cullavagga. Khandhaka được xem là phần hậu bộ cho Suttavibhanga.

Mahāvibhanga có nội dung về 12 tiêu mục liên quan Luật tạng. Chẳng hạn, trước hết là kể lại thời điểm thành đạo của Bồ Tát, sau đó là việc đức Phật chính thức thành lập Tăng đoàn. Tiếp đến, Mahāvagga đề cập đến các vấn đề tổ chức Tăng sự của Giáo hội như lễ Phát lồ, lễ An cư kiết hạ, lễ Tự tứ v.v... cùng nhiều việc linh tinh khác như những tiêu chuẩn hay quy định của đức Phật về đời sống sinh hoạt của chư Tăng (y áo, trú xứ, cách phạt tội những vị phạm giới v.v...). Qua những ghi chép tỉ mỉ của Mahāvagga, chúng ta hôm nay có thể dễ dàng hình dung ra nội tình chư Tăng thời đó.

Trong Mahāvagga ta còn có dịp thấy rõ những học giới nguyên thủy đã được đức Phật quan tâm cẩn kểm và sinh động ra sao. Ngài chọn cho chư Tăng những màu y hợp cách, từng kiểu dép mang sao cho nhu nhả, cái gì được phép và cái gì bị cấm.

Như đã nói, luật học nguyên thủy luôn luôn linh động và thực tế đến mức rất gần gũi với

chúng ta hôm nay. Trong tập tiểu phẩm đề cập đến những vấn đề đời thường một cách cẩn kểm. Trong đó, Đức Phật có vẻ rất quan tâm đến từng sinh hoạt lớn nhỏ của Tăng chúng, từ chuyện tóc tai (quá dài) hay y phục luộm thuộm v.v... Ngoài trừ trường hợp bệnh hoạn, vị tỳ khưu không được phép sử dụng gương soi. Bên cạnh đó còn là những học giới hết sức hợp lý khác như một Tăng sĩ không thể thưởng thức các trò giải trí như khiêu vũ, âm nhạc v.v... Thậm chí một số đồ dùng cá nhân cũng không được phép sử dụng nếu không nhằm có nhu cầu thực sự sử dụng như nanh, sừng hoặc lông thú chẳng hạn.

Ngoài ra, trong tập tiểu phẩm còn đề cập đến các học giới có liên quan đến đời sống Ni chúng. chẳng hạn như một vị tỳ khưu ni không được phép xin ai đó một thứ vật chất có giá từ hai đồng vàng cổ trở lên. Các vị cũng không được phép ngồi hay trò chuyện với người khác phái ở một chỗ kín khuất hay lúc đêm hôm. Nếu chưa được sự đồng ý của gia chủ thì một vị tỳ khưu Ni không được ra khỏi căn nhà mà mình đang trú ngụ hoặc được mời dùng bữa thường xuyên. Luật tạng cũng không cho phép các tỳ khưu Ni lưu lại bố tát đường sau khi lễ phát lồ đã kết



thức. Chư tỳ khuư Ni cũng không được phép thưởng thức thanh nhạc hoặc tới lui những địa điểm giải trí công cộng như hí viện hoặc hoa viên; không được phép tìm học thêm bất cứ một ngành nghề sinh nhai nào mang tính thế tục. Trừ trường hợp bệnh hoạn, vị tỳ khuư Ni cũng không được phép sử dụng các phương tiện đi lại, vì các vị ấy rất dễ gặp phải các cám dỗ bởi những điều kiện đó. Còn về các thứ mỹ phẩm và trang sức thì coi như luôn luôn bị cấm chế tuyệt đối.

Có thể nói rằng các tuyên ngôn Tăng sự hầu hết đều nằm ở Khandhaka. Tăng chúng có thể vận dụng các tuyên ngôn này như những luật nghi cần thiết cho những sự vụ tương ứng. Trong bảy loại tuyên ngôn của Khandhaka, tuyên ngôn cụ túc giới được xem là thông dụng nhất và cho mãi đến bây giờ vẫn tiếp tục được áp dụng ở các xứ Phật giáo Nam phương.

Nhưng ta phải nhận rằng tập Khandhaka không chỉ bao gồm những vấn đề luật học khô khan như vậy, mà ngược lại, nó còn chứa đựng những nội dung khác thơ mộng và sinh động hơn nhiều. Đó là những áng văn học Pāli cổ điển mà cho tới hôm nay, chúng vẫn không hề bị phủ nhận. Chẳng hạn những câu chuyện vừa mang tính sử học, vừa mang tính nhân bản.

Một hôm, đức Phật cùng trưởng lão Ānanda trong khi đang đi viếng các liêu cốc chư Tăng trong tịnh xá, Ngài đã nhìn thấy một vị tỳ khuư đang nằm đau đớn trên một đồng những thứ bần thiêu. Chả là vị tỳ khuư nọ đã phải trải qua những tháng ngày dài bệnh hoạn mà không có người chăm sóc. Đức Phật bảo Trưởng lão Ānanda đi tìm một ít nước sạch rồi sau đó, chính tay Ngài đã tắm rửa và bông vị này đặt trên một chiếc giường sạch sẽ. Sự việc thương tâm đó thực ra là do lúc bình thường, vị này chẳng nhóm ngó tới ai nên khi hữu sự, chẳng có một bạn bè nào để mắt tới. Nhân sự kiện này, sau đó, đức Phật đã triệu tập chúng Tăng và khuyên nhắc các vị lúc nào cũng phải nên chăm sóc lẫn nhau. Ngài còn nói thêm rằng, bất cứ ai muốn người khác đối xử với mình thế nào thì trước hết mình phải đối xử với người như

vậy.

Trong Khandhaka còn kể lại nhiều câu chuyện khác mang tính đời thường và dí dỏm. Đôi vợ chồng kia có một đứa con trai mà họ rất thương yêu. Cả hai cùng bàn bạc với nhau để nghĩ ra cách nào đó có thể tạo dựng cho nó một đời sống thật sự hạnh phúc. Họ sợ việc cầm bút sẽ làm cho mấy ngón tay của cậu bé bị đau, những vận động tay chân có thể khiến cơ bắp của cậu bị nhức mỏi và thậm chí cả ngành hội họa cũng có thể làm cho thị lực của cậu bị ảnh hưởng.

Sau nhiều lần suy tính, cuối cùng, họ quyết định cho cậu bé đi tu. Theo họ, đó là phương kế sinh nhai tốt nhất để cậu khỏi phải vất vả cực thân!

Hoặc một câu chuyện khác cũng không kém phần hài hước và kịch tính. Có một cô danh kỹ ở thành Vương Xá chẳng may bị vướng vào cái "tai nạn nghề nghiệp" là có mang. Nàng cố dưỡng bào thai cho đến ngày sinh nở rồi sau đó bí mật đem đặt đứa trẻ sơ sinh vào một chiếc giỏ và mang thả trôi sông. Một vị hoàng tử hiếm muộn đã nhặt được đứa bé rồi cho người đem về nuôi dưỡng, đặt tên là Jīvaka. Jīvaka lớn lên được học hành đàng hoàng và đặt biệt có năng khiếu về khoa y dược. Tương truyền rằng sau bảy năm thụ học với Thầy, Jīvaka trở thành một y sĩ toàn tài. Để thử thách chàng, vị thầy ra lệnh cho Jīvaka đi khắp rừng rậm núi cao để tìm cho ra một thứ thảo mộc nào đó không thể làm thuốc được, dù là thuốc cứu người hay giết người và cuối cùng, Jīvaka đã trở về thưa với thầy rằng mình không thể tìm thấy một thứ thảo mộc nào không có dược tính. Cảm thấy thỏa lòng với người học trò ưu tú, vị thầy đã cho chàng một ít tiền và đồng ý cho Jīvaka được phép hồi hương để hành y cứu đời. Jīvaka từ đó trở thành một danh y nổi tiếng. Bệnh gì chàng cũng có thể điều trị bởi bất cứ thứ gì trong mắt chàng đều có thể là một món thuốc.

Để kêu gọi tinh thần tôn ti ở các vị tỳ khuư trẻ tuổi đối với các bậc tôn túc trưởng lão, đức Phật đã kể lại một câu chuyện mà ở thời đại này ta có thể hiểu đó là một câu chuyện ngụ ngôn cũng được. Câu chuyện kể về ba



con thú: con voi, con gà gô và một con khi sống gần nhau bên cạnh một cội cây đại thọ. Trong suốt một thời gian dài, ngoài chính bản thân mình, chúng không hề biết đến việc tôn trọng ai đó là người lớn nhất trong bọn. Một hôm, cả ba con thú bỗng nhiên nghĩ đến chuyện đó và cùng quyết định bầu chọn một con được xem là cao tuổi nhất để hai con còn lại có thể đối xử tôn trọng. Con gà gô và con khi đề nghị con voi kể lại một sự kiện nào đó như là dấu mốc thời gian để xem nó đã sống được bao lâu. Con voi trả lời rằng, ngày nó còn bé thì đợt cao nhất của cây này cũng chỉ nằm dưới bụng con nó mà thôi. Câu hỏi lại được đặt ra cho con gà gô và con khi. Con khi cho biết ngày nó còn nhỏ thì cây đại thọ vẫn còn thấp lắm, nó có thể ngồi dưới đất mà đưa tay bẻ ngắt đợt cây. Đến phiên con gà gô thì nó thủng thỉnh trả lời rằng, ngày xưa, chính nó đã ăn một trái cây đại từ một địa điểm gần đó. Về sau nó đi tiêu ra và một cái hạt trong đồng phân đó đã mọc thành cái cây hiện tại mà ba con thú vẫn thường chọn làm chỗ gặp mặt. Nghe xong lời kể của con gà gô, khi và voi quyết định xem gà gô là anh cả trong nhóm để chúng nghe lời và tôn trọng!

Ngoài ra, trong tập Khandhaka còn kể lại rất nhiều giai thoại về những nhân vật có tên tuổi trong Phật giáo thời đó như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, La Hầu La, triệu phú Cấp Cô Độc, Đề Bà Đạt Đa.

Tập Khandhaka còn nhắc đến một sự kiện hết sức quan trọng đối với lịch sử Phật giáo, đó chính là sự ra đời của Giáo hội Ni chúng. Trước lời khẩn thỉnh thiết tha của người dì ruột là bà Gotami và Trưởng lão Ānanda, đức Phật đã chấp thuận cho nữ giới được xuất gia trong giáo hội. Cùng với một lời cảnh báo về những tình huống xấu nhất có thể xảy ra từ sau có mặt của Ni chúng. Theo Ngài thì một đoàn thể xuất gia có sự góp mặt của nữ giới thì đó là một giáo hội bị bỏ ngỏ, một cánh đồng đang bị chim chuột tấn công, một ngôi nhà đang bị trộm cướp rình rập. Từ đó, để chặn đứng phần nào những đổ vỡ có khả năng xảy ra trong tương lai cho Phật giáo, đức Phật đồng ý thành lập Ni chúng kèm theo 8 điều chế pháp mà bất cứ vị tỳ khưu ni nào cũng phải tuyệt đối chấp hành. Nội dung đại



lược của tám điều chế pháp đó là xác định vị trí thứ yếu của Ni chúng đối với Tăng chúng, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Tăng chúng đối với Ni chúng cùng một số lưu ý của đức Phật về các thói xấu thường thấy ở nữ giới

1.4- PARIVĀRA (TẬP SỰ BỘ)

So với các phần khác của Luật tạng thì Parivāra được biên soạn muộn màng nhất và có lẽ đây là tác phẩm của một Trưởng lão Tích Lan nào đó. Nội dung của Parivāra hầu như bao gồm toàn bộ Luật tạng và các vấn đề được trình bày trong hình thức vấn đáp. Sách gồm 19 chương bao gồm cả các mục từ vựng, danh mục v.v... Cách bố trí nội dung này của Parivāra cứ làm ta nhớ đến các tập phụ lục (Anakramanis) của kinh điển Vệ Đà (Vedāṅge).

Trong bài kệ dẫn nhập của bộ Parivāra có nhắc đến sự kiện Đại đức Mahinda sang Tích Lan và như vậy thì ta cũng có thể giả định rằng bài kệ này của vị Trưởng lão nào đó của Tích Lan chẳng hạn như ngài Arittha, cháu kêu vua Devanampiyatissa bằng cậu. Đã vậy, trong bài kệ kết thúc của bộ Parivāra ta còn bắt gặp câu ghi chú sau đây: "Sách được biên soạn bởi một người Tích Lan (nguyên tác gọi là "Người ở đảo") theo phong văn ngôn ngữ và tinh thần sáng tác của các bậc tôn đức". ■

* Nguyên tác: Dr. S. C. Banerji

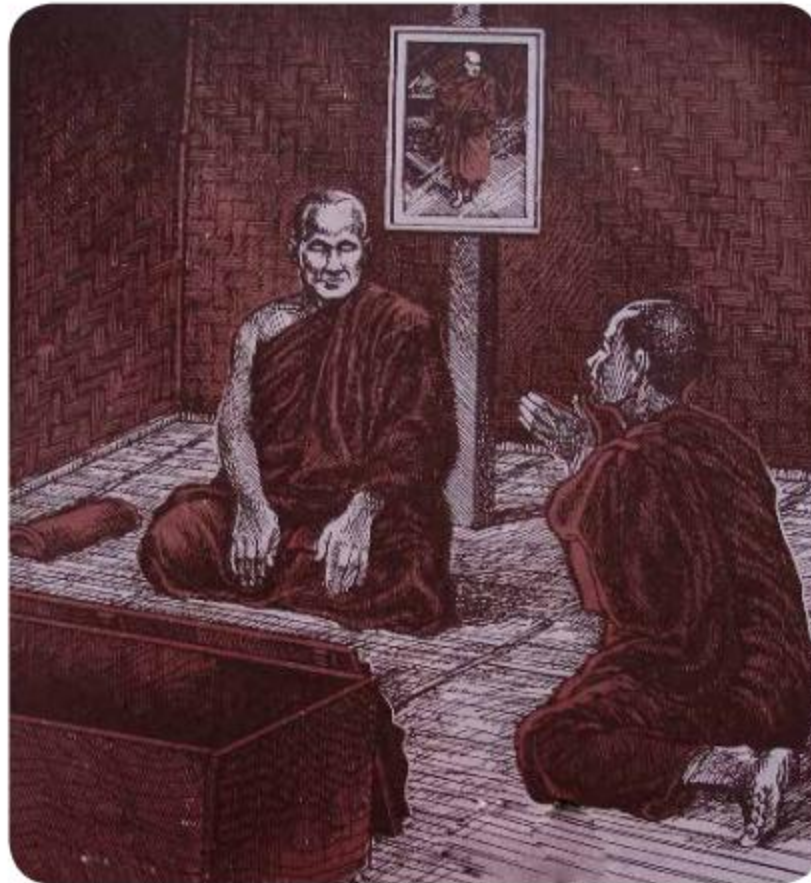


Thiền Học Vấn Đáp

Viên Minh

Hỏi: Con nghi ngờ không biết định có phải là hiện tại lạc trú thật không, vì nhiều người tự cho là đã đắc định rất cao, nhưng khi ở trong đời thường họ có vẻ như trầm cảm, thụ động, sợ ồn ào, chỉ thích nơi yên tĩnh để dễ trú vào trạng thái định, nên cũng rất dễ sân khi gặp nghịch cảnh. Họ không quan tâm việc gì ngoài nhập định và truyền bá phương pháp thiền định của mình, nên tỏ ra cố chấp và ngã mạn. Nói chung họ không hiện tại lạc trú chút nào. Xin thầy vui lòng giải thích.

Trả lời: Đó là một nhược điểm của định an chỉ. Đức Phật dạy rằng định quá nhiều sẽ sinh ra trạng thái hôn trầm, vì hai thiền chi nhất tâm và xả có thể làm cho tâm hành giả trở nên thờ ơ thụ động, như bạn đã thấy. Hơn nữa, phần lớn người thích định chỉ mong cầu đạt được an lạc hoặc muốn tránh khỏi phiền phức, nên hễ có cơ hội là họ liền trú vào trạng thái hỷ lạc của định. Nhưng khi ra khỏi trạng thái đó họ khó thích nghi với môi trường sống ồn ào phức tạp, khiến họ dễ dàng nóng giận. Họ bị dính mắc vào trạng thái định cùng với tâm cố chấp và ngã mạn. Nếu bạn hành thiền định chỉ vì khao khát có được năng lực thần



thông thì vô cùng nguy hiểm. Như Devadatta đã đắc định rất cao, và có cả thần thông nữa nhưng vì tham vọng quyền lực nên đã hãm hại đức Phật, để rồi đọa vào địa ngục vô gián.

Khi nhập chánh định thì đúng là hiện tại lạc trú, thậm chí còn bất khả xâm phạm nữa. Nhưng thực ra hiện tại lạc trú đúng hơn là để nói đến các bậc Thánh khi an trú trong Thánh Quả Định hoặc Diệt Thọ Tướng Định. Các bậc Thánh cũng là những người hoàn hảo trong tùy thời định. Vì họ không dao động trước mọi hoàn cảnh, ở đâu và lúc nào cũng thông dong tự tại, an lạc tự nhiên.

Hỏi: Làm thế nào để phân biệt được chánh định và tà định.

Trả lời: Về phương diện định luật tâm (citta niyāma), khó mà phân biệt được chánh định với tà định. Bởi vì, trong cùng một bậc định giống nhau, tất nhiên phải có cùng một trạng thái gồm những thiền chi giống nhau.

Về phương diện định luật nghiệp (kamma niyāma), thiền định được phân biệt chánh tà theo động cơ và mục đích. Nếu động cơ hành thiền định là tham, sân, si và mục đích là để thọ lạc hoặc quyền năng thì đó là tà định. Ngược lại, nếu động cơ là vô tham, vô sân,

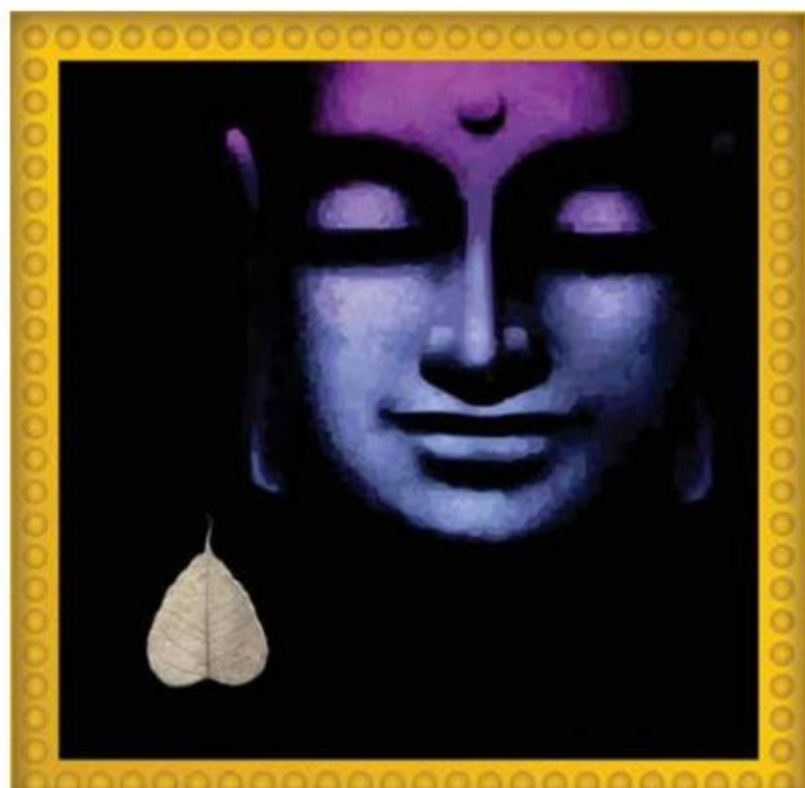
vô si và mục đích là giác ngộ giải thoát thì đó là chánh định.

Hỏi: Nhân tiện cho tôi hỏi: chánh định và Thánh định có khác nhau không?

Trả Lời: Yếu tố thiền chi thì cả hai đều giống nhau. Sự khác biệt duy nhất là chánh định thường ám chỉ định tốt đẹp của người thường, còn định của bậc Thánh gọi là Thánh định, nhưng cả hai đều có thiền chi không khác nhau. Cần lưu ý rằng bạn không thể hành Thánh định mà chỉ có thể hành chánh định thôi. Chỉ hành thiền định bạn không thể giác ngộ được nếu không hành thiền tuệ. Khi đã giác ngộ Thánh Quả, lập tức chánh định của bạn trở thành Thánh định chứ không cần phải thực hành để đắc.

Hỏi: Con có nghe một vị sư giảng phải hành thiền định trước mới hành thiền tuệ sau, nhưng cũng có vị lại giảng không cần đắc định vẫn có thể đắc tuệ. Theo thầy điều nào đúng hơn?

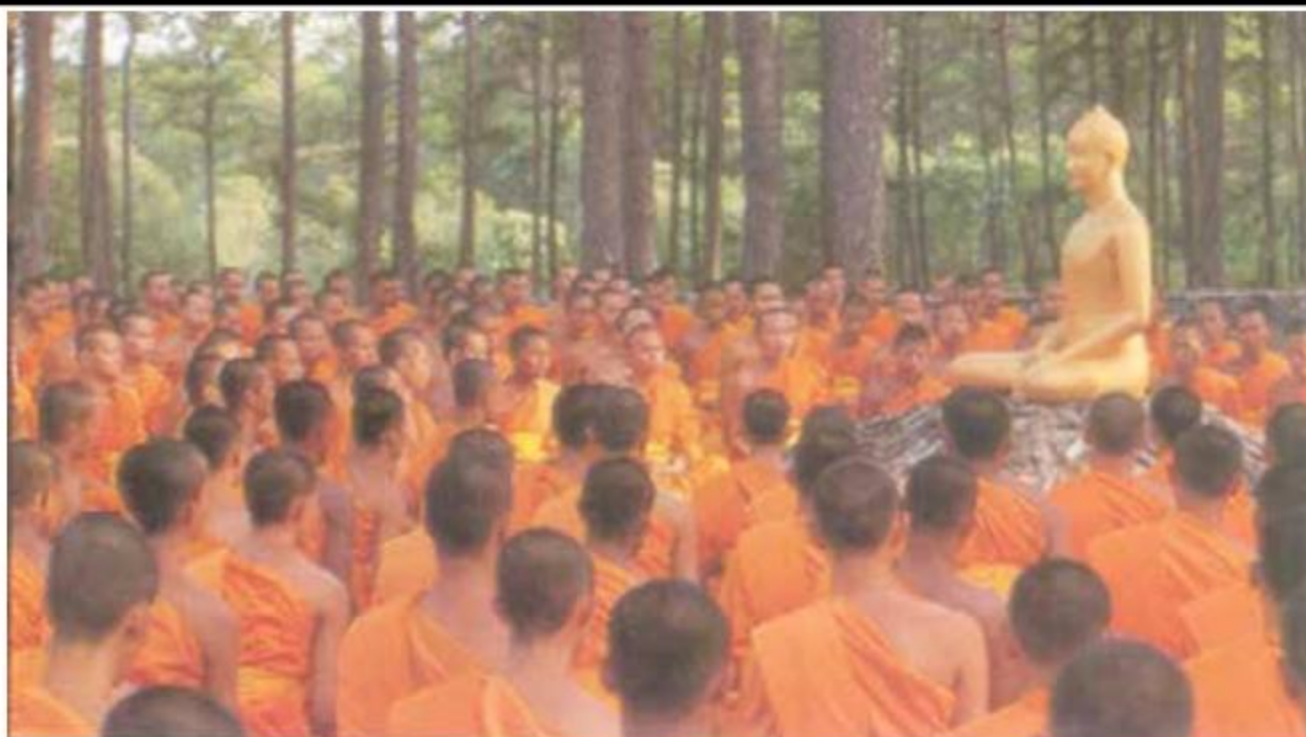
Trả Lời: Nếu hiểu đúng, cả hai đều đúng; nếu hiểu sai, cả hai đều sai. Vì hiểu lầm "định năng sinh tuệ" là phải có định trước mới có tuệ sau, nên một vài phái thiền mới chủ trương phải hành thiền định trước rồi sau đó mới chuyển qua thiền tuệ. Thực ra, định luôn kết hợp với tuệ, không thể tách rời nhau



trong sự giác ngộ. Giống như một tấm gương phải có hai điều kiện là tình trạng yên tĩnh và trong sáng. Thiếu một trong hai yếu tố đó bạn không thể soi mặt được. Dù tấm gương đứng yên nhưng không trong sáng, hoặc trong sáng mà không đứng yên thì không thể soi được vật gì. Cũng vậy, định, tuệ phải đồng thời mới có thể thấy được thực tánh.

Tuy nhiên, định được kết hợp với tuệ quán phải là sát na định, tùy thời định hay chánh niệm chứ không phải là an chỉ định. Giống như tấm gương cố định một hướng không thể phản ánh đối tượng di chuyển qua một hướng khác. Cũng vậy, người đắc định bất động chỉ có thể thấy đối tượng tĩnh chứ không thể thấy đối tượng động. Hơn nữa, giống như tấm gương bị đặt vào trong một hộp kín, tâm định sâu cách ly ngoại duyên, bị khuôn định trong khái niệm, làm sao soi thấy thực tánh của vạn pháp.

Chúng ta cần lưu ý một điểm vô cùng quan trọng là khi đức Phật dạy thiền tuệ cho những người trước kia đã đắc định, không phải theo nghĩa chuyển thiền định qua thiền tuệ, vì hai loại thiền này không thể hoán chuyển được. Đức Phật chỉ muốn giúp họ biết dùng tuệ soi chiếu để phá chỗ vướng mắc của họ trong thiền định mà thôi. Nếu họ không khai thông được thì sẽ bị vướng kẹt mãi trong những thành tựu tự tâm mình tạo.



Hỏi: Có những phương pháp rèn luyện như yoga, khí công, thôi miên, ấn chú v.v... có phải là thiền định không?

Trả Lời: Những phương pháp rèn luyện này đều dựa trên một mức độ nào đó của thiền định để phát huy. Nếu động lực và mục đích đúng tốt thì những phương pháp này đều đem lại lợi ích cho đời sống con người trên nhiều lãnh vực. Tuy nhiên, nếu động cơ là tham vọng và mục đích để phát triển năng lực cho bản ngã, không phải giác ngộ giải thoát thì không thể xem là chánh định trong Phật giáo.

Hỏi: Con nghe nói người nào chỉ hành thiền tuệ vipassanā thì không thể đắc an chỉ định được. Cho nên nhiều người tranh thủ hành để đắc an chỉ định trước, như vậy có đúng không?

Trả Lời: Một người đã đạt được sát-na định và tùy thời định trong khi hành thiền tuệ vipassanā, thì nếu cần vị ấy có thể vào an chỉ định một cách dễ dàng. Hơn nữa, pháp hành thiền tuệ vipassanā đúng giúp chúng ta thoát khỏi tham ái và tà kiến. Điều này phù hợp với nguyên tắc "ly dục ly bất thiện pháp" trong định an chỉ, vì vậy người ít tham ái và tà kiến không những sẽ rất dễ đắc định, mà còn không sợ rơi vào tà định.

Hỏi: Con nghe nói có một loại thiền gọi là kim cang định, đó là loại định gì?

Trả lời: Kim cang là ý nói định kiên cố bất khả xâm phạm. Định an chỉ tồn tại có điều kiện nên không thể là kim cang định được,

trừ phi đó là Thánh định.

Tuy nhiên, tùy thời định có thể là kim cang định vì nó có khả năng định vô điều kiện, bất cứ ở đâu và lúc nào. Với một bậc Thánh, định này chính là tịch tịnh (santi) được gọi là an lạc tối thượng (paramam sukham).

Hỏi: Con đã thực hành thiền định được một thời gian và theo thiền sư hướng dẫn thì con đã chứng được thiền sắc giới thứ tư. Con thấy rất an lạc và thiền an chỉ đã giúp con cải thiện được bản thân rất nhiều. Con định sẽ luyện thần thông, nhưng bây giờ nghe thầy giảng thì con mới nhận ra rằng mình thật sự có vướng mắc trong sở đắc nên đã không tiến bộ trong thiền tuệ được. Vậy con nên tiếp tục hay nên bỏ thiền định?

Trả lời: An chỉ định tự nó không đúng hay sai. Nếu tâm bạn ít tham dục hay vọng động mà định đến một cách tự nhiên, không cần cố gắng sở hữu, cũng không cần chấp giữ nó thì không có vấn đề gì. Nhưng nếu sở đắc đến do tham vọng sở hữu hỷ lạc hay năng lực siêu nhiên thì nó trở thành chướng ngại cho tuệ giác. Hơn nữa, định an chỉ dựa trên những khái niệm để phát triển, trong khi tuệ giác phải vượt qua mọi khái niệm để trực nhận thực tánh. Vì không nhận ra điều này, nên trong một trạng thái định nào đó nhiều người đã lầm lẫn khái niệm của họ là thực tánh. Đó không phải là tự đánh lừa sao? Vậy nếu bạn thấy đó là vướng mắc, chỉ cải thiện bản ngã và mất thời gian cho sở đắc không thôi, thì sao không thoát ra càng sớm càng tốt? ■



PHÁP HỖ TRONG ĐỜI SỐNG

Đại đức Thiện Minh
(tiếp theo)

Hở lại còn có một khía cạnh khác: Nó có thể biến thành một Thất giác chi (Bojjhangas enlightenment factor). Như chúng ta đã thấy, các Thất giác chi khác gồm có: Chánh niệm, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định và xả^[1]. Khi ta tu luyện những Thất giác chi đó thông qua Đại Niệm Xứ, chúng sẽ dẫn ta đến thực chứng được Tứ diệu đế. Khi chúng ta mới bắt đầu niệm được danh pháp và sắc pháp, chúng ta không hy vọng có được các Thất giác chi đó để tu luyện. Chúng chỉ có thể phát triển được thông qua Đại Niệm Xứ mà thôi.

Tác phẩm chú giải Bộ Pháp Tụ (Atthasālinī tr.75) đề cập đến những yếu tố tạo ra Thất giác chi pháp hỷ xuất hiện như sau:

...Niệm về đức Phật, Pháp và Tăng già về giới luật, bổ thí, chư Thiên (Deva), về Níp bàn, tránh xa điều xấu (nghĩa là những người xấu), phục vụ người khiêm tốn, niệm kinh Phật sẽ giúp ta thấm nhuần niềm tin và khuynh hướng về tất cả những điều tốt lành đó.

Khi chúng ta niệm kinh Phật, suy gẫm và tìm ra ý nghĩa bằng cách niệm được những Pháp chính đức Phật đã luôn giảng dạy, chúng ta có thể chứng minh được chân lý về những giáo lý của Ngài. Như vậy thì niềm tin nơi đức Phật của chúng ta, nơi Pháp và Tăng già có thể phát triển trong ta và chúng ta sẽ được truyền cảm hứng để tiếp tục tu luyện Bát chánh đạo. Cần có những điều kiện để

cho hỷ xuất hiện giúp tiếp sinh lực cho tâm và các sở hữu đi kèm. Cũng vậy hỷ có thể trở thành đối tượng của niệm để trí tuệ nhận ra điều đó không phải là "bản ngã". Chúng ta nên nhớ rằng thiếu tu luyện Niệm Xứ thì hỷ giác chi và các Thất giác chi khác sẽ không phát triển được.

Chúng ta đọc thấy trong kinh "Mahanama" (Tương Ứng Bộ Kinh - Gradual Sayings, cuốn 6, chương I §10) là đức Phật đã nhắc nhở Mahanama niệm Phật, Pháp, Tăng, giữ giới luật, thực hiện bổ thí và niệm chư Thiên, tức là những đức tính tốt. Theo Thanh Tịnh Đạo thì Mahanama là một vị thánh nhập lưu và như vậy, ngài đã đạt đến chánh niệm danh pháp và sắc pháp và Ngài đã không còn coi bất kỳ pháp nào là bản ngã của riêng mình nữa. Chúng ta đọc thấy như sau:

... Nay Mahanama, bất kể khi nào người đồ đệ bậc Như Lai (Tathagata), thì không bao giờ dục vọng có thể tràn ngập tâm của Ngài được nữa. Sân hận cũng không thể xâm chiếm lòng Ngài được, và chẳng bao giờ ảo tưởng còn có thể thâm nhập tâm Ngài nữa; quả thực, đó là cách tâm hồn các Ngài nhắm thẳng mà tiến bước nhân danh Như Lai. Và với tâm đã được nhắm thẳng hướng, Mahanama người đồ đệ bậc thánh đó trở nên thành tâm trước mục tiêu, trước Phật pháp và thẳng được hân hoan gắn liền với pháp và như vậy hỷ của Ngài phát sinh; khi tâm Ngài đã tràn đầy hoan hỷ, toàn thể con người của Ngài đạt đến tịnh; có tâm bình yên, Ngài cảm nhận được



thanh thản. Thanh thản trong tâm hồn; khi tâm trí Ngài mê mải trong niềm hân hoan thú vị, Ngài cảm nghiệm được thoải mái và khi đã an nghỉ trong thoải mái thì tâm hồn Ngài đạt đến điềm tĩnh.

Mahanama, được nói đến như là một đồ đệ bậc thánh, giữa những người thất thường Ngài đã sống thật bình thản. Giữa những người bồn chồn lo lắng Ngài đã sống hết sức thản nhiên, lắng tai nghe Phật pháp. Ngài đã chiến thắng, Ngài đã trở thành một con người luôn luôn được đức Phật chú tâm tới.

Ta cũng thấy một số hồi ký khác cũng đề cập đến những vấn đề tương tự như vậy. Theo Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga VII, tr. 121) thì chỉ có người đồ đệ bậc thánh mới tu luyện thành công được những đề mục niệm Phật vừa nêu trên, vì những người phàm nhân không thể thực sự tìm hiểu được ý nghĩa các đề mục thiền đó. Nếu chúng ta chưa đạt đến giác ngộ làm sao chúng ta có thể biết đạt đến giác ngộ mang ý nghĩa gì và làm thế nào hiểu được “Phật” mang ý nghĩa gì? Tuy nhiên, kể cả những người không thuộc bậc thánh (phàm nhân) cũng có thể nghĩ đến “Phật” với niềm tin và rồi hỷ cũng vẫn có thể xuất hiện.

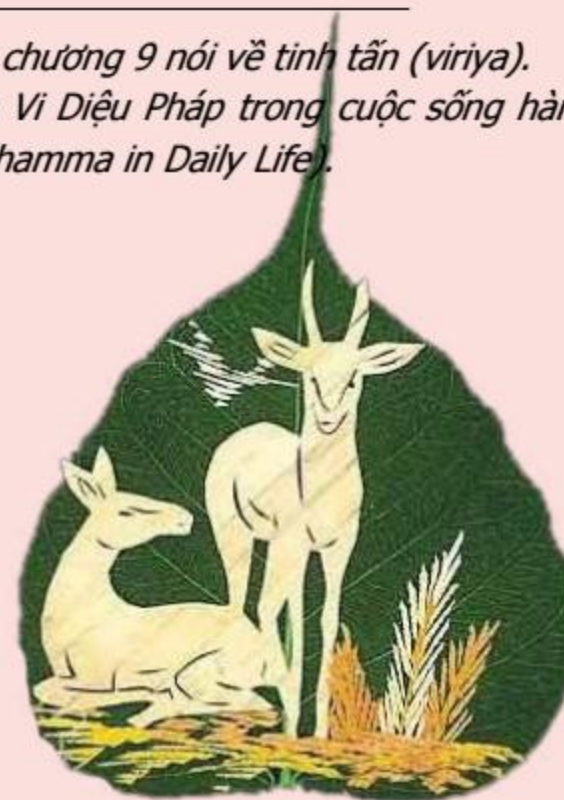
Chúng ta không thể khiến hỷ thiện xuất hiện được, hỷ thiện chỉ có thể xuất hiện khi có đủ điều kiện thuận lợi. Ngay khi hỷ thiện đã sinh và diệt thì tức khắc thủ (Upadana) buộc phải xuất hiện. Chúng ta có thể cảm thấy rất hài lòng về “điều thiện của chúng ta” và chúng ta cảm thấy đạt được hỷ là điều vô cùng quan trọng. Chúng ta thường nghĩ hỷ có thể tồn tại, nhưng trong thực tế hỷ diệt ngay tức khắc sau khi đã xuất hiện. Điều cơ bản là phải nhận ra sự khác biệt giữa tâm thiện và tâm bất thiện; chính vì vậy chúng ta sẽ thấy được không phải lúc nào tâm thiện cũng có thể xuất hiện, ngay cả khi chúng ta cứ tưởng mình đang làm điều thiện. Chúng ta có thể kỳ vọng những điều sáng khoái đến từ những người khác, chúng ta thích được người khác khen ngợi, chúng ta muốn chứng tỏ cho họ biết các đức tính tốt và hiểu biết của chúng ta, hoặc giả chúng ta thích gắn kết với nhóm người đó. Các phiền não thường đâm rễ sâu nơi ta và thường xuất hiện bất kể khi nào có

thời cơ thuận tiện. Có quá nhiều đối tượng có thể ảnh hưởng đến tham và tham lại có thể do câu hành hỷ hay thọ hỷ và hỷ đi kèm. Hỷ bất thiện có thể xuất hiện ngay sau khi hỷ thiện và rất khó phát hiện ra những khác biệt giữa hai loại hỷ này. Chúng ta có thể cảm thấy thất vọng khi khám phá ra rằng tâm bất thiện lại nhiều hơn tâm thiện, nhưng ngay sát-na chúng ta khám phá ra tâm bất thiện thì tức khắc cũng có chánh kiến. Vào những sát na như vậy tâm trở thành tâm thiện và không còn ác cảm hay cảm giác nản lòng thất vọng nữa.

Không chỉ có các tâm đại thiện (Maha kusala citta), tâm thiện thuộc dục giới mới đi kèm với câu hành hỷ, tức là thọ hỷ mới xuất hiện với hỷ thôi đâu, nhưng còn cả tâm đại quả (Maha vipakacitta) và tâm đại tố (Kiriya-citta) đi kèm với câu hành hỷ cũng xuất hiện cùng với hỷ. Liên quan đến tâm đại quả, những tâm này do nghiệp tạo ra, và như vậy lại tùy vào nghiệp tạo ra đại tâm quả, cho dù có nghiệp đó có đi kèm với câu hành hỷ và hỷ hay không. Trong số những ai phải tái đầu thai với tâm đại quả, thì một số lại sinh ra với câu hành hỷ và hỷ, số khác sinh ra với xả và trong trường hợp đó sẽ không có hỷ đi kèm. Nếu chúng ta được tái sinh với câu hành hỷ tức là với thọ hỷ và hỷ thì tất cả các tâm hộ kiếp của cuộc sống đó cũng như cả tâm tử cũng được kèm với câu hành hỷ tức thọ hỷ và pháp hỷ^[2] (còn tiếp). ■

[1] Xem chương 9 nói về tinh tấn (viriya).

[2] Xem Vi Diệu Pháp trong cuộc sống hàng ngày (Abhidhamma in Daily Life).



I. SỨC KHỎE

1. Uống nhiều nước.
2. Ăn sáng giống như vua, ăn trưa giống như ông hoàng và ăn tối giống như kẻ ăn xin.
3. Ăn nhiều thức ăn mọc trên cây và ăn ít thức ăn được chế tạo trong nhà máy.
4. Sống với 3 N – Năng lực, Nhiệt thành và Nhân ái
5. Tìm ra thì giờ mà cầu nguyện.
6. Chơi trò chơi nhiều hơn.
7. Đọc nhiều sách hơn năm 2010.
8. Ngồi yên lặng ít nhất 10 phút mỗi ngày.
9. Ngủ 7 giờ.
10. Đi bộ từ 10-30 phút mỗi ngày và mỉm cười trong khi bước đi.

II. NHÂN CÁCH

11. Đừng so sánh cuộc đời của bạn với cuộc đời của những người khác. Bạn không biết cuộc hành trình của họ như thế nào đâu.
12. Đừng có những tư tưởng tiêu cực hoặc có những thứ mà bạn không thể làm chủ. Thay vào đó, hãy đầu tư năng lực của bạn vào khoảnh khắc hiện tại tích cực.
13. Đừng làm quá mức. Giữ giới hạn của bạn.
14. Đừng quá coi trọng bản thân bạn. Không ai để ý bạn đâu.
15. Đừng phí năng lực quý báu vào chuyện ngồi lê đôi mách.
16. Hãy mơ nhiều hơn khi bạn còn đang thức.
17. Ghen tỵ là phí thì giờ. Bạn đã có tất cả những gì bạn cần rồi.
18. Hãy quên đi những chuyện quá khứ. Đừng nhắc cho vợ/chồng của bạn nhớ lại những lỗi lầm của họ trong quá khứ. Việc này sẽ làm hỏng hạnh phúc hiện tại của bạn.
19. Cuộc sống quá ngắn để mà phí thì giờ vào việc ghét người nào. Đừng ghét những người khác.
20. Hãy làm hòa với quá khứ của bạn để nó không làm hỏng hiện tại.
21. Không ai lãnh trách nhiệm về hạnh phúc của bạn ngoài bạn.
22. Hãy nhận thức rằng cuộc đời là một trường học và bạn ở đây là để học. Các bài toán chỉ là một phần của học trình, xuất hiện rồi phai mờ đi giống như lớp đại số, nhưng các bài học bạn học được thì sẽ kéo dài suốt đời.
23. Mỉm cười và cười nhiều hơn.
24. Bạn không buộc phải thắng mọi điểm đâu.

Nghệ Thuật Sống Năm 2011

Trình sưu tầm

Hãy đồng ý với việc không đồng ý.

III. XÃ HỘI

25. Hãy thăm viếng gia đình bạn thường xuyên.
26. Mỗi ngày, hãy mang lại điều gì tốt cho người khác.
27. Hãy tha thứ cho mọi người về mọi sự.
28. Hãy dành thì giờ cho những người ngoài 70 và dưới 6 tuổi.
29. Hãy cố gắng làm cho ít ra ba người mỉm cười mỗi ngày.
30. Không cần biết những điều người khác nghĩ về bạn.
31. Việc làm của bạn sẽ không săn sóc bạn khi bạn đau ốm đâu. Bạn bè mới làm việc ấy. Hãy liên lạc với nhau luôn.

IV. ĐỜI SỐNG

32. Hãy làm chuyện đúng!
33. Loại bỏ bất cứ thứ gì không ích lợi, không đẹp hoặc không vui.
34. Thời gian chữa lành mọi sự...
35. Cho dù một hoàn cảnh tốt hay xấu, nó sẽ thay đổi.
36. Mặc cho bạn có cảm thấy thế nào, hãy ra khỏi giường, đứng dậy và khoe thiên hạ.
37. Điều tốt nhất sẽ đến.
38. Mỗi sáng thức dậy mà còn sống, hãy cảm ơn Trời Phật về điều ấy.
39. Thâm tâm bạn luôn luôn hạnh phúc. Thế thì, hãy sống hạnh phúc đi... ■



Phỏng vấn

HÒA THƯỢNG THIỆN SƯ KIM TRIỆU

Quốc An thực hiện

PV: Xin Thiền sư giới thiệu về bản thân và những thành tựu của bản thân Hòa thượng trong quá trình tu tập và học hỏi giáo pháp của đức Phật?

Hòa thượng Kim Triệu: Tôi sinh năm 1930 tại làng Phương Thạnh, tỉnh Trà Vinh trong một gia đình Phật tử thuần thành. Do cha mẹ mất sớm và được duyên may tiếp cận với các sư nên tôi xuất gia Sa di lúc 17 tuổi, kể từ khi xuất gia tôi có ý thích tìm hiểu và học tiếng Pāli. Năm 1949 thọ Cụ túc giới, xuất gia tỳ khưu tại Cao Quý Tự, làng Phương Thạnh, tỉnh Trà Vinh với pháp danh là Khippapañño (có nghĩa là Thiện Trí) nhưng Phật tử thường gọi là Sư Pañño, hoặc sư Kim Triệu.

Năm 1950-1955, tôi lên học đạo tại chùa Giác Quang, bến Bình Đông, Chợ Lớn.

Năm 1957-1958 nhận bằng cấp danh dự sơ đẳng Pāli và bằng Trung cấp Phật học, cũng trong thời gian đó tôi có tham gia dạy giáo lý tại Bình Định và tại Gia Định, thành lập đoàn thiếu nhi Phật tử để dạy kinh điển và giáo lý cho các em.

Năm 1962-1964, tôi lên tu học tại chùa Bửu Quang quận Thủ Đức.

Năm 1964 tôi lên đường sang Ấn Độ tu học với phần học bổng của Viện Đại học Nalanda.

Năm 1970 đỗ bằng Pāli Acharya (giáo sư dạy môn Pāli), bằng B.A. Phật Học, và bằng M.A. Pāli. Sau đó, tôi theo học tiếp lớp Cổ sử Ấn Độ tại Đại Học Maghadha.

Năm 1974 tôi sang Thái Lan hành thiền 6 tháng

Năm 1975-1979 tôi sang Nepal, gần thành phố Kathmandu, thời gian này tôi làm phụ tá cho Tổng Thư ký Trung tâm Thiền định Quốc tế tại Bồ Đề Đạo Tràng. Ở đây tôi được theo học với nhiều vị Thiền sư nổi tiếng tại Ấn Độ.

Năm 1980, tôi sang Miến Điện thực hành pháp Tứ niệm xứ dưới sự hướng dẫn của Ngài Đại đức Mahasi Sāyadaw.

Năm 1981 được mời sang hoằng pháp tại Hoa Kỳ và từ năm 1982 đến nay theo sự thỉnh mời của các tự viện tại Hoa Kỳ tôi thường xuyên tổ chức các khóa thiền 10 ngày.

Năm 1990-1992 tôi sang Pháp mở những khóa thiền tại Thích Ca Thiền viện và các vùng phụ cận. Năm 1994 theo lời thỉnh cầu của Thượng tọa Bửu Chánh trụ trì Thiền viện Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai, tôi đã về lại Việt Nam và hướng dẫn nhiều khóa thiền tại đây.

PV: Xin Thiền sư cho biết trong quá trình tu tập và hoằng pháp tại Việt Nam cũng như ở nước ngoài Hòa thượng đã xây dựng bao nhiêu chùa và thành lập bao nhiêu đạo tràng?

Hòa thượng Kim Triệu: Thời gian tu học tại Việt Nam, tôi đã tham gia xây dựng chùa Giác quang, bến Bình Đông quận 8. Tại Ấn Độ phụ giúp việc xây cất Trung tâm Thiền định Quốc tế tại Bồ Đề Đạo Tràng và thiết lập nhiều đạo tràng tu tập khác tại Ấn Độ, Pháp



và Hoa Kỳ, riêng tại California từ năm 1988-1997 tôi tham gia sáng lập ngôi chùa Thích Ca Thiền viện và mỗi mùa đều có tổ chức một khóa thiền.

PV: *Thưa Hòa thượng Ngài được duyên may học hỏi phương pháp Thiền định với nhiều thiền sư nổi tiếng tại Thái Lan, Ấn Độ và Miến Điện vậy Hòa thượng chọn theo phương pháp thiền nào?*

Hòa thượng Kim Triệu: Thiền của Phật giáo thì có 2 loại đó là thiền chỉ và thiền quán xoay quanh hai chủ đề chính là Danh và Sắc trên 4 đối tượng Thân, Thọ, Tâm và Pháp. Mỗi vị thiền sư trong nước cũng như nước ngoài đều sở trường về một phương pháp thiền. Chẳng hạn Hòa thượng thiền sư Ledi Sayadaw chuyên về niệm thân, Ngài Goenka chuyên về niệm thọ, Hòa thượng Sewmin chuyên niệm tâm v.v... Theo tôi khi hướng dẫn hành thiền thì tôi thường phối hợp các phương pháp như niệm thân trước, khi nào tâm phóng thì niệm tâm, nghe đau nhức thì niệm thọ v.v... Với phương pháp này thì không nhất thiết bám sát 4 đối tượng mà tùy lúc vì bốn đối tượng này thuộc dạng vô thường, thay đổi liên tục và phương pháp này còn được áp dụng trong các đại oai nghi và các tiểu oai nghi.

PV: *Hòa thượng có những nhận xét gì về phong trào hành thiền tại Việt Nam và sinh hoạt về thiền của Phật tử Việt Nam?*

Hòa thượng Kim Triệu: Ở Việt Nam thiền Tứ niệm xứ được phổ biến rộng rãi trong những năm gần đây, qua việc giao lưu văn hóa Phật giáo thế giới và theo sự thỉnh mời một số nhà sư Việt Nam đang là du học tăng ở nước ngoài như Ấn Độ, Myanmar và Srilanka hay Thái Lan, một số thiền sư nước ngoài được mời về Việt Nam để tổ chức các khóa dạy thiền ngắn ngày cho Phật tử khắp 3 miền có cơ hội tu tập, cũng như các hành giả thiền sinh Việt Nam sang các nước quốc giáo để tu tập và học thiền Tứ niệm xứ tại các trường thiền nổi tiếng. Tôi nhận thấy Phật tử Việt Nam có một tầm hiểu biết rộng hơn, biết tìm hiểu, biết khám phá so với Phật tử nước khác thì có phần trội hơn. Phật tử Việt Nam muốn học cả 4 phương pháp trong Thiền minh sát chứ không riêng một phương pháp nào do vậy phương pháp phối hợp mà tôi áp dụng rất khế hợp với nhu cầu tâm đạo của Phật tử Việt Nam.

PV: *Xin Hòa thượng cho biết tác dụng của Thiền đối với cuộc sống của mọi người trong xã hội hiện nay?*

Hòa thượng Kim Triệu: Thiền do đức Phật chỉ dạy không phải chỉ dành riêng cho giới tu sĩ mà là cho tất cả mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội. Đây là một phương pháp để sống và phát triển trí nhớ trong chánh niệm. Theo tôi thì có 4 loại trí nhớ

1. Trí nhớ bình thường.



2. Trí nhớ phân biệt rõ: tóc, răng, da, lông, móng v.v...

3. Trí nhớ ghi nhận điều gì xảy ra trong hiện tại.

4. Trí nhớ ghi nhận và theo dõi sự suy nghĩ của mình.

Đức Phật dạy chúng ta sống sao cho chính xác, mà con người thường nhầm lẫn và hay đánh giá qua hiện tượng, màu sắc và không chấp nhận hiện tại, hình thành một nếp sống thiếu thực tế. Thiền tập có khả năng giúp mọi người tránh được những biến đổi tâm lý sâu xa trong cuộc sống, biết bình tĩnh đối phó và vượt qua nghịch cảnh.

***PV:** Xin Hòa thượng cho một vài lời khuyên đối với giới trẻ ngày nay để đối phó với cuộc sống hiện đại dưới ánh sáng Phật pháp?*

Hòa thượng Kim Triệu: Mọi người sống trong xã hội thường sống bằng hai con mắt: mắt đời và mắt đạo. Khoa học tiến bộ dần dần chứng minh lời dạy của đức Phật thành thực tế. Con người chúng ta sống cần có 2 loại trí tuệ

- Trí tuệ đời: để sáng suốt nhận định và điều chỉnh mình giữa những xa hoa phù phiếm và cám dỗ của thế giới vật chất, không sa đà và không bị hòa tan trong thế giới đó.

- Trí tuệ đạo: là biết chọn cho mình một đời

sống tâm linh thuần khiết để sống thuận theo lẽ tự nhiên của vũ trụ vận hành.

Sự sống của một cá nhân là biết kết hợp hài hòa giữa tâm linh và vật chất, giữa đời và đạo thì rất tốt, vì tâm mà không cần vật chất thì vẫn đau khổ, vẫn bị dẫn dắt và xôn xang, trái lại vật chất mà không có tâm cũng rất đau khổ đôi lúc trở thành bất nhân như ta thấy tình hình thế giới ngày nay.

Con người ở thành phố luôn luôn ra ngoại thành vào những ngày cuối tuần để thư giãn, tham quan, văn cảnh chùa để giải phóng tâm mình khỏi những bức xúc của cuộc sống đô thị. Giới trẻ cần nên tìm hiểu lời Phật dạy qua Kinh Pháp cú chẳng hạn để biết cách thanh lọc tâm mình, tự sửa đổi và sống cho thanh thản trước những biến đổi của thế giới vật chất đến chóng mặt này.

***PV:** Xin cảm ơn Hòa thượng Thiền sư đã dành chút thời gian quý báu để chia sẻ cùng độc giả về lĩnh vực tu thiền. Kính chúc Hòa thượng nhiều sức khỏe để xiển dương giáo pháp của Đức Thế Tôn được viên mãn. ■*



Xuân trong lòng người TU SĨ

Đại đức Phước Định

Trời đất luôn luân chuyển trong sự vận động Sinh, Tiến, Di, Diệt; khí tiết thay đổi trong sự giao hòa Xuân, Hạ, Thu, Đông; con người cũng bị chi phối bởi những giai đoạn sinh, lão, bệnh, tử. Cuộc đời là sự nối tiếp những cảm xúc, sinh - diệt giữa những cung bậc thăng - trầm, vui - buồn, được - mất, hạnh phúc và đau khổ v.v... mà trong triết học gọi là "sự mâu thuẫn nội tại" là tác nhân làm cho loài người có thể đạt đến sự thăng hoa trong tư duy, đạt đến sự phát triển vượt bậc. Chính vì lẽ đó mà truyền thống chư Phật chỉ xuất hiện ở cõi trái đất (Nam - thiện - bộ - châu) này. Trong kinh Đức Thế Tôn có dạy "Sabbe sankhara anicca" chư hành vô thường. Hành (sankhara) là những vật do nhân duyên kết hợp thành⁽¹⁾ và tất cả những vật đó đều vô thường (anicca) tức luôn luôn thay đổi, biến chuyển, sinh diệt.

Trong ý nghĩa của dòng duyên sinh tương tục ranh giới giữa sinh - diệt là không ranh giới, ranh giới của sự giao hòa cũng thế, theo tiến trình sinh diệt của tâm thức thì một khay móng tay hàng triệu dòng tâm thức đã sanh diệt, còn nói theo khoa học phương Tây các tế bào sinh diệt và tái tạo trong từng giây, từng phút; có nghĩa là chúng ta đã từ sinh - diệt trong từng giây, từng phút.

Triết học Phật giáo dựa trên nền tảng của "lý duyên sinh" vì có cái này thế nên có cái kia và cũng vì cái này mất đi nên cái kia cũng mất đi, cho nên Xuân đến cũng không phải là một sự ngẫu nhiên, mà bởi vì đất trời đã trải qua thời kỳ đông chí, là duyên để cho một mùa xuân ấm áp xuất hiện, cây cối xinh tươi nảy lộc. Cho nên kiếp người chỉ là một giai đoạn trong vô vàn kiếp sống của vòng luân hồi sinh - tử, hết sanh lại diệt, hết diệt lại sanh. Không có gì là vĩnh hằng và cũng không có gì mất đi. Đời người chỉ là quán trọ, là hạt cát trong cõi sa mạc luân hồi sinh tử, cho nên chúng sinh thường chấp cái huyễn cho là thật, vô thường cho là thường còn, như trong bản dịch của ngài Huyền Trang có câu: "Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc; Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị⁽²⁾." Chỉ với vài từ ngắn gọn đã hàm chứa một

(1). Từ điển Pali-English; sankhara: essential condition; a thing conditioned, mental coefficients.

(2). Trích từ câu thứ nhì trong bài "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật



triết lý thâm sâu của Phật đạo về nhận thức bản thể vật chất, siêu thể của vũ trụ "vật chất đang hiện hữu vốn dĩ là không, là sự khế hợp của đất, nước, lửa, gió; của ngũ uẩn". Nên khi ta nhìn sự vật ở tình trạng bản thể thì tứ đại giai không, pháp hành vốn là huyễn, mà huyễn thì chẳng có gì trường tồn vĩnh cửu. Nên chúng ta, những người con Phật, mang trọng trách "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh" sống trong sự yêu thương – bình đẳng để xóa tan đi những oan trái, hận thù, những pháp bất thiện, là động lực để mùa thu úa tàn nhân loại phải kết thúc, xua tan đi một mùa đông giá lạnh của những ích kỷ, bòn xén, tạt đổ, xan tham v.v... là duyên khai ngộ cho một mùa xuân nhân loại, làm cho cánh hoa ưu đàm của một miền miên viễn giải thoát, trong cõi nhân sinh tạm bợ này, như một thi sĩ phương Tây đã thốt lên:

"We are visistors of planet,
We are here for minety or one hundred years,
At the very most,
During that period, we must try to do some
thing good,
Sometihng useful with our lifes,
If you contribute to other people's happiness,
You will find the true goad,
The true meaning of life."

"Nhân sinh quán trọ bên đường,
Trăm năm chỉ một đêm trường chiêm bao,
Chỉ mong góp nhật trăng sao,
Vẽ cho kiếp sống thêm màu sáng tươi,
Trăm năm ngăn ngủi kiếp người,
Chỉ mong mang đến nụ cười thế nhân,
Để trong giấc mộng mong manh,
Tìm ra hạnh phúc trong lành nơi tâm."

Dịch thơ: Nguyễn Hoàng Lai

"Đa Tâm Kinh" (bài Tâm Kinh, bản dịch của Ngài Huyền Trang, gồm 270 chữ).

ĐỨC PHẬT MỘT MÙA XUÂN

Minh Trí

*Năm ngón tay xòe ra
Hoa mai vàng rộ nở
Lòng từ bi rộng mở
Hương xuân tỏa muôn phương*

*Người đến rồi tình thương
Thế nhập cùng đau khổ
Cho nụ mầm xuân nở
Trong ba cõi vô thường*

*Bát chánh đạo làm đường
Đuôi về nơi an lạc
Cho cõi lòng thơm ngát
Một cảnh mai rảnh hằng*

*Ngài như một rừng trăng
Sáng ngời trong ba cõi
Đêm ngày không một mối
Mang xuân về khắp nơi*

*Rót mật vào cuộc đời
Dơm mầm hoa chân lý
Để mùa xuân linh ý
Tràn ngập cõi ta bà*

*Lời pháp như ngọc ngà
Như ngàn hoa rộ nở
Tình thương Ngài rộng mở
Tràn ngập gió xuân sang*

*Ngài là tia nắng vàng
Giữa trời xuân ấm áp
Mang lời chân diệu pháp
Dưa tan những muộn phiền*

*Bước luân hồi liên miên
Đi một lần ghé lại
Tìm mùa xuân mãi mãi
Trong chánh pháp nhiệm mầu*

*Đức Phật ngồi trên cao
Mỉm nụ cười thanh thoát
Như một nụ hoa đào
Cho trần gian thơm ngát*

Năm nay là năm 2011 tức là năm Tân Mão. Một con mèo mới thì có gì tốt không nhỉ? Con mèo trong cuộc sống dân gian thì có lợi ích về mặt bắt chuột trong nhà, không cho chuột phá hoại mùa màng, đục khoét nhà cửa, gặm nhấm thức ăn, làm phiền đến cuộc sống bình yên của gia chủ. Trách nhiệm của con mèo trong gia đình quả thật không nhỏ chút nào! Năm Tân Mão có thể xem là một năm tốt chẳng khi mà con mèo lại xung khắc với con chuột. Con chuột biểu tượng cho sự sung túc và ấm no suốt một năm mà con mèo lại giết hại nó thì gia chủ chắc là nghèo mạt rệp. Thế thì năm con mèo lại là năm xui xẻo của gia chủ rồi! Nhưng mèo lại biểu tượng cho sự xua đuổi tiểu nhân và sự phá hoại từ bên ngoài. Vậy giữa sự sung túc của con chuột và sự đuổi xua tiểu nhân của con mèo thì ta nên chọn con nào?

Nếu có thể chọn lựa được những điều thập toàn thập mỹ thì có lẽ thế giới này sẽ rất an bình và thịnh vượng không khác gì thiên đàng tại thế cả. Nhưng thật ra khi chúng ta đã sanh vào kiếp sống con người thì tất nhiên chúng ta phải gánh chịu bốn sự đau khổ lớn nhất của đời người là sanh, già, bệnh và chết. Còn chưa nói đến nhiều cái khổ nhỏ nhặt khác nữa luôn vây quanh chúng ta trong vòng quay của cuộc sống. Con vật muôn đời vẫn là con vật, dù nó có là tứ linh như Long, Lân, Quy, Phụng thì nó vẫn là những con vật chỉ đơn thuần được biểu trưng cho hoài bão và sự khát khao một cuộc sống tốt đẹp của người xưa thôi chứ nó không hề chi phối đến vận mệnh của ai cả. Nếu có ai hỏi mình tuổi con gì thì chúng ta nên tự hào trả lời rằng: “Tôi con Phật!” “Con trời” hay “Con người” chứ đừng bao giờ hãnh diện nhận mình là con mèo, con chuột hay con rồng con rắn làm gì. Vì con người là động vật bậc cao, mà nếu được làm con Phật, con Trời thì lại càng cao thượng hơn chứ sao!

Trong Jataka tiền thân số 137 (tiền thân Babbu) Đức Phật có kể lại một câu chuyện có liên quan đến con mèo và con chuột như sau: Có một bà vợ của nhà tỷ phú nọ chết đi sanh làm con chuột. Sinh thời bà ta là người quản lý gia sản nhà chồng nên bà ta biết rõ chỗ cất những kho báu ấy. Khi nhà chồng chết hết, chỉ

MỪNG XUÂN TÂN MÃO nói về con Mèo trong Kinh tạng

Tỳ khưu Nguyên Ngọc

còn mỗi con chuột ấy biết rõ được địa điểm chôn giấu châu báu. Lúc ấy Bồ tát sanh làm một người thợ đẽo đá. Con chuột thấy Bồ tát rất hiền lành và lương thiện nên nó muốn san xẻ tài sản với Ngài. Nó tìm gặp Bồ tát và thỏa thuận mỗi ngày sẽ trao cho Ngài một đồng tiền vàng để mua thức ăn cho cả hai...Bồ tát đồng ý; và cứ như vậy cả hai chia cho nhau những thức ăn Bồ tát mua về. Một hôm con chuột vô tình bị một con mèo bắt được và nó đã thương lượng chia phần thức ăn của nó cho con mèo để giữ lấy mạng sống của chuột. Bất hạnh thay, con chuột lại tiếp tục bị con mèo thứ hai, thứ ba rồi thứ tư bắt được và lại phải chia phần thức ăn của nó cho bốn con mèo kia làm cho con chuột không đủ thức ăn nên càng ngày càng gầy mòn và yếu ớt đi. Biết chuyện, Bồ tát đã làm cho con chuột một khối pha lê trong suốt và Ngài khoét một cái lỗ sâu vào khối pha lê để bảo vệ cho con chuột được an toàn. Ngài dạy nó khi nào con mèo đến đòi thức ăn thì cứ thẳng thắn từ chối và xua đuổi nó. Thế là con mèo lại tìm đến theo thói quen và bị con chuột xua đuổi. Con mèo tức giận lao vào vồ lấy con chuột trong khối pha lê để giết chuột. Nhưng nó không biết đó là khối pha lê trong suốt mà cứ nghĩ là không có gì nên nó va mạnh vào và bị bể đầu chết ngay tại chỗ. Ba con mèo còn lại cũng bị chết một cách thảm thương như vậy. Kết thúc câu chuyện này, đức Phật ca ngợi sự gần bó mật thiết và giao hảo tốt đẹp giữa con người và con vật luôn biết san xẻ và bảo vệ



cho nhau trong cuộc sống và cùng nhau trừng trị những kẻ ỷ đông hiếp cô, không làm mà cứ muốn thừa hưởng lợi lộc từ kẻ khác.

Câu chuyện trên giáo dục cho chúng ta thấy được nhiều giá trị cao đẹp của cuộc sống mà qua đó chúng ta có thể học tập để làm cho cuộc sống của mình càng ngày càng tốt đẹp hơn bằng chính sự lao động miệt mài và tấm lòng bao dung, từ ái và phóng khoáng của chính chúng ta đối với tất cả mọi người, mọi loài. Điều mong mỏi duy nhất của đức Phật là mong sao tất cả chúng sanh hãy tự mình xây dựng cho mình một cuộc sống an vui và hạnh phúc bằng chính đôi tay của mình chứ đừng ỷ lại vào bất cứ gì bên ngoài. Sự cố gắng, tận tụy và lao động miệt mài đó mới chính là những thành quả thiết thực và cao đẹp nhất của cuộc sống chứ không phải do vận mệnh, số phận điều động hoặc xoay chuyển chúng ta. Tuổi tác và con vật lại càng không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của tất cả chúng sanh cả. Chúng ta chỉ cần sống thật tốt và trải rộng lòng mình ra với thế giới xung quanh thì chúng ta sẽ nhận được những kết quả tốt đẹp do chính chúng ta mang lại cho chúng ta và đừng cầu mong gì vào cuộc sống này cả, vì chúng ta phải mang điều tốt đẹp đến cho thế gian chứ không nên cầu cạnh bất cứ điều gì từ thế gian cả. Đó mới chính là mục tiêu đúng đắn và ý nghĩa nhất của kiếp sống con người. ■





NGẦU HÙNG

Hiên Khánh (Hoa Huệ)

*Vui buồn cũng chẳng lời đâu
Tâm hồn thanh thản đỉnh đầu thấy trăng
Dua đôi chi cảnh lãng xãng
Làm sao gặp lại cố nhân phương trời
Quay đầu trở gót lời nơi
Cùng chung bản thể không rời chốn xưa
Tranh chi cao thấp sớm trưa
Nghe vang bập nổ mây mưa ngục tù
Ngày đêm ôm ấp quả mù
Trôi dòng bể khổ lu bù đờn đau
Xưa nay ai cũng nhẩy vào
Giọc tuồng chương nghiệp thân lời ý ma
Mãi mê kể chuyện người ta
Hại mình cũng chẳng lợi tha ích gì
Hường thành gió nội bay đi
Chỉ còn tồn tại trí tri chánh tà
Nhớ lời từ phụ Thích Ca
Chấp không chấp có sanh ra rầy rà!*

Tử Động Tâm

Như Quang

LUMBINI

*Dóa sen tinh khiết ra đời
Trần gian nở rộ những lời khai tâm
Kính dâng những giọt lệ thầm
Tri ân Bồ Tát xả thân vì đời*

BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG

*Nghe thân lễ bái Bồ Đề
Nơi xưa Phật ngự, con về tĩnh tâm
Đạo Tràng nghi ngút hương trầm
Thơm lời Phật dạy: tinh cần chuyên tu*

SARNATH

*Nghe lời Kinh Chuyển Pháp Luân
Vườn Nai rộn rã mùa Xuân cuộc đời
Tứ Diệu Đế để lại đời
Cúi xin dâng Phật triệu lời tri ân*

KUSHINAGAR

*Phật nằm ngủ giấc thiên thu
Đôi chân sưng mủ hồng du cõi trần
Đề đầu đánh lễ kim thân
Chớ nên phóng dật lời vàng Phật khuyên*

XUÂN TẠI TÂM

Minh Trí

*Xuân đến xuân đi...mấy vạn xuân
Tuổi đời chồng chất khổ muôn phần
Thế sự mệt nhọc bao toan tính
Thân mỗi tâm mòn nặng bước chân
Xuân đến hoa khai tâm tự tại
Xuân đi hoa rụng chẳng tang thương
Vô nhiễm vô cầu, tâm an lạc
Xuân mãi là xuân ý thoát trần*

VỀ THĂM BỬU QUANG

Nguyễn Thanh Điềm

*Về thăm Tổ đình Bửu Quang
Bách hỏi sư phụ người đang đường về
Ngồi trời mây dật bốn bề
Lá vàng lá lá rụng về ngập sân
Chuông chùa vọng tiếng vang ngân
Tai nghe giảng pháp tại trần gọi duyên
Về đây bên máy tịnh thiền
Học bốn câu kệ gieo duyên Phật Đà
Ngồi đây tâm những hôm qua
Phàm trần cõi tạm có mà thật đâu
Chênh chênh bóng xế ngang đầu
Quy bên chân Phật khẩn cầu quy y
Duyên hợp giả tạm có chi
Tham, sân, si, dục bỏ đi để về
Chiều rồi chợt giấc cơn mê
Nường theo chánh pháp thật quê của mình
Tâm rên bốn bức u minh
Vượt sông phiền não tự tin sẽ thành*

Tập Buông

Tâm Uyên

*Anh già rồi em cũng già.
Chúng mình mái tóc bạc hoa trên đầu .
Giận thì chẳng giận nhau lâu.
Ông lơ bà nguyệt rớt cầu đôi ta.
Khi gần khoảng cách cũng xa.
Phải dùng “cái lường” để mà gặp nhau.
Tình riêng em gói trên đầu.
Có người thiếu phụ làm dâu cho làm.
Chuyện xưa giờ đã xa xăm.
Nhắc làm chi nữa tím bầm ruột gan.
Em giờ như đóa hồng tàn .
Tả lơi cánh mỏng gai càng mọc ra.
Đến khi hay biết mình già .
Cũng vừa kịp lúc nhận ra chân thường.
Gót mòn giẫm khắp mười phương.
Vẫn chưa đập vỡ bức tường vô minh.
Lặng trong thanh lọc tâm mình.
Tham sân si ái cử rình bên em .
Cửa lòng gác cánh gài then.
Nghịch xưa lịch cũ cứ len lõi vào .
Tọa thiền làm bạn với đau.
Trong thân như các tế bào vỡ tung.
Trở trên hai cực nhất chung.
Thế gian các pháp từng từng duyên sinh.
Đêm nay đôi mắt một mình .
Một trà , một cốc tự tình rời ta.
Ở đây am cốc là nhà.
Đất bùn là bạn cỏ hoa là tình .
Bấy lâu mình bỏ quên mình.
Tuy tìm được pháp nhục rình chẳng màng.
Tập buông dần bỏ “tánh sang”
Làm thân cùn từ lang thang kiếp người .
Đem mình thế chấp cuộc chơi.
Tóc em chưa phủi , còn bờ tóc trần .*



Hòa thượng
Thích Giác Toàn có
nhiều tác phẩm
văn thơ hay đã
xuất bản trước và
sau năm 1975.
Đặc biệt gần
đây, tác phẩm
"Hương thiền
Ngàn năm" đã gây
một ấn tượng khá
tốt trong giới độc
giả và gần đây nhất,
tác phẩm "Lời vàng Vi
diệu – Kinh Pháp cú" đã

gây tiếng vang trong giới
Phật giáo không nhỏ. Nội dung tác
phẩm, chính là 423 câu kinh Pháp cú, bằng lối thơ
truyền thống dân tộc, từ ngữ tác giả dùng trong tác
phẩm mộc mạc, đơn giản, gần gũi, thân thương,
sống động v.v... Đây là bộ kinh rất nổi tiếng trong
Phật giáo, đã phiên dịch ra rất nhiều ngôn ngữ trên
thế giới, tính giáo dục và đạo đức rất cao.

Nhận thấy tầm quan trọng của bộ kinh, Hòa
thượng Thích Giác Toàn tuy đa đoan Phật sự trong
Giáo hội và Hệ phái Nhất sĩ nhưng vẫn dành thời
gian quý báu chuyển bộ kinh quý giá này thành
thơ lục bát để giới thiệu đến chư Phật tử. Được sự
đồng ý của tác giả, Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy
xin trích đăng một vài phẩm để giới thiệu đến quý
độc giả gần xa.

76. Người hiền trí, thường khuyên răn:
Chỉ bày lầm lỗi, nên hằng nhận ra
Bất toàn xấu khuyết nơi ta
Tự biết tránh bỏ mới là khéo tu
Kết thân bậc trí công phu
Kho tàng bảo vật chơn như đạo hiền.

77. Người hay khuyên nhủ, giáo khuyên
Cản ngăn tội lỗi, kết duyên hạnh lành
Được người thiện quý mến danh
Bị người quấy ác ghét ganh tỵ hiềm.

78. Chớ làm bạn hữu ác duyên
Chớ làm bạn hữu ước hẹn chấp nê
Hãy làm bạn pháp bồ đề
Kiến hành cao thượng đi về đồng tu.

79. Uống nước chánh pháp vô ưu
Tâm tánh thuần tịnh ngã như thức tình
Người trí thường hỷ lạc sinh
Ưa nghe diệu pháp, tựu thành quả chơn

80. Người nào việc nầy đạo nhân
Tưới nước dẫn nước, mộc phần mộc lo
Cung tên sáng tối uốn dò
Người trí điều phục mà nhờ lấy thân.

PHẨM TRÍ GIẢ (PANDITA VAGGA)

HT. Thích Giác Toàn

81. Nọn núi kiên cố phong trần
Gió lay chẳng sợ, quỷ thần chẳng e
Tán dương, huỷ báng, khen chê
Tâm người đại trí một bề tịnh thanh.

82. Như hồ nước lặng trong xanh
Vừa yên vừa sáng tinh anh mặt hồ
Người trí huệ giữa bùn nhơ
Nghe pháp tĩnh mặc như thơ hương thiền.

83. Người hiền thường sống an nhiên
Dục tham không nghĩ, lụy phiền sạch trong
Kẻ trí xa lìa viễn vọng
Xao động niệm lự thoát vòng buồn vui.

84. Không vì thiên hạ ngọt bùi
Cũng không vì nể dù người thân sơ
Người trí không hành động nhơ
Không cầu con cái, hay nhờ quyền uy
Cầu giàu có, cầu vương phi
Đem bất chánh, đổi tiện nghi cho mình
Được vậy mới gọi hiền minh
Đạo đức trí tuệ viên thành đạo tâm.

85. Trong số đông, tìm chân nhân
Bờ kia đạt đến pháp thân nhiệm mầu
Phần nhiều còn lại lao xao
Bồi hồi vợ vẫn chiêm bao bờ này.

86. Người nào thường thuyết pháp hay
Biết nương chánh pháp ngày ngày tịnh tu
Tự mình tích tụ điều nhu
Bờ kia đạt đến thoát mù tà ma.

87. Ác (hắc) pháp tự biết nhận ra
Thiện (bạch) pháp tu tập mới là sáng tâm
Lìa gia đình, sống độc thân
Sa môn phúc quả, hạnh nhân bồ đề.

88. Người trí gột sạch cấu mê
Cầu vui chánh pháp tìm về tánh chơn
Xa lìa ngũ dục ảo trần
Thực tu, thực chứng Niết bàn hạo nhiên.

89. Hành giả tinh tấn hành thiền
Giác chi⁽¹⁾ bảy đoá sen thiêng thơm lành
Phiền não, nhiễm ái, vô sanh
Niết bàn diệu thể trú thành phạm âm.

1. Thất giác chi hay còn gọi là "Thất bồ đề phần" gồm:
trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định và xả.



GIÁO DỤC PHẬT GIÁO đối với trẻ em tại Sri Lanka

Hòa thượng Thích Thiện Tâm (dịch)*

Lời dạy của Đức Phật được ghi chép trong Tam tạng Pāli và trong các kinh điển khác được viết bằng các thứ tiếng Sanskrit, Prakrit v.v... được gọi chung là Pháp, Phật Pháp hoặc giáo Pháp (Dhamma). Pháp không chỉ gồm những giáo lý căn bản như Tứ Đế, Tam Pháp ấn, Duyên Khởi mà cả những luận lý đạo đức khác có liên quan đến đời sống Tăng ni và xã hội.

Pháp do Phật thuyết vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên, được bảo tồn, biên soạn và phát triển qua 3 kỳ kết tập kinh điển tại Ấn Độ và được truyền đến Sri Lanka ở thế kỷ thứ III trước công nguyên do trưởng lão Mahinda dưới thời trị vì của đức vua Devanampiyatissa. Đối với sự nghiệp giáo dục Phật Pháp tại Sri Lanka trước tiên là do chính ngài Mahinda và phái đoàn của ngài đảm nhận. Khi đến Srilanka ngài Mahinda thành lập ngay Tăng đoàn để mở đầu cho sứ mệnh hoằng dương Phật Pháp; bên cạnh đó Ni trưởng Sanghamitta, em gái của ngài, cũng thành lập Ni đoàn đầu tiên tại đây.

Với sự hình thành và phát triển của Giáo hội Phật giáo, các tăng viện và ni viện Phật giáo được xây dựng khắp nơi trên đảo và chẳng bao lâu những nơi này hầu hết đều trở thành những cơ sở giáo dục quan trọng của Phật giáo Sri Lanka.

Trong quá trình phát triển ấy, một số cơ sở giáo dục Phật giáo được mang tên là học viện Phật giáo (Parivenas) đặc biệt được xây dựng cho tăng ni. Trung tâm giáo dục Phật giáo tiêu biểu đầu tiên được xây dựng tại Anuradhapura là Đại Tịnh Xá (Mahavihara); một số học viện khác cũng được xây dựng trong thời kỳ này như Kỳ Viên (Jetavana), Vô Úy Sơn (Abhayagiri) v.v...

Trung tâm giáo dục Mahavihara do chính đức vua Devanampiyatissa thành lập theo tôn ý của trưởng lão Mahinda; về sau học viện này trở thành trung tâm giáo dục Phật giáo quốc tế quan trọng và gây sự chú ý đặc biệt đối với các bậc thông tuệ như Buddhadata, Buddhaghosa, Buddhappiya; các ngài là những bậc đại danh tăng tiền bối của Phật giáo Srilanka biên soạn nhiều công trình chú giải, phụ chú giải kinh luật công phu và nhiều luận giải hoặc phụ lục giá trị cho kho tàng văn học của Phật giáo Sri Lanka.

Như vậy chứng tỏ sự nghiệp giáo dục của Phật giáo Sri Lanka đã gặt hái được những thành quả ban đầu đáng quý trọng và đặt nền móng cho lịch sử phát triển về sau.

Đến thế kỷ XVI AD Bồ Đào Nha xâm lăng Sri Lanka vào năm 1505 AD. Họ đã trở thành người cai trị tại các khu vực ven biển của Sri Lanka và bắt đầu bành trướng quyền lực chính trị và nỗ lực truyền bá đạo Kitô. Sau Bồ Đào Nha là Hà Lan và cuối cùng là Anh, đều ra sức hoạt động truyền bá đạo Kitô với ý đồ biến Sri Lanka thành nước văn minh mô phỏng theo văn minh phương Tây đạt đến đỉnh cao nhất.

Vào cuối thời kỳ cai trị của Anh (1876-1948 AD) Phong trào chấn hưng văn hóa Phật giáo Sri Lanka bắt đầu hoạt động do một số vị cao tăng lãnh đạo Phật giáo và một số học giả lỗi lạc đề xướng, chẳng hạn như ngài đại trưởng lão Migettuwatte Gunananda. Vui mừng trước chiến thắng trong các cuộc tranh luận với đối phương do ngài Gunananda tổ chức thực hiện; Ông Henry Steel Olcott, một người Mỹ rất tôn trọng tinh thần tự do tư tưởng, ông đến Sri Lanka vào năm 1880 AD, và về sau đã phát nguyện qui y Tam

Bảo trở thành một Phật tử tại chùa Vijayananda ở Galle. Vì vậy, Henry Olcott và ngài Anagarika Dharmapala, vị anh hùng của Sri Lanka rất tán thành và tích cực ủng hộ các hoạt động trong việc hồi sinh Phật giáo Sri Lanka. Hai vị này đã tập hợp được một lực lượng đáng kể và nhờ vậy phong trào chấn hưng Phật giáo càng lúc càng được lớn mạnh. Một trong những sự kiện quan trọng nhất trong nỗ lực chấn hưng Phật giáo là sự kiện ra đời của Hội Phật Giáo Parama Vijnanatha do ông Henry Steel Olcott thành lập tại 54, Maliban Street, Colombo vào năm 1880 AD. Hội Phật giáo này đã trở thành lực lượng tiên phong cho phong trào chấn hưng Phật giáo Sri Lanka.

Đặc biệt, Ông Henry Steel Olcott với ý tưởng muốn phát triển công cuộc chấn hưng Phật giáo, trước nhất là phải thực hiện một số hoạt động cải cách giáo dục Phật giáo, mà ưu tiên hàng đầu là phải đặc biệt chú ý đến việc giáo dục Phật giáo cho trẻ em. Điều này đã được xác nhận bởi một đoạn ghi chú trong nhật ký của ông:

"Tôi có một ý tưởng quan trọng là, tất cả trẻ em là Phật tử thì mỗi ngày nên dành ra ít nhất vài giờ đến chùa để học Phật Pháp". (Olcott Diary - Vol III - Dịch Sinhalese, trang 143).

Từ ý tưởng vô cùng cao quý và bức thiết của ông mà Trường Phật Pháp Sri Lanka đầu tiên đã được xây dựng tại Galle mang tên Trường học Phật Pháp Vijayananda, được xây vào năm 1895 AD. Sự kiện ra đời của ngôi trường đã làm nức lòng hoan hỉ đối với tất cả Tăng ni và tín đồ Phật giáo Sri Lanka; họ vô cùng hoan hỉ với sự kiện này và chính vì thế, hầu như khắp nơi ở đâu các chùa cũng đều xây dựng trường học Phật Pháp cho trẻ em. Cuối cùng chương trình giảng dạy Phật Pháp cho học sinh đã trở thành môn học bắt buộc và ngay cả các trường công lập cũng phải áp dụng. Hơn thế nữa, bắt đầu từ năm 1995, chính phủ Sri Lanka đã ra nghị quyết hằng năm chọn ngày 3 tháng 8 dương lịch làm ngày lễ kỷ niệm của Trường học Phật Pháp.

Một số đặc điểm cụ thể của trường học Phật Pháp là:

Trường miễn hoàn toàn học phí cho các trẻ em theo học. Các nhà sư và cư sĩ Phật tử phục vụ tại trường làm công quả không nhận thù lao. Một số trường dạy bằng tiếng Anh và hầu hết các trường

đều có thể sử dụng cả hai thứ tiếng Sinhala và tiếng Anh. Các môn học được dạy tại trường chủ yếu có liên quan đến các môn học sau đây:

1. Ngôn ngữ Pāli
2. Lịch sử Phật giáo
3. Tiểu sử của Đức Phật
4. Tiểu sử của tăng ni và cư sĩ Phật giáo rất nổi tiếng.
5. Giáo lý cơ bản của Phật giáo
6. Kinh tụng Pāli và thi kệ
7. Vi Diệu Pháp
8. Thiền Phật giáo.

Phần lớn các trường học Phật Pháp bắt đầu học vào buổi sáng các ngày Chủ nhật và lúc đến trường các em thường cầm trên tay những cành hoa, thẻ nhang hoặc bình dầu v.v... để dâng cúng Đức Phật. Đốt lên ngọn đèn dầu mang ý nghĩa xua tan bóng tối vô minh bằng sự thông hiểu Giáo Pháp. Cúng dường bông hoa tượng trưng cho lòng tôn kính Đức Phật và nó còn nhắc nhở cho các em về tính chất vô thường của các Pháp. Những hoạt động hàng ngày của các trường học Phật Pháp có thể bao gồm:

1. Đến với các trường Pháp với bông hoa cùng với cha mẹ
2. Chuẩn bị dâng hương hoa v.v... cúng dường Đức Phật.
3. Thọ trì năm giới
4. Cử hành bài ca về trường học Phật Pháp và kệ dâng hoa cúng Phật
5. Thực tập thiền
6. Nghe giảng dạy tại lớp học (được sắp xếp theo cấp học)

Việc thi cử của trường hàng năm sẽ do chính phủ tiến hành tổ chức. Kỳ thi tốt nghiệp tại các trường học Phật Pháp cũng thi như học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp ở các trường Phổ thông.

Một trong những trường đại học quốc gia sẽ tổ chức các khóa học để thi và cấp bằng cho giáo viên dạy tại các trường học Phật Pháp.

Giáo viên và học sinh đều phải mặc đồng phục màu trắng lúc đến trường. Vì màu trắng là màu tượng trưng cho sự trầm tĩnh, tự chủ và tinh khiết. ■

*** Nguyên tác: Venerable R. Gnanaseeha**



Hỏi: Xin cho biết hoàn cảnh ra đời của cô và bối cảnh của xã hội thời bấy giờ?

Trả lời: Tôi sinh ra trong một gia đình địa chủ có truyền thống Phật giáo, cha mẹ tôi đều qui y theo phái Thiên Thai (BRVT); thời ấy, con gái trong gia đình địa chủ không được học cao. Những năm 1964 -1965, gia đình tôi có nuôi giấu cán bộ cách mạng, trong Phật giáo có các Hòa thượng như HT. Thiện Hào, HT. Minh Nguyệt v.v... các vị thường đến sinh hoạt tại gia đình tôi. Nhờ có lời khuyên của các vị nên ba tôi đồng ý cho tôi đi học. Nhờ vậy mà tôi được theo học tiểu học ở trường An Nhơn, Gò Vấp. Sau 5 năm học tôi thi đậu vào lớp 6 trường Lê Văn Duyệt - Gia Định. Thế rồi, sau 6 năm đèn sách, năm 1974 tôi thi đậu Tú tài toàn phần ban Toán với hạng ưu.

Hỏi: Vì sao cô chọn nghề dạy học và trong nghề nghiệp của mình cô đã trưởng thành như thế nào?

Trả lời: Tôi thi đậu vào Đại học Sư phạm Sài Gòn, 4 năm sau tôi tốt nghiệp loại giỏi, lúc ấy tròn 22 tuổi. Tôi nhận quyết định về dạy tại trường cấp 3 Tân Uyên - tỉnh Sông Bé. Thời gian ấy, tôi được gặp một vị sư Nam tông, vị ấy thường động viên tôi: "Bất cứ nghề nào cũng gặp khó khăn ban đầu, hơn nữa còn trẻ chưa kinh nghiệm vấp ngã là chuyện thường. Điều quan trọng là biết đứng lên sau khi ngã". Nhờ lời động viên của vị ấy mà tôi cố gắng trong công việc của mình; từ đó được bạn bè quý mến, học trò thương yêu.

Từ đó, tôi thấy yêu nghề hơn, tôi thấy trách nhiệm của mình đối với học sinh nặng hơn nên cần phải trau dồi thêm kiến thức bằng việc thường đi dự giờ các đồng nghiệp dạy, quan tâm đến các em học sinh yếu kém, trao đổi kinh nghiệm với giáo viên đi trước; dạy hết sức mình bằng trái tim, bằng nhiệt huyết, nhiệt tâm, yêu nghề mến trẻ để phấn đấu. Vì vậy mỗi tiết giảng của tôi bắt đầu thu hút các em học sinh trong lớp.

Sau 3 năm dạy học, tôi được nhà trường cử đi học cao học và tốt nghiệp Thạc sĩ toán. Từ đó tay nghề vững hơn. Nhờ đó tôi nhận được các danh hiệu như: chiến sĩ thi đua cấp TP, giáo viên giỏi cấp TP, nhà giáo ưu tú. Hiện nay, tôi đang dạy toán tại một trường trung học ở Singapore.

Hỏi: Để trở thành giáo viên dạy giỏi, theo cô thì phải cần những tiêu chí gì?

Trả lời: Muốn trở thành giáo viên giỏi cần làm

Giao lưu với Thạc sĩ Trần Thị Ngọc Bửu

PV. TCPGNT

những việc sau:

1. Phải cho học sinh đọc kỹ bài trước khi đến lớp.
2. Gặp tên các nhà khoa học phải giảng sơ lược tiểu sử vị ấy cho học sinh biết; giải thích nguyên nhân và điều kiện phát hiện ra định luật, định nghĩa ấy.
3. Sau khi học sinh nắm vững bài vở cần giảng cần kể hơn cho các em.
4. Dạy xong bài học phải bắt học sinh tóm tắt ý chính của bài.
5. Cho học sinh đặt câu hỏi về vấn đề mà các em chưa hiểu.
6. Phải dùng hình ảnh để minh họa bài giảng
7. Đặt một số câu hỏi về bài học vừa dạy để học sinh dễ nhớ bài.
8. Nên đi sát trọng tâm bài giảng và hệ thống câu hỏi thật logic.
9. Phải cho học sinh đặt câu hỏi để các em có cơ hội phát huy trí lực.
10. Mỗi tuần cần dành một ngày ôn tập cho học sinh.

Hỏi: Nhân duyên nào cô đến với Phật giáo Nam tông?

Trả lời: Như tôi đã nói, khi ra trường tôi có gặp một vị sư Nam tông. Vị này đã chỉ dẫn cho tôi một ít hiểu biết về Phật giáo. Sau đó, vì vô thường người đã qua đời để lại cho tôi nỗi trống vắng vô hạn; trước giờ ra đi, người khuyên tôi nên quy y Tam bảo và nên hướng theo truyền thống Phật giáo Nam tông. Sau tang lễ của người, tôi trình xin Hòa thượng Thiện Tâm và được ngài hoan hỉ làm lễ qui y và đặt pháp danh cho tôi là Như Huyền. Tôi cảm thấy rất vui mừng và nhận thấy Phật giáo đã trở thành nguồn sống an lạc cao quý cho đời sống của tôi, nên từ đó tôi luôn tinh tấn để không có phụ ơn thầy. ■





Anh Sáng và Bụi Bặm

Nguyễn Cần

Điều gì làm cho một dân tộc nhỏ bé kháng cự thành công cuộc xâm lăng của một đại cường? Điều gì làm cho một dân tộc mà già trẻ, gái trai một lòng xả thân vì đại nghĩa?

Làm thế nào để vua quan tướng sĩ cho đến muôn dân hòa lẫn tình cảm và ý chí chung dưới bầu trời tổ quốc?

Làm thế nào để tinh thần lạc quan dầu “xuân tàn” nhưng còn đó “nhất chi mai” vẫn luôn ngự trị tâm hồn?

Tinh thần nhập thế

Hòa Thượng Thích Thanh Từ có lần dạy về hai loại hạng bệnh: Hạng thứ nhất là chính mình không trong sạch mà cứ tưởng mình trong sạch rồi cho mọi người là nhơ nhớp bẩn thỉu; hạng thứ hai là mình thật sự trong sạch rồi chê mọi người là nhơ nhớp xấu xa như chuyện quan đại phu Khuất Nguyên của nước Sở năm xưa vì làm mất lòng vua, ông bị đày xuống đất Giang Nam, đã tâm sự khi một ngư phủ hỏi ông vì sao ra nông nổi thế? ông trả lời: “Người đời đục cả, mình ta trong; người đời say cả, mình ta tỉnh. Vì thế ta mới bị đi đày”. Ông ngư phủ sau khi tranh luận về việc trong đục, tỉnh say với Khuất Nguyên đã nói “Ông đã một lòng cứu nước cứu dân, lẽ ra phải trà trộn vào đám tiểu nhân, dần dần cảm hóa họ. Người định thay đổi cuộc đời, phải dẫn thân vào chỗ tối tăm làm cho sáng. Cứ sao lại cho cuộc đời là bẩn thỉu, người đời là nhơ nhớp? Nhưng Khuất Nguyên không đồng ý quan điểm trên vì ông cho rằng “Kẻ tắm gội thay quần áo rồi, không thể lại nhảy xuống

bùn”!, nên ông đã tự trầm mình xuống dòng sông Mịch La ngày mùng 5 tháng 5 và được người Trung Hoa tưởng nhớ hàng năm. Nếu nói như ông ngư phủ:

Nước trong thì ta giặt vải mũ

Nước đục thì ta rửa chân

Thì chắc Khuất Nguyên sẽ tìm ra lẽ sống và làm việc ở đời theo tinh thần đạo Phật, thiền sư chân chính là người biết thông tay vào chợ, đem ánh sáng chiếu vào nơi tăm tối, để giáo hóa, chuyển tâm người khác theo mình. Chính hành động vào chợ hay nói cách khác là dẫn thân vào “ma giới”, lẫn mình trong chốn chợ đời, mang tinh thần nhập thế, cảm hóa chúng sanh. Đây chính là tinh thần “Hòa quang đồng trần”, dù trong bụi bặm nhưng ánh sáng không là bụi bặm dù hòa lẫn. Nếu chưa thấy đạo mà vào ma giới chính là bệnh (HT. Thích Thanh Từ - Bài nói chuyện tất niên Đình mào 1988)

Sức mạnh của sự dung hợp

Tinh thần “Hòa quang đồng trần” ấy khai mở sự đoàn kết về mặt tư tưởng, ý chí, mục đích hành động. Thế nên mới thực hiện được “Tam giáo đồng quy” vì chỉ cần soi lại ánh sáng vào mình thì tánh giác ai cũng đều giống nhau. Trần Thái Tông từng nói trong Khoa Hư Lục: “Người chưa rõ đối chia tam giáo, liễu được rồi đồng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quan, đều được kiến tánh thành Phật”.

HT. Thanh Từ cũng nhận định đây là triết lý đoàn kết nhưng không ba phải, lấy thiền tông làm chỗ dựa để dung hợp. Đó là nét tinh hoa



mà tam giáo đồng nguyên thời nhà Lê không giữ được; nói theo GS Cao Huy Thuần thì "Thiền đời Trần là nét văn hóa độc đáo Việt Nam chính là vì vậy: vì dung hợp mà có chỗ tựa".

Nhà nho Lê Quát thừa nhận "Đạo Phật lấy họa phúc để cảm động lòng người sao mà được người tin theo sâu bền như thế! Từ vương công cho đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật thì dù đến hết tiền cũng không sè tiếc".

Quan điểm "Phật tại tâm", hay "Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh" của Phật giáo nói chung và của Thiền tông thời Lý Trần nói riêng với chủ trương tự thắp đuốc, tự quay về với chính mình, không tìm cầu những vật chất bên ngoài, đã tạo nên cho con người thời đại bấy giờ có một bản lĩnh tự tin đặc biệt. Bản lĩnh này là đỉnh cao của tinh thần nhân văn thời đại." (Thích Tâm Hải - Phật giáo đời Lý)

Và phải chăng nhờ vào "Bản tính tự tin này mà con người Đại Việt thời đó không sợ địch, dù địch lớn mạnh hơn mình gấp nhiều lần và có bề dày chinh phục Á, Âu đáng nể sợ" (Đoàn Thị Thu Vân – Khảo sát Đặc trưng nghệ thuật thơ thiền VN).

Các vua thời Lý Trần đã lăn xả vào cái chết để giành lấy sự sống cho dân tộc, bảo vệ sự tồn vong của đất nước. Hình ảnh thiền sư tham gia chính sự, thành lập vương triều, xây dựng đất nước như lời vua Lý Nhân Tông khi nói về Thiền sư Vạn Hạnh

*Vạn Hạnh dung tam tế
Chân phù cổ sấm thi
Hương quan danh Cổ pháp
Trụ tích trấn vương kỳ.*

Vì "Bụt ở trong nhà; chẳng phải tìm xa" nên đạo không thể ngoài đời mà tồn tại được. Tinh thần "hào quang đồng trần" là tất cả những gì mà các vị thiền sư mang theo trong suốt cuộc hành trình cùng sứ mệnh xây dựng đạo pháp và đất nước, đem ánh sáng từ bi và trí huệ rọi chiếu vào cuộc sống, đồng thời chuyển hóa cõi thế thành tịnh độ. Vua Trần Nhân Tông từng nói "Tịnh độ chính là lòng trong sạch". Các thiền sư hòa quang nhập tục, đồng cam cộng khổ với mọi người, an nguy cùng hưởng vui buồn cùng chia, cùng giáo hóa chúng sanh hướng về giải thoát, tạo điều kiện hoằng dương chánh



pháp, giúp nhân gian vui và hòa hợp trong tinh thần Hiện pháp lạc trú. Nói cách khác, họ thấm nhuần tinh thần vô ngã, quên mình vì hạnh phúc của nhân dân

*Vua ư; Ngọc diện vô thường
Trẫm ư; vô ngã phi thường dẫn thân*
(Nguyên Cẩn)

Mang lý tưởng ấy, nhập thế trong tinh thần vô úy nên trước kẻ thù không hề run sợ, trước nguy nan vua tôi cùng nghĩ lối, hòa quyện vào nhau trong tâm thức và khát vọng "Trăm năm lòng hẹn với lòng; Trái tim Đại Việt một dòng máu thơm" để rồi cùng chiến đấu bảo vệ tổ quốc và xây dựng quê hương.

Sức mạnh ấy đòi hỏi sự hy sinh quyền lợi cá nhân và phẩm chất trong sáng của nhà lãnh đạo, tính gương mẫu của bậc dân chi phụ mẫu ... Có như thế mới là ánh sáng, có như thế mới soi đường cho bụi bặm khỏi nơi tăm tối; có như thế một thời đại huy hoàng Lý Trần mới được dựng lên và vững vàng trước mọi kẻ thù, dù là ngoại xâm hay nội địch.

Hãy nguyện cầu cho tinh thần "hào quang đồng trần" trong mùa xuân mới! ■

Phật giáo Nam tông có tôn thờ “Thần linh” cứu rỗi?



Đây là một đề tài phức tạp như tên gọi “thần linh” của nó, dịch giả không khéo sẽ trở thành như thằng mù tả dáng hình “voi”. Bởi vấn đề mầu nhiệm vô hình trước hết phải nói rõ điểm xuất phát ở đâu. Nếu nói là từ tâm điểm Phật giáo Nam Tông thì phải bám vào Tam Tạng Pali. Từ Sakya Buddha tiếng Việt gọi Đức Phật Thích Ca hay Phật Đà Thích (giác giả). Phép Phật thì tự tu, tự độ, tự giác cả một hành trình dài nghiêm túc mới đắc được đạo quả. Nhưng trong văn học ngoại đạo, họ định nghĩa Thần là bậc mà người ta tôn kính, nên Đức Phật cũng cho là thần, xa hơn Phật tử ta thờ tượng Phật trên bồ đoàn, họ liên tưởng đến Đa Thần giáo tôn thờ trong đền nhiều vị thần như : các vị thần Siva, Brahma, Krishna v.v... Người ta gọi đến thờ Đa thần giáo. Thế rồi chùa của Phật giáo chỉ thờ một vị Phật nên họ cũng có ác ý không gọi chùa Phật mà họ gán cho là chùa Độc thần. Các Phật tử văn hay học giỏi cũng nhắm mắt chép vào kinh điển, ta phần khởi nói theo họ là đạo Phật cũng cho là chùa Độc thần giáo như họ nói. Mặt khác đã có lời giáo huấn Đức Phật không phải là một vị thần ban bố phước lành. Nhưng vì Phật tử ngoại đạo yếu bóng vía cả tin, do hỏi chùa này linh chùa nọ thiêng rồi đồn đãi, kéo nhau đến các chùa đó để kiếm phước, cầu may. Thế rồi tôn giáo ta cũng có thể đẻ ra tiêu cực do cố ý hay vô tình làm ngơ của tăng hoặc tín đồ để có nhiều Phật tử thăm viếng. Các bậc chơn tu nên đề phòng để chánh Pháp được trong sáng. Nói về từ Deva hay Devatà Phật giáo dịch là Thiên, Đa thần giáo Ấn Độ dịch là thần linh. Phật tử nên thận trọng, thiên hay thần này có 2 là thiên thần chánh kiến và tà kiến. Dù cho thiên hay thần gì thì Đức Phật vẫn gọi là một trong 6 hạng chúng sanh lưu chuyển trong lục

TS. Thái Văn Chải

đạo không có quyền năng gì đối với con người cả.

Cá biệt khi chúng ta nghiên cứu lại các tác phẩm kinh điển Phật giáo Nam Tông, gặp các pho giáo lý bàn về các bậc thánh nhân đắc thành các thánh quả đến bậc thứ tự không còn sanh ra trên cõi thế nữa được gọi các bậc thánh nhân A-la-hán để phân biệt với “thần linh” ngoại đạo. Quả thật khi nói đến “thần linh” có phép lạ mầu nhiệm thì các tôn giáo như Đa thần giáo hay Ấn giáo đã gần như độc quyền chiếm dụng và phô trương rộng rãi trên các phim ảnh thần thoại là chuyện bình thường hằng ngày trên đất nước Ấn Độ. Đối với các tổ tông ta kỹ lưỡng thường dùng từ bậc thánh thay cho từ “thần linh” phạm tục để Phật tử mới tu để hiểu rõ hơn. Đây là một ý tinh tế mặc dù các Ngài thấu rõ là từng người đã biến nó để trở thành đồng nghĩa.

Những ý nghĩa về các thuật ngữ Phật giáo của các tự điển gia xưa thường đa số là của các nhà học sâu rộng thông thạo nhiều về giáo lý thuộc đại thừa Phật giáo. Người ta nói : giáo lý sâu xa, ví như cỗ xe lớn, chở hạng người có cảm khí lớn. Phần đông tu theo Đại thừa gốc ở Trung Hoa, Mông Cổ, Tây Tạng, Cao Ly, Nhật ... Còn các trí thức Nguyên thủy tu hành ví như chiếc xe nhỏ chỉ đủ chở cái tâm lượng riêng, trong lúc tu hành muốn tự cứu mình (và người) ra khỏi bể khổ ... thì Phật tử Phật giáo nguyên thủy cần phải học hỏi giáo lý mà người ta nói là cao hơn, nhất là phải dung nạp các ngôn ngữ



Tàu, Nhật ... để học có căn bản Phật Pháp thì kiến thức giáo lý cấp cao sẽ thông thạo sâu sắc nhất là các vấn đề về thần linh, thần lực, các hình thức nhiệm màu trong đạo Phật sẽ phong phú hơn, kiến thức về thần đạo đem pha tạp vào giáo lý Phật giáo Nguyên Thủy sẽ dồi dào hơn.

Riêng bản thân tôi, với tư cách là một nhà nghiên cứu Phật giáo nguyên thủy, kinh điển Pali, nên chúng tôi luôn coi mình như là môn đệ hay tiểu đệ của các Ngài sơ tổ Phật giáo Nguyên Thủy. Chúng tôi may mắn đã được cộng tác với cả ba vị cao tăng và cũng đã được các Ngài tín nhiệm một phần nào trong vấn đề hoằng pháp của hệ phái Nam Tông. Đặc biệt các Ngài tin tưởng tôi là một trong các vị xuất thân và học tập từ các quốc gia Phật giáo Nguyên Thủy. Các Ngài không sợ tương lai có một môn đồ có tư tưởng truyền bá lệch lạc, lộn sòng. Bản thân tôi từ thời các Ngài còn sinh tiền đến nay đã hâm mộ chánh Pháp và tôn chỉ mục đích Giáo hội đã truyền bá và phát triển từ Trung phần đến tận mũi Cà Mau. Cá biệt chúng tôi đã soạn dịch nhiều kinh điển của hệ phái hầu tiếp sức truyền bá cùng các Ngài. Nhìn lại chúng tôi chưa hề dám tự ý sửa chữa sự lầm lẫn nào của các Ngài. Khi các Ngài còn sinh tiền chúng tôi chỉ gặp riêng để xin góp ý những vấn đề hay những ý kiến quan trọng nào đó trực tiếp mà thôi. Cho đến bây giờ chúng tôi vẫn nghĩ và chủ trương chư tăng hay Phật tử học cao hiểu rộng khi muốn sửa chữa các kinh điển của các Ngài, nhất là câu văn trong các bài kinh tụng. Nếu ai có phát hiện những lỗi lầm cần đề nghị lên Giáo hội (PGNT) hay họp chư tăng cả hai nhóm đệ tử của hai vị sơ tổ là Ngài Bửu Chơn và Ngài Hộ



Tông lại, xin chư tăng xem xét và đề xướng sửa chữa sao cho thống nhất câu cú để khi Phật tử tụng dễ dàng.

Nói tinh thần sùng kính thầy tổ trên, cho nên chúng tôi cố gắng giữ gìn tôn chỉ mục đích của giáo pháp và chỉ bổ sung thêm những phần giáo lý chính thống của hệ phái mà các Ngài chưa kịp thực hiện và phổ biến trong giáo hội, nhất là tránh triệt để mang những giáo lý ngoại lai, sai lệch chánh Pháp, khi giao lưu bừa bãi đem vào làm lu mờ sự trong sáng của Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam cũng như hệ phái Theravāda Thế giới.

Nói vấn đề "Thần" và "Ngoại giáo" chính bản thân tôi đã thấm nhuần vấn đề oai lực linh thiêng của các vị thần, đối với "Thần đạo" hay "Đa thần giáo" của nước ngoài như Ấn Độ chẳng hạn thì thần của họ đều có tên tuổi, phụ thể phân thân, thần thông biến hóa cực kỳ màu nhiệm. Khi du khách nhìn các hình thể kỳ quái thiếu điều bị chúng hấp hồn lúc chiêm ngưỡng. Ngoài ra còn các vị thần vô danh thì người ta mô tả là vô số kể trên trái đất này. Thần tồn tại khắp mọi nơi trong nhà, ngoài ngõ, dưới đất nước, trên ngọn cây nơi nào cũng có thần, cho nên đối với người Ấn giáo (Đa thần giáo), thì không có chỗ nào dơ bẩn cả, người có đức tin ở thần thì họ cho là không có chỗ nào dơ bẩn, người ta có thể hốt đất cát bất cứ nơi nào ngoài đường xá, trong nhà cửa bôi lên trán để tỏ lòng tôn kính thần linh **(còn tiếp).** ■





Kỳ 4

Đại Hội Kết Tập Kinh Điển Lần Thứ Tư

A Nguyên nhân

Phái đoàn truyền giáo của vua Asoka và Thánh Tăng Moggalliputta Tissa cử Ngài Mahinda đến truyền đạo ở xứ Tích Lan vào khoảng năm 236-287 dưới triều đại vua Devānampiyatissa. Được vua hết lòng ủng hộ, việc truyền bá chánh pháp của Ngài Mahinda ở nơi đây thành công rực rỡ. Chẳng bao lâu, từ hoàng gia cho đến thường dân đều quy y theo Phật giáo. Ban đầu, nhà vua ủng hộ xây dựng đại tự Mahāvihāra cho chư Tăng cư ngụ để hoằng pháp, đồng thời vua khuyến khích mọi người xuất gia theo chánh pháp. Lại nữa, vua cử người sang Ấn Độ yêu cầu Vua Asoka cử phái đoàn ni chúng sang Tích Lan để cho phụ nữ Tích Lan được tu theo chánh pháp. Vị công chúa con vua Asoka là tỳ khưu ni Sanghamittā được đề cử làm trưởng đoàn ni chúng sang Tích Lan để đáp lại lòng mong mỏi của nhà vua Tích Lan. Từ đó nhiều phụ nữ trong hoàng tộc lần lượt xuất gia tỳ khưu ni dưới sự hướng dẫn của Thánh Ni Sanghamittā. Ngoài ra, Vua Asoka còn cho chiết nhánh cây Bồ Đề ở Bodhi गया, gửi cho Thánh Ni Sanghamittā mang tặng nhà vua Tích Lan.

Nhờ đó, Phật giáo lúc bấy giờ rất hùng mạnh, và người xuất gia rất đông đảo và lại thông hiểu giáo pháp. Để củng cố Phật giáo lâu dài tại Tích Lan, Ngài Mahinda yêu cầu nhà vua cho tổ chức kết tập Phật ngôn.

B Niên đại, địa điểm, thời gian vị chủ tọa và người bảo trợ

Về niên đại kết tập kinh điển lần

Bhikkhu Suvijjo

thứ IV, có rất nhiều nguồn tài liệu nói khác nhau, nhưng theo Đại sử và các nhà học giả hiện nay thì đó là vào năm Phật lịch 313 (năm 232 trước CN).

Ngôi chùa tháp Thūpārama ở thủ đô Anuradhapura được Chư Tăng chọn làm điểm kết tập. Vị chủ tọa kỳ kết tập kinh điển này chính là Ngài Mahinda. Chư Thánh Tăng tham dự đại hội gồm có 68.000 vị. Thời gian kéo dài 9 tháng. Đức vua Devānampiyatissa là người bảo trợ cho cuộc kết tập kinh điển kỳ này.

C Phương pháp kết tập

Thánh Tăng Mahinda đến Tích Lan năm Ngài được 32 tuổi. Nơi đây, Ngài không những truyền bá Phật giáo mà còn phát triển nền văn hóa Tích Lan nữa, như nghệ thuật kiến trúc chùa tháp... Ngài còn mang đến Tích Lan cả Tam tạng lẫn chú giải (Atthakathā) [theo W. Rahula, History of Buddhism in Ceylon, p.50- 60]. Để bảo tồn Tam tạng và các bản Chú giải quý giá này và để cho chư Tăng cũng như quần chúng nước Tích Lan thông hiểu tường tận giáo pháp, Ngài cho tiến hành kỳ kết tập kinh điển lần thứ tư. Thêm vào đó, nhằm củng cố Phật giáo Theravāda tại Tích Lan, sau kỳ kết tập, chư vị Thánh Tăng lại trước tác thêm các bản chú giải Tam tạng bằng chữ Pāli Tích Lan [W. Rahula, History of Buddhism in Ceylon, p 50-60]. Được biết về sau, khoảng thế kỷ thứ



V-VI sau Công nguyên, Ngài Buddhaghosa sang Tích Lan dịch Tam tạng chú giải này sang chữ Pāli để duy trì ngôn ngữ Pāli truyền thống của đức Phật.

Phương pháp kết tập kinh điển kỳ này không có gì mới lạ, chỉ y cứ trên số Tam tạng trong cuộc kết tập kinh điển kỳ thứ ba ở Ấn Độ. Ngài Mahinda và chư vị Thánh Tăng căn cứ trên cơ sở đó trùng tuyên lại lời dạy của Đức Thế Tôn.

Tuy nhiên, theo truyền thống của Đại Chúng Bộ, Phật lịch khoảng năm 400, chư Thánh hiền Tăng tổ chức kỳ kết tập kinh điển lần thứ IV tại Kasmira thuộc nước Gandhara, miền tây bắc Ấn Độ [theo báo Giác Ngộ, số 12, trang 9]. Vị chủ tọa cuộc kết tập là Ngài Vasumitra với sự bảo trợ của Hiệp Tôn giả. Người khởi xướng và bảo trợ cuộc kết tập là đức vua Vasumitra được biết như là vị hộ pháp tương đương với A Dục Vương. Lý do kết tập là do chư Tăng các bộ phái bất đồng về kinh điển nên mới mở đại hội. Mục đích của kỳ kết tập này là để soạn ra các bộ luận: Kinh Sở, Luật Sở và Luận Sở, gồm có 30 vạn bài tụng 9.600.000 lời. Nhà vua định đưa 500 vị đến thạch động ở Vương Xá Thành, nơi mà Ngài Kassapa kết tập pháp luật đầu tiên nhưng các vị từ chối và tâu rằng: "Đại vương, không nên. Vì ở đó có nhiều ngoại đạo, nhiều luận sư khác phái rất phức tạp ắt sẽ gây nhiều trở ngại cho cuộc kết tập". Chính vì lý do này nên đại hội mới tổ chức tại Kasmira. Nhưng truyền thống của Theravāda thì không công nhận đại hội này [theo "2500 Years of Buddhism", tr.42]. Đại hội này ra đời chính là sự khởi điểm của Phật giáo Đại thừa (Mahayana) về sau.

Song song niên đại kỳ kết tập kinh điển của Đại Chúng Bộ này, tại Tích Lan vua Vattagāmani cũng bảo trợ kỳ kết tập kinh điển do Ngài Maharakkhita chủ tọa, số chư Tăng tham dự là 500 vị tỳ khưu. Mục đích của đại hội là đọc lại giáo điển Tam Tạng của Trưởng lão bộ, hiệu đính chú thích của ba tạng, sắp xếp thứ tự của kinh điển, viết một bộ Tam tạng trên lá buông bằng tiếng Pāli, và chú giải bằng văn Tích Lan [theo Chattha Sangāyana CD-ROM, do S.N. Goenka thực

hiện].

Tóm lại trong phần này chúng ta cần lưu ý một số vấn đề sau:

Theo Đào Sử, kỳ kết tập kinh luật luận do Ngài Mahinda chủ tọa và đức vua Devanampiya Tissa bảo trợ thì hình thức kết tập vẫn còn là khẩu truyền tâm thọ. Nhưng kỳ kết tập do Ngài Maharakkhita chủ tọa và đức vua Vattagāmani bảo trợ thì kinh điển mới viết trên lá buông.

Tuy nhiên, theo Hòa thượng W.Rahula, trong quyển "History of Buddhism in Ceylon", và một số học giả thì cho rằng chẳng những kỳ kết tập Tam tạng lần thứ IV do Ngài Mahinda chủ tọa đã được viết thành văn mà còn kỳ kết tập lần thứ III tại Ấn Độ cũng đã viết Tam tạng và chú giải bằng ngôn ngữ Pāli rồi. Tài liệu này cũng đáng tin tưởng vì thời kỳ vua A Dục đã có chữ viết, thời vua cai trị có tám bài kinh viết trên đá đặt ở những nơi công cộng để dân chúng đọc hiểu triết lý đạo đức Phật giáo, trong tám bài kinh đó có bài Mangala sutta - Hạnh Phúc Kinh. Điều đó chúng ta đã thấy trong những sắc lệnh A Dục vương và những bia của nhà vua. Về sau năm 1897 bác sĩ A. Fuhrer có đào được nơi đó một trụ đá của Asoka, nội dung của bia đá: "Đây là nơi đánh dấu Đức Phật ra đời". Điểm đáng chú ý, thời vua Asoka ngôn ngữ Pāli được chọn làm quốc ngữ, ngôn ngữ pali viết bằng mẫu tự Brahmi được sử dụng khá phổ biến vào thời đó. Điều khá lôi cuốn là ở tỉnh Long An, những nhà khảo cổ đã tìm được Minh Văn Vàng viết Phật ngôn bằng chữ Pali mẫu tự Brahmi do tiến sỹ Thái Văn Chải. Một điều đáng chú ý khác, thời nhà vua Asoka và tiền Asoka, các nhà khảo cổ cho đến tận ngày nay chưa tìm bia ký nào viết bằng tiếng Sankrit, chỉ có thời kỳ hậu Asoka thì mới thấy dấu vết chữ Sankrit xuất hiện.

Sau khi đại hội kết tập giáo điển kỳ IV, cả hai bộ phái lớn của Phật giáo đều có Tam tạng viết trên lá buông. Mặc dù kỳ kết tập của bộ phái Đại chúng không được Trưởng lão bộ công nhận, nhưng cả hai đều bảo vệ quan niệm lập trường và giáo lý của tông phái mình. Ở kỳ đại hội này đánh dấu sự phân chia bộ phái cả hình thức lẫn nội dung. ■

30 CÁCH NGĂN NGỪA UNG THƯ



Lung sưng tằm

Mỗi năm, cả thế giới phát hiện 10 triệu trường hợp ung thư (UT), nhưng theo Tổ chức y tế thế giới ước tính đến năm 2020 có khoảng 15 triệu, tăng 50%, nếu chúng ta không tích cực “hành động”. Hầu hết các chứng UT có thể biết trước, thay đổi cách sống có thể làm giảm nguy cơ. Đây là “tế cấp tam thập điều” để ngăn ngừa UT (ung thư):

1. Một nghiên cứu của Phần Lan thấy rằng quá trình lên men có liên quan tới việc dưa bắp cải (sauerkraut, của Đức) sản sinh các hợp chất kháng UT – kể cả ITC, indole và sulforaphane. Để giảm lượng sodium, hãy rửa dưa muối trước khi ăn.

2. Ăn bông cải (broccoli), nhưng nên hấp hoặc chưng chứ đừng nấu bằng lò vi-ba. Bông cải là “siêu thực phẩm ngăn ngừa UT, nên ăn thường xuyên. Tuy nhiên, nghiên cứu của Tây Ban Nha cho thấy rằng bông cải nấu bằng lò vi-ba làm giảm 97 % flavonoid (chất kháng UT). Do đó nên luộc, hấp, chưng, trộn hoặc ăn sống.

3. Ăn món trộn với dầu hạnh nhân Brazil (brazil nut) vì chất selenium giúp ngăn chặn quá trình phát triển tế bào UT và “điều chỉnh” AND. Nghiên cứu của ĐH Harvard có hơn 1.000 người đàn ông (bị UT tiền liệt tuyến) cho thấy rằng những người có mức selenium cao thì giảm phát triển bệnh 48% trong 13 năm kế tiếp so với những đàn ông có mức selenium thấp. Nghiên cứu trong 5 năm, ĐH Cornell

và ĐH Arizona cho thấy rằng lượng 200mg selenium mỗi ngày (tương đương 2 hạt hạnh nhân Brazil) giúp giảm 63% UT tiền liệt tuyến, giảm 58% UT trực tràng, 46% bướu phổi ác tính, và giảm 39% hầu hết các loại UT gây tử vong.

4. Bổ sung calcium và vitamin D. Nghiên cứu của Trường Thuốc Dartmouth cho thấy rằng việc bổ sung này làm giảm polyp đại tràng (nguy cơ gây UT) ở những người dễ phát triển bệnh này.

5. Hãy thêm tỏi vào món ăn. Tỏi chứa sulfur khả dĩ kích thích sức đề kháng UT tự nhiên của hệ miễn nhiễm và có thể ngăn ngừa ung bướu. Các nghiên cứu đã cho thấy rằng tỏi có thể làm giảm UT bao tử khoảng 12%.

6. Phi 2 nhánh tỏi đập giập với 2 muỗng dầu ôliu, rồi trộn với cà chua và dùng với mì sợi. Chất lycopene (có trong cà chua) giúp đề kháng UT đại tràng, UT tiền liệt tuyến và UT bàng quang. Dầu ôliu giúp cơ thể hấp thu lycopene, còn mì sợi (giàu chất xơ) giúp giảm nguy cơ UT đại tràng.

7. Mỗi tuần, nên mua dưa đỏ (cantaloupe) về xắt miếng và cho vào tủ lạnh để ăn dần mỗi sáng. Dưa đỏ giàu carotenoid – loại hóa chất thực vật làm giảm nguy cơ UT phổi.

8. Trộn nửa chén trái việt quất (blueberry) với bột ngũ cốc dùng mỗi sáng. Việt quất giàu chất chống ôxy hóa. Chính chất chống ôxy hóa làm trung hòa các căn nguyên tự do làm tổn



hại tế bào và gây bệnh.

9. A-ti-xô giàu silymarin – chất chống ôxy hóa khả dĩ chống UT da. Loại này dễ ăn và ngon. Có thể luộc hoặc hấp khoảng 30-45 phút thì mềm.

10. Thịt nướng ăn ngon miệng nhưng nó chứa nhiều hóa chất gây UT. Viện nghiên cứu UT Mỹ thấy rằng thịt ướp nước xốt và nướng thì giúp giảm tạo ra loại hóa chất như vậy. Nên luộc thịt rồi nướng.

11. Nghiên cứu cho thấy rằng những đàn ông uống 8 ly nước lớn mỗi ngày giúp giảm nguy cơ UT bàng quang được 50%. Phụ nữ uống nước nhiều giúp ngăn ngừa UT đại tràng khoảng 45%.

12. Hãy có thói quen uống trà. Trà xanh được đánh giá cao ở châu Á hàng ngàn năm qua. Phương Tây nghiên cứu mới đây cho thấy trà đề kháng nhiều loại UT, kể cả bệnh tim. Một số khoa học gia tin rằng một loại hóa chất trong trà là EGCG có thể là một trong các hợp chất kháng UT mạnh nhất được phát hiện từ trước tới nay.

13. Hãy uống một chút bia, đừng uống nhiều. Bia đề kháng vi khuẩn *Helicobacter pylori*, loại gây ung bướu khả dĩ dẫn đến UT bao tử. Uống bia, rượu nhiều có thể gây UT vú, miệng, họng, thực quản và gan.

14. Các nhà nghiên cứu châu Úc, Canada thấy rằng những người ăn từ 4 phần cá hồi trở lên mỗi tuần thì giảm gần 1/3 nguy cơ bệnh bạch cầu. Các nghiên cứu khác cho thấy việc ăn cá có mỡ (cá hồi, cá thu, cá bơn, cá mòi và cá ngừ - kể cả tôm, sò) thì giảm nguy cơ UT tử cung ở phụ nữ. Omega-3 có trong cá rất có lợi cho sức khỏe và kỳ diệu!

15. Nên bổ sung viên đa vitamin mỗi sáng. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng vitamin và khoáng chất khả dĩ cải thiện hệ miễn nhiễm và giúp ngăn ngừa nhiều chứng UT.

16. Mỗi ngày phơi nắng sáng 15 phút để làm khỏe xương. Ánh nắng chứa nhiều vitamin D tự nhiên rất cần cho cơ thể. Nghiên cứu cho thấy rằng thiếu vitamin D có thể làm tăng nguy cơ mắc nhiều chứng UT như UT vú, đại tràng, tiền liệt tuyến, buồng trứng, bao tử, loãng xương, tiểu

đường, đa ngạch kết (xơ cứng) và cao huyết áp. Nhưng nên tránh ánh nắng gắt, vì nó có thể gây UT da. Cũng có thể bổ sung vitamin D.

17. Cắt đôi trái kiwi và múc phần "thịt" mà ăn. Trái kiwi chứa chất chống ôxy giúp ngăn ngừa UT. Nó còn chứa vitamin C, vitamin E, lutein và đồng.

18. Cẩn thận khi quan hệ tình dục. Có thể đề phòng bằng cách dùng bao cao su để ngăn ngừa lây nhiễm papillomavirus (HPV), loại virus này có thể gây UT cổ tử cung.

19. Giảm ăn mỡ động vật. Nghiên cứu của ĐH Yale cho thấy rằng các phụ nữ ăn nhiều mỡ động vật có nguy cơ 70% bị bạch cầu, ăn nhiều chất béo bão hòa tăng nguy cơ là 90%. Do đó nên ăn ít chất béo động vật, thay vào đó nên dùng dầu thực vật và dầu cá.

20. Nho chứa nhiều hợp chất resveratrol giúp đề kháng UT, ăn nho chứ đừng uống rượu nho, vì rượu làm tăng nguy cơ UT vú ở phụ nữ. Nho có khả năng làm mạnh hệ miễn nhiễm.

21. Hành tươi tốt cho sức khỏe vì nó khả dĩ chống UT tiền liệt tuyến khoảng 50%. Ăn sống tốt hơn nhúng tái hay nấu chín.

22. Hằng ngày nên dùng nước chanh. Các nhà nghiên cứu Úc thấy rằng chanh có khả năng làm giảm UT miệng, họng và bao tử.

23. Sau bữa tối nên đi dạo 30 phút. Theo nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Ung thư Fred Hutchinson ở Seattle, hoạt động này giúp giảm nguy cơ UT vú. Đi bộ giúp điều chỉnh mức estrogen (hormone gây UT vú) và giảm cân hiệu quả.

24. Dùng thực phẩm hữu cơ, vì chúng không có thuốc trừ sâu hoặc thuốc tăng trưởng. Cả 2 loại thuốc này đều có thể làm tổn thương tế bào và gây UT.

25. Cây bồ công anh (dandelion) có thể làm giảm nguy cơ UT.

26. Tự giặt ủi quần áo không dùng máy sấy khô. Nhiều loại máy sấy khô dùng hóa chất perc (perchloroethylene), chất này có thể gây tổn hại thận, gan và UT. Đừng lạm dụng ly nhựa uống nước hằng ngày hoặc đựng đồ ăn bằng đồ nhựa.

27. Dùng dưa leo (dưa chuột) tươi thay vì dưa muối và dùng cá hồi tươi. Nghiên cứu cho thấy rằng thực phẩm muối hoặc hun khói chứa nhiều carcinogen (chất gây UT).

28. Đừng ăn nhiều khoai tây chiên và bánh qui vì chúng chứa nhiều acrylamide – chất gây UT, sản sinh trong quá trình nướng. Theo Michael Jacobson, giám đốc điều hành Trung tâm Khoa học về Quan tâm Cộng đồng, acrylamide gây khoảng 1.000 đến 25.000 trường hợp UT mỗi năm. FDA đang xem xét mức nguy hại của acrylamide.

29. Nên nằm giường vải, ngồi ghế vải (kiểu ghế bô) để cơ thể thoải mái, tránh tổn hại da.

30. Nghiên cứu của ĐH Quốc gia New York ở Stony Brook cho thấy rằng quý ông chịu stress nhiều và ít giao thiệp, hoặc các thành viên gia đình có mức cao về sinh kháng thể tiền liệt tuyến (prostate-specific antigen – PSA) trong máu thì dễ bị UT tiền liệt tuyến.

10 PHÚT KỲ DIỆU ĐỂ VUI SỐNG

Có những ngày bạn mệt mỏi đến mức đau nhức toàn thân. Nhưng bạn vẫn có thể làm cho não tỉnh táo, đây là 8 bí quyết:

1. Khi mắt thấy các màu “nóng” như đỏ hoặc cam, tuyến nhờn thúc đẩy sản sinh năng lượng. Y học gọi là liệu pháp màu (color therapy). Để giữ được năng lượng, hãy giữ các màu “mạnh” ở trong tầm nhìn của bạn bằng cách dùng các vật dụng có màu đỏ, cam và hồng.

2. Cười làm tăng chất endorphin trong cơ thể, làm não bơm thêm lượng serotonin “ngoại hạng”, chất chống trầm cảm tự nhiên, giúp bạn tỉnh táo hơn. Nên nói chuyện vui hoặc kể chuyện tiểu lâm để có cơ hội cười.

3. Tận hưởng thiên nhiên và hít thở không khí trong lành để “ nạp ” năng lượng. Các phân tử ion âm này có ở gần núi, thác nước và bãi biển. Chúng làm tăng lượng oxy vào não và tăng mức serotonin, giúp bạn “kết nối” tốt hơn. Tắm 10 phút vào buổi sáng cũng khả dĩ làm nâng mức ion cho cơ thể.

4. Thay đổi đường đi, để tạo lạ mắt, cũng có thể làm bạn hưng phấn. Khi làm một điều gì đó mới, não phản ứng với sự kích thích bằng cách

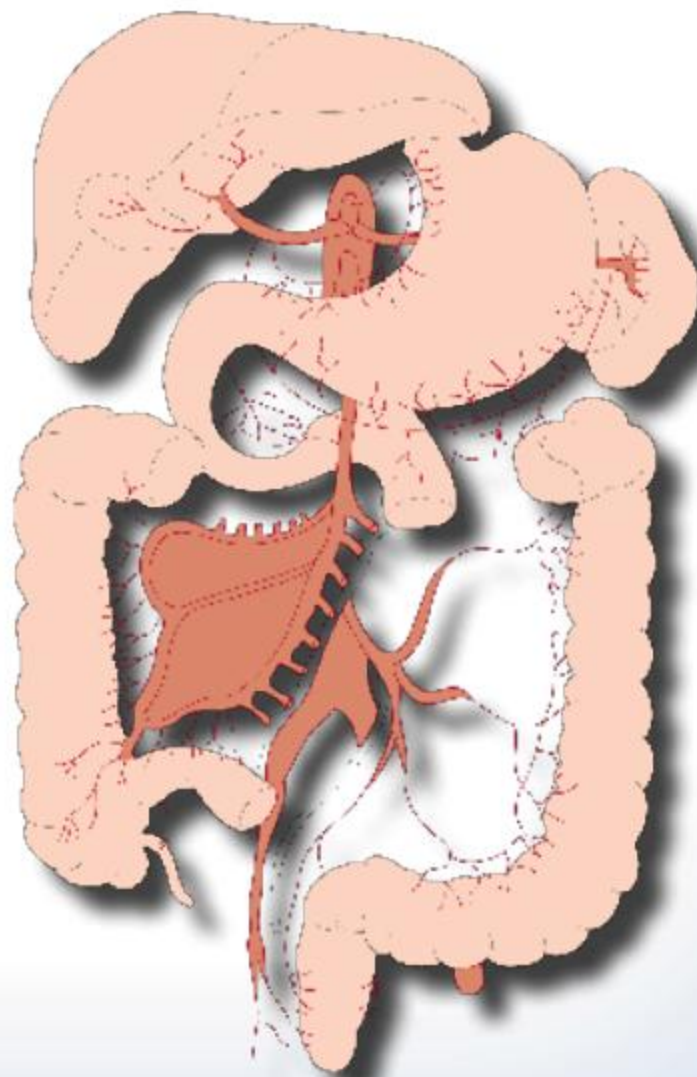
phóng thích adrenaline - hóa chất cấp cao làm bạn tỉnh táo. Các thay đổi nhỏ nhưng hiệu quả cao, lợi ích cho cơ thể.

5. Năng lượng cũng tăng thêm nhờ “thanh lọc” các việc đơn giản như sắp xếp bàn làm việc, xóa các e-mail hoặc tin nhắn, hoặc loại bỏ các vật dụng cũ (quần áo, sách báo,...) để làm “thoáng” nhà cửa.

6. Nghe nhạc với các tiết tấu nhanh chậm khác nhau, đừng nghe một loại tiết tấu (hoàn toàn chậm hoặc nhanh), tốt nhất là nghe tiết tấu chậm rồi nhanh dần. Âm nhạc rất kỳ diệu!

7. Ăn sáng và ăn trưa đầy đủ để có đủ năng lượng cho cơ thể, nhưng ăn tối ít. Ăn sáng giúp chuyển hóa năng lượng tốt, khiến bạn tỉnh táo hơn và làm việc hiệu quả hơn.

8. Tập trung vào những gì lạc quan, nhờ vậy mà bạn có thêm năng lượng, tất nhiên sẽ yêu đời hơn. Càng chú ý vào những phiền toái càng làm bạn mệt mỏi. Hãy suy nghĩ tích cực, loại bỏ các điều nuối tiếc và thất vọng. Nếu tập trung vào những gì mà bạn thấy là may mắn cho mình thì bạn sẽ mau chóng lạc quan để khả dĩ vui sống. ■





Luật sư Lâm Thị Mai đang hướng dẫn tại trường Trung cấp Phật học TP. HCM

LĨNH VỰC VỀ THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT

LS. Lâm Thị Mai

Theo Luật Dân sự năm 2005, quyền thừa kế là một trong những quyền cơ bản của công dân, được luật pháp bảo vệ. Quyền thừa kế bao gồm quyền được hưởng quyền thừa kế và quyền để lại thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc. Công dân có quyền tự do lập di chúc không ai được ép buộc để định đoạt tài sản của mình cho người khác hoặc cho Nhà nước, tổ chức xã hội...

Tuy nhiên, việc công dân lập di chúc để định đoạt tài sản phải tuân theo các qui định của pháp luật. Di chúc hợp pháp là di chúc tuân theo các qui định của pháp luật về hình thức và nội dung. Nội dung di chúc được lập phải rõ ràng minh bạch; đúng pháp luật là yếu tố căn bản làm giảm các tranh chấp thừa kế. Do đó, qui định của pháp luật về quyền lập di chúc của công dân là cần thiết cho công dân có tài sản muốn để lại thừa kế theo di chúc.

Điều 646 Bộ Luật Dân sự qui định: "*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*". Nội dung của việc chuyển tài sản qui định trong Điều 646 Bộ Luật Dân sự thực chất là việc chuyển quyền sở hữu tài sản, nghĩa là công dân lập di chúc, thì người lập di chúc đã chuyển quyền sở hữu cho người được thừa kế theo di chúc, vì lẽ khi một người đã chết, thì mọi nghĩa vụ của họ đã chấm dứt. Do đó việc chuyển giao tài sản của họ sang người được thừa kế là một sự chuyển giao hoàn toàn và triệt để, vì theo Điều 631 bộ Luật Dân sự đã qui định: "*Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình*"; theo từ điển tiếng Việt thì từ "định đoạt" được giải nghĩa là: "Quyết định dứt khoát dựa vào quyền hành tuyệt đối của mình", vì theo khoản 5 Điều 170 bộ Luật Dân sự thì "được thừa kế tài sản" là căn cứ xác lập quyền sở hữu.

Bộ Luật Dân sự Điều 631 và Điều 646 nội dung cơ bản chủ yếu về định đoạt tài sản khi lập di chúc là sự định đoạt dứt khoát, triệt để nhằm chuyển cái sở hữu của mình sang người khác mà không đổi lấy gì cả. Luật pháp không có điều khoản nào cấm công dân lập di chúc giao quyền sử dụng tài sản của mình cho người khác, người lập di chúc được định đoạt quyền sở hữu của mình, hậu quả pháp lý là bản di chúc có hiệu lực pháp luật được thực hiện.

- Câu hỏi:

Cô di đi tu có được hưởng thừa kế và có quyền để lại thừa kế tài sản không cô?

- Trả lời:

- Bộ luật dân sự năm 2005 có giá trị hiệu lực pháp luật cao nhất quy định rất cụ thể (Điều 631), không phân biệt người tôn giáo hay người không tôn giáo là cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình, để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật, hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

- Thừa và kế đều có nghĩa là tiếp nối, tiếp tục, người sống thừa hưởng tài sản của người qua đời, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu của công dân về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt tư liệu sản xuất như máy móc, kho xưởng, nguyên vật liệu, vốn bằng tiền vàng, ngoại tệ với số lượng không hạn chế, cổ phiếu v.v...Tóm lại tất cả mọi tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân sẽ trở thành di sản thừa kế khi người đó chết. ■

Những Tâm Tình Độc Giả

Hoàng Anh (Thực hiện)



* LUẬT SƯ LÂM THỊ MAI (GIÁM ĐỐC CÔNG TY LUẬT THIỆN VIỆT).

Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy phát hành, như tiếng chuông ngân vang lan tỏa đến đời sống tâm linh của các Phật tử Phật giáo và công chúng Việt Nam trong và ngoài nước. Đây là món ăn tinh thần cho những ai tìm cầu học đạo đem lại an lạc cho mình. Cá nhân tôi rất vui mừng, hoan hỉ, xin chúc mừng Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy ra đời. Theo tôi đánh giá rất tuyệt vời, nội dung phong phú, hình ảnh sinh động rõ nét nổi bật, trang giấy thơm, có điểm nhấn nhá mềm mại tạo ấn tượng, sự khéo léo kết hợp linh chuyển giữa các trang gợi mở cho người đọc liên tưởng đến phần sau. Mong rằng những số tiếp theo của Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy có nhiều trải nghiệm và hay hơn nữa, đó là điều đáng quý và trân trọng, tôi nghĩ đây cũng là tâm tư mong đợi của tôi và của mọi người.

Xin trân trọng chúc mừng.

* TRẦN CÔNG DƯƠNG (PD: ĐỨC MINH)

Kính bạch chư tôn đức tăng, Ban Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy

Con hiện là Phật tử của chùa Phổ Minh, con rất vui vì hệ phái Nam tông có được một ấn phẩm là Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, con đã đọc qua 03 số Tạp chí đã phát hành, con thấy từ bố cục đến hình thức của Tạp chí rất công phu và tỉ mỉ, nội dung thì phong phú, hay, trang trí đẹp mắt, nhân đây con cũng xin góp ý kiến một chút, nếu có thể Ban Biên tập (BBT) Tạp chí thêm vài mục nhỏ như: Giới thiệu tiểu sử của các vị Hòa thượng khai sáng Phật giáo Nguyên thủy, hỏi và đáp, thắc mắc về Phật pháp và mỗi kỳ Tạp chí cũng in thêm một bài kinh lễ bái tam bảo, kinh hạnh phúc v.v... để chúng con có thể học thêm vì số lượng kinh sách của Phật giáo Nguyên thủy đến tay của Phật tử rất ít, con chỉ có vài góp ý nhỏ xin góp ý đến BBT, nếu có gì không đúng, mong BBT bỏ qua cho con. Nhân đây con cũng xin chúc sức khỏe đến BBT Tạp chí và chúc cho Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy trở thành tờ báo lớn có uy tín của Phật giáo Nguyên thủy nói riêng và của GHPGVN nói chung.

Email: duongtrancong@gmail.com





*** ĐẠI ĐỨC THÍCH PHÁP NHIÊN (Trụ Trì chùa Siêu Lý Q.6)**

Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy (PGNT) ra đời, đây là một phương tiện ngôn luận riêng, có thể nói đó là một nỗ lực rất lớn của một số vị tôn túc trong Ban biên tập, có quan tâm tới việc phát triển hệ phái Nam tông và hoằng truyền chánh pháp tại Việt Nam. Về hình thức thì việc trình bày, dàn trang, trang trí có cải tiến nhiều; còn về nội dung bài viết thì cần phải không ngừng cải tiến hơn nữa để xứng tầm với quy mô của một tờ Tạp chí. Do vậy theo tôi muốn cho bài vở phong phú hơn cần phải biết cân, đo, đong, đếm và chọn lựa bài viết, khai thác những nội dung cố định và hạn chế tin thời sự vì đây là một tờ Tạp chí; cũng như tăng cường giới thiệu hình ảnh và thông tin về những nước mà Phật giáo nguyên thủy là quốc đạo chẳng hạn như những trường Phật học Nguyên thủy, những trung tâm dạy Thiền nổi tiếng ở nước ngoài v.v... Tạp chí cần đăng những gì mà độc giả có thể thích thú tìm đọc thay vì tìm trên mạng.

Ban Biên tập của Tạp chí cần thỉnh mời, hợp tác với các vị tôn túc trên các diễn đàn văn học Phật pháp để tham gia viết bài hay cố vấn trong công tác báo chí, nêu cao tinh thần đoàn kết nhất quán trong Phật giáo cùng hợp lực duy trì và phát triển.

Những bài báo nên làm sao phải là một cẩm nang cho những độc giả không phải là Phật tử hay những tu sĩ Tôn giáo khác có thể áp dụng cho bản thân mình và cũng như hiểu biết được về đạo Phật, nhân sự cộng tác làm báo cần chọn người có tâm và hạnh nguyện tốt. Tôi hy vọng tạp chí sẽ là gạch nối hiệu quả giữa Phật pháp và người đọc.



*** NHÀ THƠ TÂM UYÊN (HỒ THỊ KIM THOA)**

Sự ra đời chính thức của Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy là một khởi sắc lớn lao, vì Hệ phái từ nay có được tiếng nói riêng, có cơ hội phát triển và Phật tử đều được góp tiếng nói chung trên Tạp chí. Qua đây Tạp chí có thể phổ biến được giáo lý và truyền thông tin tức đến các Phật tử vùng sâu vùng xa trong cả nước.

Riêng tôi qua việc đọc 4 số đầu tiên của Tạp chí, tôi mới biết được công lao to lớn của các bậc Thầy tổ, ân sư bằng nhiệt tâm nhiệt huyết cả đời mình để đem giáo lý Phật giáo Nguyên thủy về phổ biến tại Việt Nam. Tôi nguyện cầu và phát tâm noi gương Thầy tổ ra sức xây dựng một ngôi chùa Nam Tông duy nhất tại Bến Tre có tên là "Tâm Thành". Tôi cầu xin Thầy tổ trợ lực, trợ duyên cho tôi hoàn thành ý nguyện và mong mọi cùng Tạp chí PGNT ra sức phát triển PGNT tại quê hương Đồng Khởi giàu truyền thống cách mạng này, hình thành cho dân chúng một nếp sống tâm linh theo chánh pháp của Đức Phật; hơn nữa Tạp chí PGNT là nơi hội tụ và gặp gỡ với các bậc tôn túc có tài trí đức hạnh của hệ phái Nam tông kinh và Phật giáo Nam tông Khmer Nam bộ để kịp sánh vai với các hệ phái bạn trong nước và trong quan hệ với PGNT Quốc tế.



*** ÔNG VÕ TẤN PHÁT (GIÁM ĐỐC CTY TNHH INBA)**

Buổi đầu đọc Tạp chí PGNT tôi nhận thấy về mặt hình thức báo in đẹp và mỹ thuật, màu sắc hài hòa tôi cảm thấy dễ chịu con mắt khi nhìn vào cách trang trí, dàn trang, kỹ thuật in ấn sắc nét so với báo Tập văn cũ của Hệ phái. Về nội dung thì xúc tích, giọng văn dễ hiểu và lời cuốn độc giả tham gia tìm hiểu Phật pháp do vậy Tạp chí PGNT sẽ dành cho những ai quan tâm đến Phật pháp thông qua những bài pháp thuyết giảng về thời đức Phật còn tại thế để từ đó mọi người cố gắng thực hiện một nếp sống đạo hạnh để tìm sự an lạc cho chính mình.

Trong tương lai tôi thấy Tạp chí nên thực hiện thêm mục thông báo những lễ hội lớn hàng năm của các chùa Phật giáo nguyên thủy để Phật tử nắm bắt được hoạt động nhằm sắp xếp thời gian tham gia. Mục thông báo này ít nhất phải báo trước một tháng trước khi ngày lễ hội diễn ra.

Tôi hy vọng Tạp chí PGNT sẽ là cầu nối giữa Phật pháp và quần chúng bạn đọc trong cũng như ngoài đạo, mong Tạp chí cung cấp thêm những kiến thức chuẩn xác về Phật pháp để mọi người hành theo nhất là pháp Thiền Tứ Niệm Xứ.



*** BÀ NGÔ THỊ NGỌC LIÊN (GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CỨU TRỢ TRẺ EM TÀN TẬT ĐÀ NẴNG)**

Miền Trung là nơi mà Phật giáo nguyên thủy (PGNT) chưa phát triển rộng, người dân chưa có khái niệm nhiều về Phật pháp, về lịch sử đức Phật, về quá trình 45 năm hoằng pháp của Ngài, do vậy sự hiện diện của Tạp chí PGNT tôi thấy đây là một Tạp chí rất đẹp về mặt hình thức, dễ thu hút người xem thỏa mãn được yêu cầu của độc giả.

Nội dung các bài báo trong Tạp chí đều được phân loại thành các tiêu đề làm cho người đọc cảm nhận được ít nhiều nguồn gốc của PGNT tại Việt Nam so với Phật giáo được du nhập thời Bắc thuộc. Những bài báo, với lời văn bình dị trong sáng khiến cho người đọc hiểu dễ dàng kể cả độc giả thuộc các hệ phái khác. Tuy nhiên, trong tương lai Tạp chí nên có hướng phổ biến cách học Thiền minh sát, giá trị của Thiền trong cuộc sống xô bồ vật chất hiện nay và đồng thời hình thành được một quan điểm sống trong tư tưởng của Phật tử Việt Nam về các loại Thiền mà đức Phật truyền lại, tránh cho họ lạc lõng về mặt ngôn từ, nhầm lẫn về danh xưng của Thiền Phật giáo.

Đà Nẵng là một nơi rất tốt để đặt một trạm phát hành Tạp chí, tôi sẽ giới thiệu và ủng hộ về phương diện này. Cuối cùng tôi rất mong Tạp chí PGNT sẽ là một phương tiện ngôn luận hữu hiệu tại miền Trung để được nhiều người biết tới.



KÍNH TẶNG NGÀI THIÊN TÂM

(Nhân dịp mừng sinh nhật lần thứ 65 của thầy 1-2-2011)

Sinh ra trong một gia đình chỉ có thờ cúng ông bà. Lớn lên đến tuổi làm chứng minh nhân dân, tờ khai có chỗ ghi: Tôn giáo? Theo sự chỉ dẫn của mọi người, cúng ông bà có nghĩa là theo ĐẠO PHẬT hoặc còn gọi là Phật giáo. Thế là tôi điền ngay hai chữ Phật giáo vào tờ khai. Từ đó làm bất cứ giấy tờ gì hoặc bạn bè thân quen có ai hỏi tôi có theo Tôn giáo nào không? Chẳng ngần ngại, tôi tự hào nói ngay: Tôi theo đạo Phật.

Lớn lên chút nữa, tôi có gia đình riêng, một căn nhà hơn 45m² được chia ra làm ba nơi riêng biệt. Ngoài cùng là nơi sạch sẽ và tôn kính nhất. Bởi ở đó tôi đặt một cái tủ đứng. Trên nóc tủ có một bát nhang, ba ly nước nhỏ. Vào ngày mùng 1 và 15 âm lịch hằng tháng, có thêm đĩa trái cây và bình bông. Tôi đốt 3 nén hương và lâm râm cầu nguyện, xin cho được mạnh khỏe, công việc làm của vợ chồng được chắc chắn, không thay đổi. Không tháng nào mà hai ngày đó tôi quên.

Lớn lên chút nữa. Tôi biết đi chùa và ăn chay. Ăn chay trường được càng tốt, nếu không ít nhất cũng phải 2 ngày trong tháng là mùng 1 và ngày rằm. Vậy là đúng hai ngày trong tháng, tôi chay tịnh tuyệt đối. Mặc dù ở cơ quan có liên hoan, bạn bè có tiệc tùng, họ hàng có tân gia, thôi nôi, đầy tháng... tôi vẫn chay tịnh (giữ giới).

Mỗi buổi chiều đi làm từ quận 3 về nhà ở Gò Vấp, tôi đều ghé vào chùa DS lạy Phật đọc kinh... Chỉ có ngày chủ nhật, nghỉ làm là tôi không đến chùa. Tôi thỉnh áo tràng mặc mỗi lần đến chùa. Sách kinh quyển nào tôi cũng có nhất là vào mấy ngày tết (trước rằm tháng giêng) đi được mười cảnh chùa là đại phước trong năm.

Lúc này, nhà tôi có tới bốn bàn thờ. Bàn thờ Phật, bàn thờ ông bà, bàn thờ ông Táo, bàn thờ ông Địa và thần Tài. Ai đến chơi, thấy nhà nhiều bàn thờ đều biết ngay tôi là một người theo đạo Phật trung thành.

Lớn lên chút nữa (lúc này tôi đã đến tuổi trung niên) Không biết có phải là tôi có phước hay tôi có duyên mà được chị bạn đồng nghiệp đưa đến chùa Phổ Minh chơi vào buổi trưa của một ngày bình thường chỉ có hai chị em tham quan nơi chánh điện vào buổi trưa im ắng, càng làm tôn vẻ trang nghiêm, cung kính nơi thờ phụng. Đúng là tôi có phước, phước thật sự vì sau mấy chục năm đến cửa chùa có bao giờ mà gặp được vị trụ trì của chùa như trưa nay tôi được gặp Ngài. Sau vài câu chào hỏi, Ngài biết tôi có đi chùa nhiều, tin Phật, tin Pháp, tin Tăng nhưng chưa có pháp danh. Do đó tôi xin quy y và có Pháp danh Như Hiền.

Vì phải mưu sinh, lặn lội kiếm sống hằng ngày, lâu lâu tôi mới tới chùa được. Mặc dù nhà tôi và chùa Phổ Minh chỉ cách nhau cầu Hang trong (Q. Gò Vấp). Có phải ngài biết tôi dữ mà đặt tên tôi Như Hiền không?



Bích Vân (PD Như Hiền)

Ngài sinh ra tôi lần thứ 2, đặt tên cho tôi, vậy là tôi có 2 tên mang theo suốt cuộc đời.

Tôi thật sự hiểu đạo là lúc tôi nghỉ việc ở ngoài đời, có nhiều thời gian rảnh, tôi đến chùa nơi mà tôi có thêm một tên mới Như Hiền thường xuyên hơn. Tôi được gặp Ngài trụ trì, tôi được Ngài giảng kinh, chỉ dạy điều nên làm và không nên làm; tôi hiểu thế nào là đạo Phật và Phật giáo hoàn toàn khác nhau (trước kia tôi nghĩ là một, chẳng qua là khác từ nhưng mà đồng nghĩa.) Tôi hiểu Phật là gì, và tử là gì một cách rõ ràng. (trước kia tôi hiểu Phật tử là người đi chùa, đến chùa).

Nhờ Thầy tôi hiểu chữ tu một cách rành rẽ (trước kia tôi nghĩ đến chùa nhiều là tu, ăn chay là tu, đọc kinh nhiều là tu, đốt nhang nhiều là tu).

Tôi bức xúc với hàng xóm vì chuyện nhỏ nhặt, tôi muốn chửi cho hả dạ, thậm chí muốn nhào vào đánh vài cái cho bỏ tức. Không hiểu Ngài có linh căn gì mà biết thấu lòng dạ tôi. Buổi học kinh hôm đó Ngài giảng đúng tâm trạng tôi Ngài nói "Còn nhiều sân quá, muốn hơn thua chỉ hại mình và hại người mà thôi. Con vật còn biết yêu thương đồng loại. Tại sao con người không biết yêu thương lẫn nhau, gây oan trái cho nhau làm gì, mình hãy rải tâm từ để được an vui".

Trước đây, tôi thắp ba nén hương, là cúi đầu lạy lìa lìa không hiểu có ý nghĩa gì? Nhưng bây giờ nhờ Ngài, tôi thắp ba nén hương, tôi hiểu rõ đó là Giới, là Định, là Tuệ.

Xuân này, tôi đã qua tuổi trung niên, nhưng tôi mới thật sự trưởng thành, tôi được Ngài khai sáng ra nhiều điều mới mẻ. Tôi hiểu biết nhiều hơn, sáng suốt hơn. Tôi thấy không có sách nào, trường nào dạy những lời Ngài giảng. Vô cùng bổ ích.

Vào ngày Đại lễ dâng y Kathina vừa qua. Ngài giảng Kinh, nói Pháp xong, có vị khách từ Sóc Trăng đến dự đã thốt lên: "Quý phật tử ở đây thật đại phước, được ở gần Ngài, được nghe Ngài nói Pháp, giảng Kinh. Chúng tôi muốn mà không được."

Tôi thật đại phước là người trong đạo tràng của chùa Phổ Minh, là nơi có Ngài trụ trì là thầy tôi chỉ dạy. ■

Hằng năm vào ngày mừng 5 Tết, Môn đồ Pháp quyền Hòa thượng Thiền sư Pháp Minh long trọng tổ chức lễ tưởng niệm ngày viên tịch của ngài. Năm nay 2011, Thượng tọa Tăng Định trụ trì chùa Kỳ Viên long trọng tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 18 ngày cố Hòa thượng Thiền sư Pháp Minh viên tịch. Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy trân trọng xin trích đăng đôi dòng Tiểu sử của Hòa thượng để giới thiệu tấm gương đạo đức, giới hạnh của Hòa thượng đến quý độc giả gần xa.

Hòa thượng Pháp Minh, pháp danh Vajjādhama Mahāthera, thế danh là Nguyễn Văn Long, sanh ngày 15 tháng 3 năm Mậu Ngọ – 1918, tại làng Phước Hải, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Tài, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Minh. Song thân Ngài đều là người hiền lành, đức độ và thuần kính Tam bảo.

Ngài xuất thân trong một gia đình trí thức yêu nước, có đạo đức truyền thống lâu đời. Ngay từ thuở nhỏ, Ngài đã chú trọng việc học, nhất là các môn ngoại ngữ, nên Ngài đã nhanh chóng thi đậu Diplôme (Diplôme d' Etudes primaires supérieures – Cao đẳng Tiểu học).

Cuộc sống trôi nhanh, cái sở học thế gian không thỏa mãn được một người có đầu óc hướng thượng, Ngài đã tìm đến giáo lý Phật đà, một ý thức hệ thực tiễn, hoàn thiện – một sự giải thoát tâm linh vi diệu, đó là nhân duyên ban đầu đến với Phật pháp của Ngài, hạt giống thiện được Ngài gieo trồng, chắt chiu từng ngày từng tháng, chỉ chờ có thuận duyên là đâm chồi, nảy nhánh... Ngày 7 tháng 2 năm 1965 (nhằm ngày 6 tháng Giêng, Ất Tỵ), Ngài được Hòa thượng Bửu Chơn, thọ ký làm Sa di tại chùa Phổ Minh – Gò Vấp – Gia Định. Lúc này Ngài đã 47 tuổi đời.

Ý niệm “Vô thường là việc lớn” đã thúc giục Ngài vững chí, tiến bước nhanh trên con đường giải thoát. Chỉ ba năm sau, Ngài được đăng đàn thọ giới Tỳ kheo nơi Hòa thượng Giới Nghiêm làm Thầy tế độ, tại chùa Pháp



TT. Tăng Định

Bảo, Mỹ Tho.

Từ xuất gia cho đến ngày thọ Đại giới, Ngài đã lần lượt tham phương, học đạo ở khắp nơi. Từ những vùng lân cận như chùa Phổ Minh, chùa Phước Hải – Vũng Tàu; Tịnh xá Ngọc Phương, Thủ Dầu Một đến những nơi xa xôi như Tịnh xá An Lạc – Bắc Mỹ Thuận, Tổ đình Bửu Quang – Gò Dưa; chỗ nào Ngài cũng lưu lại hình bóng tôn nghiêm của một sư giả Như Lai tự độ, độ tha.

Cuối năm 1969, sau khi du hóa mọi nơi, Ngài tạm dừng chân ở Tổ đình Bửu Quang – Gò Dưa để tiếp tục sự nghiệp tu hành.

Tháng 12 năm 1974, Ban quản trị thăng tịch Thích Ca Phật Đài ở Vũng Tàu thỉnh Ngài về tham gia công việc quản lý trụ xứ và hoằng dương chánh pháp. Ngài ở lại đây tu học được một năm và lại tiếp tục vân du khắp nẻo.

Năm 1975 – 1976, Ngài đi lần đến vùng Tô Châu ở Hà Tiên – Rạch Giá để hành đạo theo hạnh Đầu Đà Sau đó trở lại Tổ đình Bửu Quang – Gò Dưa lập cốc Bình Thủy để an cư thiền định và dịch kinh, viết sách. Vốn có sở học thế gian, lại thông thạo nhiều ngoại ngữ như : Anh, Pháp, Thái Lan, Khmer, Pàli... cộng thêm có trí tuệ thông minh hơn người, nên Ngài miệt mài soạn dịch rất nhiều kinh sách như các bộ :

- Chú giải Kinh Pháp Cú



- Cậu Kim Hòa
- Đại đức Hộ Mùi
- Tỳ kheo Korambi...

và trước tác rất nhiều tác phẩm mà hiện nay còn là bản thảo như:

- 1- Sổ Túc Quán thực tập
- 2- Cổng vào Niết bàn
- 3- Lâm Tuyền pháp
- 4- Chiến sĩ thượng thắng
- 5- Ba cách làm phước
- 6- Siêu pháp tiết chế tình dục
- 7- Việc tập tâm
- 8- Bốn Oai nghi
- 9- Hạnh nguyện Bồ Tát
- 10- Thiền Luận
- 11- Tùy bút Pháp hành
- 12- Kệ tụng Pāli

Ngoài ra, Ngài còn am hiểu nhiều về một số lĩnh vực khoa học, nghệ thuật cho nên tín đồ Phật tử càng ngày càng quy tụ đông, đa phần họ đều là những người có trí thức. Đối với bản thân, Ngài kiên trì tu hạnh Đầu đà khổ thực, hạnh không nằm và xiển dương pháp “Thiền quán” cho các đồ chúng noi theo.

Thế nhưng, “Thế gian vô thường, sanh tử hữu hạn”. Vào lúc 9 giờ sáng ngày mồng 5 tháng Giêng năm Quý Dậu (1993), Ngài ngồi kiết già, an nhiên thị tịch, trụ thế 75 tuổi đời, hưởng 28 tuổi đạo.

Hòa thượng Pháp Minh, tuy đến với Phật pháp không sớm như các vị tôn túc khác, nhưng thành quả đạt đạo, và sự nghiệp truyền bá chánh pháp thật đáng trân trọng – Đức hạnh Đầu đà tinh nghiêm cho đến ngày viên tịch và những di sản trí tuệ kinh sách, đã góp phần khơi nguồn làm cho đạo pháp sáng soi khắp nẻo, khắc đậm dấu ấn trong lòng Tăng tín đồ Phật tử Hệ phái Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam. ■



Khai mạc Hội Nghị kỳ 4 Khóa VI – Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Thiên Thanh

Hội nghị kỳ 4 Khóa VI của Giáo hội Phật giáo Việt Nam khai mạc vào lúc 8 giờ sáng ngày 7 tháng 01 năm 2011 tại thiền viện Quảng Đức, TP.HCM.

Chứng minh, chủ tọa và tham dự Hội nghị có HT. Pháp chủ HĐCM - HT. Chủ tịch HĐTS; chư Tôn giáo phẩm HĐCM và HĐTS; 147 Ủy viên HĐTS và 48 UV dự khuyết; chư tôn đức Ban Trị sự 53 tỉnh, thành hội Phật giáo, các Ban viện Trung ương; khách mời và đại diện Phật tử trong và ngoài nước.

Hội nghị đã thảo luận và thông qua: Báo cáo hoạt động năm 2010; phương hướng hoạt động Phật sự năm 2011 của Giáo hội; kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



A photograph showing a cluster of bright yellow flowers, possibly Mimosa pudica, in the upper right. Below them, a portion of a red sign with white text is visible, reading 'NG VINH MUON'. The background is a solid blue color.

A portrait of a middle-aged Buddhist monk with a shaved head and glasses. He is wearing traditional orange robes and a blue lanyard with a white identification tag. He is standing in front of a floral arrangement that includes yellow and pink flowers, and a red banner with Chinese characters. The background also shows some greenery and a wooden structure.

Ni sư trong cả nước. Về Phật giáo Nam Tông Kinh có Thượng Toạ Thích Hộ Chánh, UV-HĐTS, Phó ban hướng dẫn Phật tử, cố vấn trụ trì chùa Bửu Long, Q.9 tại TP.HCM, được tấn phong lên hàng giáo phẩm Hoà thượng.

PV, TCPGNT

Ngày 25 tháng 01 năm 2011 (nhằm ngày 22 tháng 12 năm Canh Dần), thực hiện tôn chỉ tốt đời – đẹp đạo. Chi hội từ thiện Hương Minh Hiếu, trụ xứ Tổ đình Bửu Quang đã phối hợp cùng với UBMT phường Bình Chiếu quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh phát 100 phần quà cho bà con nghèo tại địa bàn phường đón tết, mỗi phần quà trị giá 500.000 đồng (mỗi phần gồm quà và bao thơ 300.000 đồng). Cũng trong dịp tết đến tại Thiền viện Bồ Đề, phường 8, Tp.Vũng Tàu, đạo tràng phật tử Giác Bảo Hoa do cô Nguyễn Thị Cúc hướng dẫn và chi hội từ thiện Hương Minh Hiếu đã phát 100 phần quà cho những hộ nghèo tại địa phương đón tết nhằm giúp cho những gia đình khó khăn đón một mùa xuân ấm áp nghĩa tình.

Thiên Thanh

Vào ngày 14-1-2011 đoàn làm phim Hardnews Media Pvt Ltd của Ấn Độ do bà Archana Kapoor làm Giám đốc dẫn đầu đã được nhân viên Lãnh Sự quán Ấn Độ tại TP Hồ Chí Minh hướng dẫn đến thăm và phỏng vấn HT Thích Thiện Tâm, Phó Ban Phật giáo quốc tế TW GHPGVN, Phó Ban Trị Sự kiêm Trưởng Ban Phật giáo quốc tế TP.HCM về một số hoạt động đối ngoại của Phật giáo góp phần tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa Phật giáo Việt Nam với Ấn Độ và các nước Asean trong kế hoạch thực hiện cuốn phim tư liệu của chính phủ Ấn Độ .



Chuyến viếng thăm của Ban Tôn giáo Chính phủ

Lê Hà

Chiều ngày 24-1-2011 ông Bùi Hữu Dực, đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ đã đến thăm, chúc tết Hòa thượng Thích Thiện Tâm – Ủy viên Thường trực HĐTS và Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy tại chùa Phổ Minh số 2 Thiên Hộ Dương Q. Gò Vấp, TP. HCM. Tham dự buổi tiếp đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ còn có thượng tọa Bửu Chánh – Phó tổng Biên tập. Nhân dịp này, Hòa thượng Thích Thiện Tâm và TT. Thích Bửu Chánh đã trao đổi thêm một số vấn đề liên quan đến các hoạt động Phật sự của hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh. Buổi thăm viếng diễn ra trong tinh thần hoan hỷ và cởi mở.

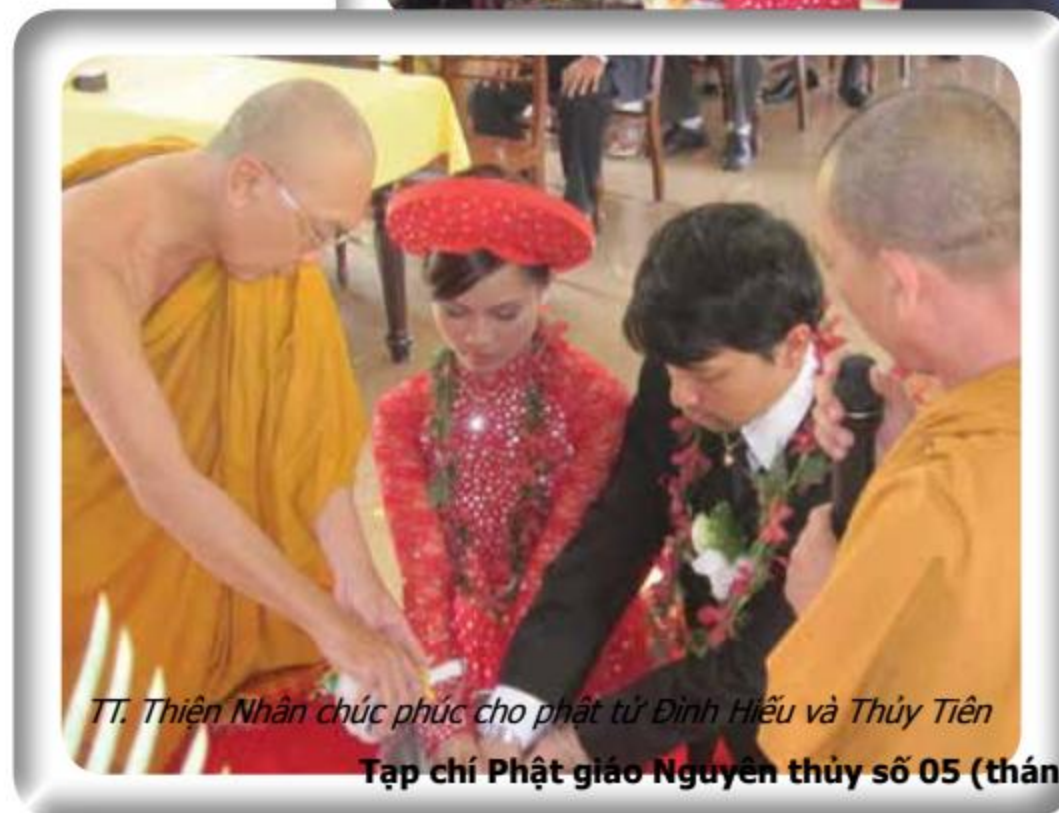


từ trái qua: HT Thiện Tâm, ông Bùi Hữu Dực, TT Bửu Chánh

Lễ Hằng Thuận tại chùa Xá Lợi Phật Đài - Q.9

PV. TCPGNT

Sáng chủ nhật ngày 3-1-2011 tại chùa Xá Lợi Phật Đài đã tổ chức lễ Hằng thuận cho hai Phật tử là Trần Đình Hiếu và Nguyễn Thị Thủy Tiên. Cuộc lễ dưới sự chứng minh của chư tôn thượng tọa, đại đức tăng trụ trì và đại diện các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Nam tông, cùng với sự tham dự của gia đình hai họ. Cuộc lễ diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm, thấm tình đạo vị.



TT. Thiện Nhân chúc phúc cho Phật tử Đình Hiếu và Thủy Tiên



Lê Húy nhật Ni trưởng Diệu Đáng

PV. TCPGNT

Sáng ngày 26 tháng 01 năm 2011, tại Chùa tổ Bửu Long long trọng tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 17 của cố Tu nữ Diệu Đáng viên tịch. Đến tham dự và chứng minh có Hòa thượng Chánh Đại diện Phật giáo Q.9 và các vị Tôn túc trong Ban đại diện, phía Phật giáo Nam Tông có Hòa thượng Viên Minh trưởng ban Phật giáo Nam Tông- Viện nghiên cứu Phật học Việt

Nam, Thượng tọa Tăng Định ủy viên Ban hoằng Pháp TW, giảng sư Học viện Phật giáo Việt Nam, Thượng tọa Bửu Chánh Ủy viên HĐTS. GHPGVN, viện phó Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. HCM, Đại đức Thiện Minh Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Từ thiện TW và chư tăng đại diện các chùa Phật giáo Nam Tông trong Tp. HCM và các tỉnh thành về đồng tham dự. Tu nữ Diệu Đáng là vị tu nữ xuất gia đầu tiên của Phật giáo Nam Tông Kinh, chẳng những có đạo hạnh mà còn có học thức uyên thâm. Ở Việt Nam, Tu nữ Diệu Đáng được xem là vị tổ khai sáng dòng phái Tu nữ Nam Tông Kinh. Hiện nay có khoảng 5 chùa Tu nữ riêng biệt và đa số tu học theo chùa Tăng. Theo thống kê năm 2010, có khoảng 350 vị Tu nữ. Để tưởng nhớ vị Tu nữ suốt đời phụng sự đạo pháp và dân tộc, tạp chí Phật giáo Nguyên thủy xin trích đăng đôi dòng Tiểu sử Tu nữ Diệu Đáng, nhằm giới thiệu đến độc giả gần xa.

Sư bà Diệu Đáng, pháp danh Tín Hạnh, tên Pāli là Vissutañāṇī, Ni Trưởng Hệ Phái Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam, tục danh là Lê Thị Tư, sinh năm 1924 tại Nam Vang, con thứ tư của ông Lê Văn Giảng và bà Võ Thị Nhung.

Xuất thân trong một gia đình trí thức trung lưu, cha là bác sĩ, nên từ nhỏ bà đã được giáo dục và học hành chu đáo.

Đến năm 1941 lúc thân phụ của Ni Trưởng xuất gia (là ngài Hộ Tông) có ngỏ ý hỏi trong gia đình con cái có ai muốn xuất gia theo người không, thì Ni Trưởng, lúc đó đang còn là một nữ sinh 17 tuổi, xin tình nguyện xuống tóc theo cha xuất gia làm tu nữ tại chùa Sùng Phước, Nam Vang.

Lúc mới xuất gia, Ni Trưởng chỉ nghĩ là theo cha để phục vụ báo hiếu, nhưng nhờ chuyên cần tu học đã trở thành một nữ tu gương mẫu.

Năm 1952, Ni Trưởng được tháp tùng phái đoàn Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam đi dự Hội kết tập Tam Tạng lần thứ 6 tại Rangoon, Miến Điện.

Năm 1956, Ni Trưởng chính thức đi du học Phật khoa tại Sagaing, Miến Điện. Tại đây, sau 6 năm theo học bà đã tốt nghiệp bằng Lower Grade Examination in Buddhism ưu hạng, và tiếp tục học thêm 5 năm để lấy bằng Middle và Higher Grade

Examination in Buddhism, một bằng cấp Pāli Abhidhamma rất khó học.

Năm 1966 Ni Trưởng trở về Việt Nam để củng cố lại Ni giới Hệ Phái PGNTVN nói chung và Ni chúng chùa Bửu Long nói riêng, và đã được Giáo Hội PGNTVN đề cử làm Ni Trưởng Ni Giới Phật Giáo Nguyên Thủy.

Năm 1971 đi Thái Lan trau dồi thiền quán.

Năm 1974 tháp tùng sư phụ là Ngài Hộ Tông trở lại Thái Lan tiếp tục hành thiền.

Năm 1980 theo Hòa Thượng Hộ Tông đi Pháp.

Năm 1992 Ni Trưởng đứng ra thành lập Ni Thiền Viện Bửu Long để đào tạo thế hệ mới cho tương lai Ni giới Nam Tông Việt Nam.

Ni Trưởng là người được chư Tăng, Ni chúng và thiện nam tín nữ kính nể vì sự thông minh, hiền hòa, chân thực và nhất là tinh thần phục vụ Đạo Pháp không bao giờ mỏi mệt.

Ni Trưởng là người đầu tiên tổ chức Ni chúng Nam Tông và với uy tín của mình Ni Trưởng đã giúp Ni giới Nam Tông ngày thêm phát triển.

Cuối năm 1994 Ni Trưởng lâm bệnh, nhưng tinh thần luôn tỉnh táo minh mẫn, cho đến 9 giờ 50 phút ngày 23 tháng 12 năm Giáp Tuất (ngày 23.1.1995) đã an nhiên thị tịch, hưởng thọ 72 tuổi. ■

THÍCH CA PHẬT ĐÀI

4/7 Trần Phú, Phường 5, TP. Vũng Tàu
ĐT: 064. 834 418

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Ban Quản trị
Trưởng ban: HT THIỆN TÂM

CHÙA BỬU QUANG

171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức, Tp. HCM
ĐT: 0837290248 - 0903870370

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

BAN QUẢN TRỊ
Trưởng ban: HT THIỆN TÂM
Thư ký kiêm quản sự: ĐD. THIỆN MINH

CHÙA PHỔ MINH

2 Thiên Hộ Dương, P. 1, Q. Gò Vấp, TP. HCM
ĐT: (08). 8945 049 - 0903. 951 075

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
HT. THÍCH THIỆN TÂM

THIÊN VIỆN PHƯỚC SƠN

Ấp Tân Cang, Xã Phước Tân, H. Long Thành, T. Đồng Nai
ĐT: 0913940683

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
TT. BỬU CHÁNH

CHÙA KỲ VIÊN

610 Nguyễn Đình Chiểu, P. 3, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (08). 3832 5522

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
TT. TĂNG ĐỊNH

CHÙA NAM TÔNG

220/110/166/1, TT. An Lạc, H. Bình Chánh, TP. HCM
ĐT: 08. 38754 246 - 08. 38858 099

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
ĐD. THIỆN HẠNH

CHÙA NGUYỄN THỦY

33-A đường 10, KP 1, P. Cát Lái, Q. 2, TP. HCM
ĐT: 08. 742 0214; 0918. 325 769

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
TT. PHÁP CHẤT

CHÙA BỬU LONG

81/1 Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Q.9, Tp. HCM
ĐT: 0837325059

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
HT. VIÊN MINH

CHÙA ĐẠI LỘC

13/46-M-5 Khajuhī, Sarnath, Varanasi-221007. U.P. India
ĐT: 09871641197 - 9936630292

Chúc Mừng Năm Mới

Viện chủ: **ĐD THIỆN MINH**
Trụ trì
ĐD. TƯỜNG QUANG

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA XÁ LỢI PHẬT ĐÀI

1A Đường A Khu Tái định cư Long Sơn,
P. Long Bình, Q. 9, TP. HCM
ĐT: 0913119094

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
TT. THIỆN NHÂN

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA TÂM THÀNH

Xã Quới Thành, H. Châu Thành, T. Bến Tre
ĐT: 0917850526

Chúc Mừng Năm Mới

Đại diện
ĐD THIỆN MINH
Cư sĩ **TÂM UYÊN**

*Xuân 2011
Tân Mão*

THIỀN VIỆN THIỆN MINH

Xã Bình Hòa Phước, H. Long Hồ, T. Vĩnh Long
ĐT: 0903870370

Chúc Mừng Năm Mới

Đại diện
ĐD. THIỆN MINH

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA PHÁP QUANG

414/17 Nơ Trang Long, Phường 13, Q. Bình
Thạnh, TP. HCM

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
TT. MINH GIÁC

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA PHẬT BẢO

57 Lạc Long Quân, Phường 10, Q. Tân Bình, TP. HCM

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
ĐD. CHÁNH NIỆM

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA CHANDARAMSYA

164/235 Trần Quốc Thảo, P. 7, Q. 3, TP. HCM
ĐT: 08. 3843 5359

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
TT. DANH LUNG

*Xuân 2011
Tân Mão*

THIỀN VIỆN BỒ ĐỀ

78/14 Bình Giã, P. 8, TP Vũng Tàu
ĐT: 0903870370

Chúc Mừng Năm Mới

Đại diện
ĐD. THIỆN MINH

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA HỘ PHÁP

45/4C Trần Phú, Phường 5, TP. Vũng Tàu
ĐT: 0937099508

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
TT. GIÁC TRÍ

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA PHÁP BẢO

44/448 Lý Thường Kiệt, P. 5, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
ĐD. BỬU HIỀN

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA TAM BẢO

323 Phan Chu Trinh, P. Bình Thành, TP. Đà Nẵng
ĐT:

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
TT. PHÁP CAO

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA THIÊN TRÚC (Chùa Phật Lộ)

Đường Phương Thành, KP 4,
Phường Bình San, Thị xã Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang.
ĐT: 077. 3852 993

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
ĐD. PHÁP HẢO

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA TỪ QUANG

63 Trần Bình Trọng, Phường 1, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Chúc Mừng Năm Mới

Đại diện
ĐD. MINH ĐỨC

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA PHỔ QUANG

Thôn 1, Xã Quảng Tiến, Huyện Cưm-gar, Tỉnh Đaklak
ĐT: 0935330199

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
ĐD. TÂM ĐỊNH

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA SIÊU LÝ

162/8 Đường 14-9, P. 5, TX. Vĩnh Long,
T. Vĩnh Long

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
TT. GIÁC SƠN

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA TRÚC LÂM HÓC MÔN

18/1 Ấp Xuân Thới Đông, Xã Tân Xuân,
H. Hóc Môn, TP. HCM

Chúc Mừng Năm Mới

Trụ trì
TT. TRÍ MINH

*Xuân 2011
Tân Mão*

CHÙA TĂNG BẢO

D3/1D Ấp 4, Xã Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh, TP. HCM
ĐT: 01688925246

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
ĐD. BỬU MINH

CHÙA PHƯỚC HẢI

38 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 2, TP. Vũng Tàu

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
ĐD. MINH HẠNH

CHÙA BỬU ĐỨC

C-61-A, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
ĐT: 061. 3952 320

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
TT. GIÁC CHÁNH

CHÙA TAM PHƯỚC

247 K II, Ấp Long Khánh 1, Xã Tam Phước,
H. Long Thành, T. Đồng Nai
ĐT: 0903856 854

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
ĐD. CHÁNH ĐỊNH

CHÙA THIỀN QUANG 1

Ấp 8, Xã Bình Sơn, H. Long Thành, T. Đồng Nai
ĐT: 0908504488

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
TT. THIỀN PHÁP

CHÙA BÁT CHÁNH ĐẠO

66/12A Đường Gò Dưa, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
ĐT: 0973152615

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
ĐD. PHƯỚC ĐỊNH

CHÙA QUẢNG NGHIÊM

Ấp Đông, Xã Phước Tân, H. Long Thành,
T. Đồng Nai
ĐT: 0903880456

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
TT. TUỆ QUYỀN

CHÙA BỬU THẮNG

126/331 Đường Cao Văn, P. 18, Q. Tân Bình, TP. HCM

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân 2011
Tân Mão

Trụ trì
ĐD. CHƠN MINH



Chùm ảnh hoạt động Phật sự

ảnh: Lê Hà



ảnh 1,2,3: Họp mặt Ban giảng huấn của Học viện PGVN tại TP. HCM nhân dịp đầu năm 2011



04



05



06

ảnh 4,5,6: TT. Bửu Chánh Phó BTS. PG tỉnh Đồng Nai dự Hội nghị tổng kết Phật giáo tỉnh Đồng Nai năm 2010

ảnh 7,8,9: Chư tôn đức HĐTS. TW thăm khu đất xây dựng Học viện mới



09



08



07

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 5

01	Trần Thị Bích Nhi Pháp danh Ngọc Hiền	50 quyển
02	Nguyễn Thị Thu, Pháp danh Diệu Tịnh	50 quyển
03	Nguyễn Thị Sâm, Pháp danh Ngọc Hiếu	50 quyển
04	Diệu Châu	20 quyển
05	Cao Vũ Hoàng, Pháp danh Minh Huệ	50 quyển
06	Ngô Bá Lê Tường	20 quyển
07	Lê Thị Xuân Lan	30 quyển
08	Châu Thị Minh Trang	30 quyển
09	Châu Thanh Phong	10 quyển
10	Như Tịnh- Như Ngọc	10 quyển
11	Ngô Thị Tuyền, Pháp danh Ngọc Hoa	10 quyển
12	Trần Ngọc Bửu	50 quyển
13	Nguyễn Thị Thanh	10 quyển
14	Trương Thị Nở	50 quyển
15	Gđ. Ái Hòa	66 quyển
16	Gđ. Tony Bùi, Trương Thị Bích Thủy	33 quyển
17	Nguyễn Thị Thanh Huyền	04 quyển
18	Châu Nguyễn Anh Vũ	25 quyển
19	Châu Nguyễn Minh Trang	25 quyển
20	Phan Thị Anh Thư	50 quyển
21	Võ Thị Túy	10 quyển
22	Sư Giác Khoan- Pháp viện Thánh Sơn	100 quyển
23	Bùi Nữ Thực Vy	60 quyển
24	Bùi Nữ Diễm Mi	60 quyển
25	Lê Ngọc Thiên An	50 quyển
26	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
27	Bùi Nữ Anh Thy	50 quyển
28	Bùi Nữ Phương Nghi	50 quyển

29	GĐ Nguyễn Thị Cúc	500 quyển
30	Khai Tâm	20 quyển
31	Hiền Khánh	133 quyển
32	Minh Đức	20 quyển
33	Như Đức	13 quyển
34	Đặng Kim Liên	13 quyển
35	Trần Ngọc Thụy Minh (PD: Hoa Minh)	20 quyển
36	Đặng Khoa	33 quyển
37	Nguyễn Thị Ngôn	13 quyển
38	Lê Thị Yến Chi	100 quyển
39	Trần Thị Phết	30 quyển
40	Tu nữ Quang Hạnh	33 quyển
41	Đại đức Phước Định	33 quyển
42	Nguyễn Thị Định - Vũng Tàu	33 quyển
43	Đại đức Chánh Định	200 quyển
44	Hồ Kim Ngọc - Vũng Phi Nga	133 quyển
45	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
46	Tu nữ Diệu Liên	04 quyển

MỜI ĐĂNG QUẢNG CÁO TRÊN TẠP CHÍ PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

- * Bìa bốn: 200 x 280mm = 8.000.000 đồng
- * Bìa hai: 200 x 280mm = 7.000.000 đồng
- * Bìa ba: 200 x 280mm = 6.500.000 đồng
- * Trang quảng cáo
 - 1/2 trang = 2.500.000 đồng
 - 1/4 trang = 1.500.000 đồng
 - 1/8 trang = 800.000 đồng

(Giá cho một lần đăng)

Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy

giá: 15.000 đồng